

**ĐỀ ÁN**  
**THÀNH LẬP THÀNH PHỐ QUẢNG NINH TRÊN CƠ SỞ**  
**ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH TỈNH QUẢNG NINH**

Xuất phát từ vị trí chiến lược, vai trò quan trọng của tỉnh Quảng Ninh đối với vùng Đông Bắc bộ, vùng đồng bằng sông Hồng, vùng thủ đô Hà Nội và cả nước; từ thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, thực tiễn phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh, yêu cầu phát triển theo định hướng quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt gắn với nhiệm vụ bảo vệ quốc phòng, an ninh, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử đặc sắc của dân tộc; đồng thời là khát vọng, mong muốn lớn lao của cả hệ thống chính trị và các tầng lớp Nhân dân tỉnh Quảng Ninh. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh kính trình Bộ Chính trị cho chủ trương thành lập thành phố Quảng Ninh trực thuộc Trung ương trên cơ sở địa giới hành chính tỉnh Quảng Ninh với các nội dung như sau:

**A. THÀNH LẬP THÀNH PHỐ QUẢNG NINH TRÊN CƠ SỞ TỈNH QUẢNG NINH HIỆN NAY**

**I. CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT THÀNH LẬP THÀNH PHỐ QUẢNG NINH**

**1. Căn cứ chính trị, pháp lý**

a) Căn cứ chính trị

- Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;

- Nghị quyết 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về Quy hoạch, xây dựng và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Nghị quyết 30-NQ/TW ngày 23/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng Sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Thông báo số 14-TB/VPTW ngày 13/02/2026 của Văn phòng Trung ương Đảng về thông báo kết luận của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm trong chuyến thăm, làm việc với Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh; Kết luận tại Phiên họp ngày 03/4/2026 của Bộ Chính trị đã thống nhất tán thành chủ trương thành lập thành phố Quảng Ninh trên cơ sở địa giới hành chính tỉnh Quảng Ninh;

- Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

b) Căn cứ pháp lý

- Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

- Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 144/2025/QH15;

- Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Nghị quyết số 252/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội về sửa đổi quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;

- Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính;

- Nghị định số 321/2025/NĐ-CP ngày 16/12/2025 của Chính phủ hướng dẫn việc lấy ý kiến Nhân dân về thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới và đổi tên đơn vị hành chính;

- Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030;

- Quyết định số 80/QĐ-TTg 11/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Quyết định số 891/QĐ-TTg 22/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hệ thống đô thị nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 368/QĐ-TTg 04/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch vùng đồng bằng sông Hồng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Nghị định 269/2025/NĐ-CP đánh dấu lần đầu tiên Chính phủ ban hành khung pháp lý tổng thể về phát triển đô thị thông minh.

## **2. Sự cần thiết thành lập thành phố Quảng Ninh**

**2.1. Thành lập thành phố Quảng Ninh, xây dựng thành phố thông minh gắn với chuyển đổi số là bước cụ thể hóa quan điểm, định hướng, mục tiêu của Bộ Chính trị và Nghị quyết Đại hội lần thứ XIV của Đảng về phát triển hệ thống đô thị nước ta**

a) Tại các văn bản quan trọng như: (1) Nghị quyết 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về Quy hoạch, xây dựng và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã đưa ra nhận định quá trình đô thị hóa, công tác quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển đô thị vẫn còn nhiều hạn chế; tỷ lệ đô thị hoá đạt được thấp hơn mục tiêu đề ra, còn khoảng cách khá xa

so với tỷ lệ bình quân của khu vực và thế giới; chất lượng đô thị hoá chưa cao, phát triển đô thị theo chiều rộng là chủ yếu, gây lãng phí về đất đai, mức độ tập trung kinh tế còn thấp; kết cấu, chất lượng hạ tầng đô thị chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển dân số và kinh tế khu vực đô thị; chưa thích ứng với biến đổi khí hậu, ứng phó với dịch bệnh quy mô lớn; năng lực quản lý và quản trị đô thị còn yếu, chậm được đổi mới,... Theo đó, Bộ Chính trị đặt ra mục tiêu giai đoạn tới đẩy nhanh tốc độ và nâng cao chất lượng đô thị hoá, phát triển đô thị bền vững theo mạng lưới, hình thành một số đô thị, chuỗi đô thị động lực thông minh kết nối với khu vực và thế giới; kết cấu hạ tầng của đô thị, nhất là hạ tầng kỹ thuật khung và hạ tầng xã hội thiết yếu được xây dựng và phát triển đồng bộ, hiện đại; kinh tế khu vực đô thị tăng trưởng nhanh, hiệu quả và bền vững; chất lượng sống tại đô thị ở mức cao, bảo đảm đáp ứng cơ bản nhu cầu về nhà ở và hạ tầng xã hội cho cư dân đô thị; phát triển kiến trúc đô thị hiện đại, xanh, thông minh, giàu bản sắc, các yếu tố văn hóa đặc trưng được giữ gìn và phát huy; (2) Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; (3) Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc, Báo cáo Chính trị trình Đại hội lần thứ XIV của Đảng đặt ra các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển chủ yếu 05 năm 2026 - 2030 là tỷ lệ đô thị hoá đến năm 2030 đạt trên 50%; phát triển hệ thống đô thị tập trung vào xây dựng đô thị xanh, thông minh, hiện đại, có bản sắc riêng, kết hợp hài hòa giữa truyền thống và sáng tạo; đồng thời chú trọng nâng cấp hạ tầng, cải thiện dịch vụ, đảm bảo an sinh, an toàn môi trường sống, hướng tới đô thị phát triển nhanh, bền vững và kết nối quốc tế; đồng thời, hình thành các cực tăng trưởng mạnh, các vùng kinh tế trọng điểm, các đô thị, các đặc khu kinh tế thế hệ mới ngang tầm khu vực và toàn cầu; (4) Quyết định số 891/QĐ-TTg ngày 22/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; (5) Nghị quyết số 306/NQ-CP ngày 05/10/2025 của Chính phủ về điều chỉnh quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đề ra mô hình phát triển đô thị đa trung tâm, kết nối liên vùng, hình thành chuỗi đô thị động lực quốc gia (Bắc - Trung - Nam); quy hoạch theo hướng xanh, thông minh, sử dụng năng lượng sạch, phương tiện công cộng, thích ứng biến đổi khí hậu; đầu tư đồng bộ giao thông đô thị (đường sắt, BRT), phát triển nhà ở xã hội, không gian xanh.

b) Cụ thể hóa các quan điểm, định hướng, mục tiêu phát triển đô thị nêu trên, gắn với bối cảnh thế giới đang bước vào giai đoạn tái định hình sâu sắc về kinh tế, công nghệ và môi trường, Quảng Ninh cũng không đứng ngoài cuộc khi theo đuổi một chiến lược phát triển mang tầm nhìn dài hạn. Đó là quá trình chuyển đổi kép gồm chuyển đổi số và chuyển đổi xanh như hai bánh răng đồng trục, cùng thúc đẩy lẫn nhau để vận hành theo định hướng mô hình đô thị thông minh, kiểu mẫu và bền vững. Đây không chỉ là lựa chọn về kỹ thuật hay chính sách, mà là yêu cầu phát triển tất yếu. Khi biến đổi khí hậu đe dọa trực tiếp các đô thị ven biển như Quảng Ninh, chuỗi cung ứng toàn cầu đang dịch chuyển dưới áp lực số hóa và xanh hóa thì việc kết hợp giữa tư duy công nghệ và tư duy sinh thái là con đường tất yếu để vươn lên.

Nhằm hiện thực hóa các mục tiêu trên, thời gian qua, tỉnh Quảng Ninh đã dồn lực phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, liên kết, hội nhập, tạo động lực và đột phá chiến lược cho giai đoạn phát triển mới theo mô hình đô thị thông

minh, kiểu mẫu của vùng Đông Bắc Bộ, vùng đồng bằng sông Hồng, vùng Thủ đô Hà Nội và cả nước. Theo đó, tinh tập trung trọng điểm vào ba trụ cột số hóa ưu tiên, bao gồm: Thứ nhất là sản xuất công nghệ cao, trong đó đẩy mạnh ứng dụng tự động hóa, trí tuệ nhân tạo (AI) và truy xuất dữ liệu theo thời gian thực tại các khu công nghiệp nhằm nâng cao năng suất và khả năng thích ứng với thị trường. Thứ hai là tài chính công nghệ, với định hướng kết nối hệ sinh thái tài chính với các khu công nghệ cao, hình thành chuỗi giá trị dịch vụ kỹ thuật số và thúc đẩy đổi mới sáng tạo. Thứ ba là logistics liên vùng, tập trung phát triển đồng bộ hạ tầng logistics gắn với các đầu mối giao thông trọng điểm, qua đó tối ưu dòng chảy thương mại nội địa và liên vùng. Xác định hạ tầng là “bước đi trước một bước”, là “trục xương sống” tạo ra động lực mới cho phát triển với việc đầu tư phát triển hệ thống đường, cầu, cảng biển, sân bay,... theo chiến lược, lấy liên kết vùng, kết nối quốc tế và phát triển bền vững làm định hướng trung tâm. Trong giai đoạn 2026 - 2030, tỉnh Quảng Ninh sẽ ưu tiên nguồn lực cho các công trình hạ tầng giao thông trọng điểm, hiện đại, đa phương thức với hệ thống giao thông được quy hoạch tổng thể, liên hoàn, đồng bộ giữa đường bộ, đường sắt, đường biển, đường hàng không, đường thủy nội địa và đường ven biển, tạo thành một mạng lưới giao thông mở, thúc đẩy giao thương, du lịch và logistics phát triển mạnh mẽ.

Song song với trụ cột chuyên đổi số, Quảng Ninh định hướng chuyên đổi xanh là trực nền tảng để phát triển bền vững. Theo đó, các khu công nghiệp sinh thái, khu phát thải ròng bằng 0, khu công nghệ cao được chú trọng đầu tư, hướng tới mô hình cộng sinh công nghiệp và dịch vụ. Đây là bước chuyển quan trọng để thu hút các ngành sản xuất công nghệ cao, công nghiệp sạch và dịch vụ chất lượng cao những lĩnh vực mang lại giá trị gia tăng lớn, thân thiện với môi trường, phù hợp với định hướng tăng trưởng xanh.

Như vậy, có thể khẳng định việc thành lập thành phố Quảng Ninh trực thuộc Trung ương góp phần tích cực, có ý nghĩa to lớn trong việc thực hiện các quan điểm, mục tiêu, định hướng của Trung ương về phát triển hệ thống đô thị nước ta, hướng tới xây dựng hoàn thiện mô hình đô thị thông minh tỉnh Quảng Ninh gắn với chuyên đổi số, là bước cụ thể hóa kịp thời Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyên đổi số và triển khai thực hiện ngay Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng. Theo đó, thành phố Quảng Ninh sau khi được thành lập sẽ phát triển theo mô hình “đô thị thông minh, kiểu mẫu”, gắn kết hạ tầng, không gian xanh, sinh thái, bảo vệ môi trường với kết cấu hạ tầng hiện đại, dịch vụ công nghệ cao, ứng dụng công nghệ để nâng cao chất lượng quản lý và cuộc sống người dân.

***2.2. Thành lập thành phố Quảng Ninh là thành phố biên giới (đất liền và trên biển) đầu tiên và duy nhất của nước ta với vai trò quan trọng trong hợp tác phát triển và là cầu nối giữa Việt Nam với các nước trong khu vực***

a) Tỉnh Quảng Ninh tiếp giáp với thành phố Đông Hưng thuộc Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây, nằm ngay đối diện với cửa khẩu Móng Cái, là một thành phố cửa khẩu lớn, sôi động; cách đó không xa là thành phố Nam Ninh - Thủ phủ của Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây, có vai trò quan trọng trong giao thương với Việt Nam và ASEAN,... Đây là các đô thị có vai trò quan trọng của Trung Quốc, là điểm trung chuyển hàng hóa, thúc đẩy hoạt động xuất nhập khẩu,

tạo ra các chuỗi giá trị sản xuất và dịch vụ xuyên biên giới; nơi tập trung các hoạt động đầu tư, phát triển cơ sở hạ tầng logistics (kho bãi, vận tải) hỗ trợ thương mại quốc tế. Việc thành lập thành phố Quảng Ninh với mô hình thành phố xanh, thông minh, hiện đại, dịch vụ chất lượng cao,... sẽ là một trong những đối trọng về phát triển đô thị và dịch vụ giữa Việt Nam với các đô thị biên giới lớn của Trung Quốc, tạo ra sự cạnh tranh lành mạnh và thu hút đầu tư. Theo đó, Quảng Ninh sẽ cạnh tranh về thu hút đầu tư với các đô thị của Trung Quốc bằng cách tập trung vào chất lượng vốn, công nghệ cao, kinh tế xanh, hạ tầng thông minh, dịch vụ logistics và cơ chế “kiến tạo phát triển” để thu hút FDI thế hệ mới, tạo sự khác biệt so với các thành phố Trung Quốc bằng mô hình phát triển bền vững, hiện đại và có giá trị gia tăng cao.

b) Tỉnh Quảng Ninh có vị trí chiến lược vô cùng quan trọng; là tỉnh có cả biên giới trên bộ và trên biển giáp Trung Quốc tạo thành cửa ngõ quan trọng kết nối Việt Nam với khu vực Đông Bắc Á và các nước khu vực Asean. Theo đó, với Trung Quốc thì Quảng Ninh là cửa ngõ chính (qua cửa khẩu Móng Cái), thúc đẩy xuất nhập khẩu và giao thương hàng hóa; Trung Quốc hiện là một trong những nhà đầu tư nước ngoài hàng đầu vào Việt Nam, dẫn đầu về số lượng dự án FDI mới, đặc biệt trong những năm gần đây dòng vốn và chất lượng đầu tư tăng mạnh, tập trung vào công nghệ cao và sản xuất; với khu vực Đông Bắc Á và các nước ASEAN thì Quảng Ninh là cầu nối giữa Trung Quốc với các nước khu vực ASEAN, giữa Việt Nam với khu vực Đông Bắc Á và các nước khu vực Asean thông qua hệ thống cảng biển và logistics, với hạ tầng logistics hiện đại, biến thành trung tâm logistics quan trọng, trung chuyển hàng hóa cho toàn khu vực.

Như vậy, với các lợi thế sở hữu hệ thống cao tốc, sân bay, cảng biển, cửa khẩu hiện đại, đồng bộ; các chính sách thu hút đầu tư mạnh mẽ, linh hoạt, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi và vị trí chiến lược, là mũi nhọn kinh tế vùng Bắc bộ, tam giác tăng trưởng kinh tế Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh,... thì việc thành lập thành phố Quảng Ninh sẽ tiếp tục củng cố vai trò của Quảng Ninh là cửa ngõ giao thương chiến lược, kết nối Việt Nam với Trung Quốc, Đông Bắc Á và các nước khu vực ASEAN qua hạ tầng giao thông đồng bộ (cao tốc, sân bay, cảng biển, cửa khẩu Móng Cái), thúc đẩy kinh tế cửa khẩu, du lịch quốc tế và logistics, trở thành trung tâm kết nối vùng, cửa ngõ quốc tế quan trọng, từ đó hội nhập sâu rộng hơn vào chuỗi cung ứng toàn cầu và phát triển kinh tế biển bền vững.

### ***2.3. Thành lập thành phố Quảng Ninh xuất phát từ vị trí, vai trò, tầm quan trọng của tỉnh Quảng Ninh đối với vùng Đông Bắc bộ, vùng đồng bằng sông Hồng, vùng Thủ đô Hà Nội và cả nước***

a) Quảng Ninh có vị trí địa lý chiến lược và đóng vai trò, tầm quan trọng, được ví như “viên ngọc quý”, “đầu tàu” kinh tế và “cực” phát triển của cả khu vực, đồng thời là một trong những cửa ngõ giao thương chính của Việt Nam với thế giới.

- Tỉnh Quảng Ninh nằm ở phía Đông Bắc, cách Thủ đô Hà Nội khoảng 150km về phía Đông, vừa thuộc vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc, vừa thuộc vùng duyên hải Bắc Bộ. Tỉnh Quảng Ninh có 6.231,30 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên, quy mô dân số 1.519.647 người, với 54 đơn vị hành chính cấp xã (gồm 22 xã, 30 phường và 02 đặc khu), nơi có Di sản thiên nhiên thế giới Vịnh Hạ Long - Quần đảo Cát Bà được

UNESCO 03 lần công nhận và là một trong 07 kỳ quan thiên nhiên mới của thế giới. Tỉnh Quảng Ninh được ví như một “Việt Nam thu nhỏ”, có đa dạng các loại địa hình từ đồng bằng, vùng núi, ven biển,...; là tỉnh miền núi, trung du nằm ở vùng duyên hải, với hơn 80% đất đai là đồi núi; địa hình của tỉnh đa dạng có thể chia thành 03 vùng gồm có vùng núi, vùng trung du, đồng bằng ven biển, vùng biển và hải đảo.

- Với vị trí địa lý đặc thù, đường bờ biển dài và nhiều cảng biển nước sâu quan trọng (như cảng Cái Lân, cảng Vân Đồn), Quảng Ninh đóng vai trò quan trọng và là cửa ngõ kết nối liên quốc gia, liên vùng và liên tỉnh. Cửa ngõ thứ nhất: Quảng Ninh là địa phương duy nhất ở Việt Nam có đường biên giới cả trên bộ lẫn trên biển với Trung Quốc, thị trường đông dân nhất trên thế giới, với Cửa khẩu quốc tế Móng Cái là điểm trung chuyển hàng hóa quốc tế sầm uất bậc nhất cả nước, tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển kinh tế cửa khẩu và thương mại song phương. Do đó, khi hai quốc gia tiến hành hợp tác phát triển dựa theo tuyến hành lang kinh tế, Quảng Ninh là một địa phương của Việt Nam nằm trong khu vực hợp tác “hành lang - con đường” giữa Việt Nam và Trung Quốc bao gồm 02 hành lang kinh tế Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, Nam Ninh - Bắc Trường - Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh và vành đai kinh tế ven biển Vịnh Bắc Bộ. Cửa ngõ thứ hai: Quảng Ninh là một cửa ngõ kết nối vùng đồng bằng sông Hồng với vùng Trung du miền núi phía Bắc. Trên thực tế, mặc dù theo phân vùng kinh tế hiện nay, Quảng Ninh thuộc vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ nhưng về mặt địa chất và địa lý, phần nhiều diện tích của Quảng Ninh thuộc vùng núi Đông Bắc. Cửa ngõ thứ ba: cùng với Hải Phòng, Quảng Ninh là cửa ngõ ra biển cho toàn miền Bắc, đặc biệt đi qua Quảng Ninh là đường ra biển nhanh nhất của 02 tỉnh năng động nhất vùng Trung du và miền núi phía Bắc hiện nay là Bắc Ninh và Lạng Sơn. Cùng với Hà Nội và Hải Phòng, Quảng Ninh được xác định là một cực trong tam giác phát triển vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ; trong đó Quảng Ninh tiếp giáp với Hải Phòng, tạo ra một cặp địa phương hỗ trợ phát triển lẫn nhau, hình thành một trung tâm biên mạnh của Việt Nam thông qua hệ thống hạ tầng giao thông phát triển đồng bộ, hiện đại.

b) Quảng Ninh là một trong những tỉnh có hệ thống hạ tầng giao thông phát triển đồng bộ, hiện đại và đột phá nhất cả nước. Tỉnh đã đi đầu trong việc đầu tư, xây dựng các công trình giao thông trọng điểm, tạo ra lợi thế kết nối liên vùng mạnh mẽ, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Hệ thống giao thông của Quảng Ninh phát triển trên cả 4 hình thức: đường bộ, đường biển, đường hàng không, đường sắt và đường thủy nội địa.

- Hạ tầng đường bộ phát triển hàng đầu, là tỉnh có hệ thống đường cao tốc dài nhất Việt Nam do một địa phương tự đầu tư, với tổng chiều dài khoảng gần 200 km. Tuyến cao tốc trục chính có cao tốc Hải Phòng - Hạ Long - Vân Đồn giúp rút ngắn đáng kể thời gian di chuyển từ Hà Nội/Hải Phòng đến Hạ Long và khu vực kinh tế Vân Đồn; cao tốc Vân Đồn - Móng Cái giúp kết nối thông suốt từ cửa khẩu quốc tế Móng Cái đến hết địa phận tỉnh Quảng Ninh và nối với mạng lưới cao tốc quốc gia. Bên cạnh đó, hệ thống quốc lộ và tỉnh lộ như các tuyến Quốc lộ 18, 10, 279,... và các tuyến tỉnh lộ được nâng cấp, mở rộng, đảm bảo kết nối thông suốt giữa các địa phương trong tỉnh và các tỉnh lân cận; các công trình cầu lớn, hiện đại như cầu Bạch Đằng, cầu Cửa Lục 1, 3, cầu Vân Đồn 1, 2, 3,... giúp khắc phục rào cản địa hình sông, biển, tạo sự liên kết chặt chẽ các khu vực kinh tế.

- Hạ tầng hàng không đạt tiêu chuẩn quốc tế, cảng hàng không quốc tế Vân Đồn là sân bay quốc tế tư nhân đầu tiên của Việt Nam, do Sun Group đầu tư. Sân bay đóng vai trò chiến lược trong việc thu hút du khách và nhà đầu tư, thúc đẩy phát triển kinh tế đêm, du lịch cao cấp cho Quảng Ninh và cả Vùng Đông Bắc Bộ.

- Hạ tầng đường biển và cảng biển quan trọng, cảng biển nước sâu Cái Lân là một trong những cảng biển nước sâu lớn và hiện đại nhất miền Bắc, có khả năng tiếp nhận các tàu container trọng tải lớn, đóng vai trò quan trọng trong logistics và xuất nhập khẩu hàng hóa của cả khu vực; hệ thống cảng du thuyền và bến tàu phục vụ phát triển du lịch, đặc biệt là các cảng tàu khách quốc tế hiện đại như Cảng tàu khách quốc tế Hạ Long, đáp ứng nhu cầu tham quan Vịnh Hạ Long và các tuyến du lịch biển.

Những yếu tố quan trọng này tạo cho Quảng Ninh lợi thế cạnh tranh vượt trội, là động lực chính thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của vùng Đông Bắc Bộ, vùng đồng bằng sông Hồng, vùng Thủ đô Hà Nội và cả nước. Sau khi trở thành thành phố trực thuộc Trung ương, Quảng Ninh tiếp tục đầu tư mạnh mẽ vào hạ tầng giao thông để hoàn thiện mạng lưới đồng bộ, hiện đại với trọng tâm là phát triển kinh tế biển và dịch vụ logistics.

#### ***2.4. Thành lập thành phố Quảng Ninh xuất phát từ thực trạng phát triển kinh tế - xã hội và yêu cầu động lực thúc đẩy sự phát triển của vùng phía Bắc nước ta***

a) Thời gian qua, Quảng Ninh liên tục duy trì tốc độ tăng trưởng GRDP cao nhất cả nước, là động lực thúc đẩy sự phát triển chung của toàn vùng; là trung tâm năng lượng quốc gia, trung tâm khai thác than đá lớn nhất, đảm bảo an ninh năng lượng cho cả vùng và toàn quốc với di sản Vịnh Hạ Long, du lịch là ngành kinh tế mũi nhọn, thu hút lượng lớn du khách và nguồn thu cho cả khu vực; là điểm đến hấp dẫn bậc nhất về FDI và đầu tư công, đi đầu trong việc xây dựng hệ thống cao tốc và sân bay quốc tế, tạo tiền đề cho sự phát triển đồng bộ hạ tầng của cả vùng. Giai đoạn 2021 - 2025, kinh tế - xã hội của tỉnh đạt tốc độ tăng trưởng dẫn đầu cả nước. Quảng Ninh liên tục duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế ở mức cao, thuộc nhóm 5 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước. Năm 2025, GRDP đạt mức tăng trưởng cao, đạt 11,89%; Quy mô nền kinh tế ước đạt 368.445 tỷ đồng; Cơ cấu kinh tế đến hết năm 2025: Khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm 4,63%; Khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 46,18%; Khu vực Dịch vụ và Thuế sản phẩm chiếm 49,19%, trong đó dịch vụ chiếm 37,81%, Thuế sản phẩm chiếm 11,38%; GRDP bình quân đầu người đạt trên 10.400 USD; năng suất lao động xã hội đạt 537 triệu đồng, người, tăng 11,6%. Quảng Ninh đã nỗ lực thu hút vốn FDI, với mục tiêu đạt 3 tỷ USD trong cả năm, nằm trong nhóm các địa phương dẫn đầu cả nước về thu hút FDI, cho thấy môi trường đầu tư kinh doanh được duy trì ổn định. Lượng khách du lịch và doanh thu từ du lịch có sự phục hồi và tăng trưởng đáng kể so với cùng kỳ năm 2024. Tỉnh đã đón hơn 21 triệu lượt khách, doanh thu du lịch đạt trên 57.000 tỷ đồng. Tỉnh tiếp tục chuyển đổi thành công mô hình tăng trưởng khu vực dịch vụ, du lịch, công nghiệp chế biến, chế tạo công nghệ cao, ngày càng chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu kinh tế. Tổng thu ngân sách nhà nước luôn vượt dự toán được giao. Đặc biệt, thu nội địa tăng trưởng mạnh mẽ, cho thấy nội lực kinh tế vững chắc. Tổng thu ngân sách năm 2025 đạt 85.052 tỷ đồng, bằng 154% dự toán Trung ương giao, bằng 148% dự

toán Tỉnh giao, tăng 58% so với cùng kỳ, khẳng định vị thế là một trong những địa phương đóng góp ngân sách lớn nhất cả nước. Quảng Ninh là điểm sáng trong thu hút vốn đầu tư nước ngoài (FDI), liên tục nằm trong top các địa phương dẫn đầu. Các dự án lớn từ các nhà đầu tư chiến lược tiếp tục được triển khai, đặc biệt tại các khu kinh tế Vân Đồn, Quảng Yên, Móng Cái.

b) Với vai trò, định hướng là một cực tăng trưởng kinh tế toàn diện của phía Bắc, đóng vai trò hạt nhân trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ; là trung tâm khai thác than đá lớn nhất cả nước, đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia; kinh tế biển, cảng biển và dịch vụ hậu cần cảng cũng là thế mạnh chiến lược, đóng góp lớn vào ngân sách và phát triển chung của vùng; là cửa ngõ giao thương với Trung Quốc, đóng vai trò là một mắt xích quan trọng trong chuỗi cung ứng và logistics của khu vực phía Bắc,... Theo đó, việc thành lập thành phố Quảng Ninh giúp kinh tế phát triển, tạo ra động lực tăng trưởng mới; đóng vai trò quan trọng, mang tính chiến lược đối với phát triển kinh tế phía Bắc nước ta, được xác định là cực tăng trưởng kinh tế toàn diện, là đầu tàu và hạt nhân của Vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ.

### ***2.5. Thành lập thành phố Quảng Ninh xuất phát từ lịch sử hình thành và yêu cầu thực tiễn phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh thời gian qua***

a) Quá trình phát triển đô thị của tỉnh Quảng Ninh đã diễn ra một cách mạnh mẽ, liên tục và có sự chuyển đổi mang tính đột phá, đặc biệt tăng tốc trong những năm gần đây, hướng tới mục tiêu trở thành Thành phố trực thuộc Trung ương. Trong đó, giai đoạn từ 2010 đến nay là giai đoạn bứt phá và đồng bộ hạ tầng. Theo đó, tỉnh đã thực hiện các quy hoạch tổng thể mang tầm quốc tế, xác định rõ các vùng kinh tế trọng điểm, các hành lang và vành đai kinh tế; đầu tư hạ tầng giao thông, việc đầu tư mạnh mẽ vào các công trình hạ tầng chiến lược như Cảng hàng không quốc tế Vân Đồn, hệ thống đường cao tốc (Hải Phòng - Hạ Long - Vân Đồn - Móng Cái), cầu Bạch Đằng, đã tạo ra sự kết nối liên vùng, thay đổi hoàn toàn diện mạo và vị thế của các đô thị. Như vậy, giai đoạn này hình thành nhiều thành phố thuộc tỉnh" theo mô hình đô thị đa cực, tập trung vào ba vùng động lực chính, gồm: khu vực phía Tây có Uông Bí, Đông Triều, Quảng Yên (Trung tâm công nghiệp, dịch vụ logistics); khu vực trung tâm có Hạ Long, Cẩm Phả, Vân Đồn (trung tâm hành chính, du lịch, dịch vụ biển, kinh tế biển); khu vực phía Đông có Móng Cái, Hải Hà (Khu kinh tế cửa khẩu, thương mại quốc tế).

b) Quá trình phát triển mạnh mẽ về đô thị của tỉnh Quảng Ninh đã đẩy tỷ lệ đô thị hóa đạt mức cao so với mặt bằng chung cả nước (đạt khoảng 75% vào cuối năm 2025), tiệm cận với tỷ lệ của các thành phố trực thuộc Trung ương; đồng thời, diện mạo đô thị được hình thành và từng bước hiện đại với các đô thị được đầu tư xây dựng hiện đại, xanh, sạch, đẹp, với nhiều khu đô thị kiểu mẫu, công viên, cảnh quan được chú trọng.

Như vậy, quá trình phát triển đô thị là tiền đề quan trọng, hướng tới mục tiêu lớn nhất là đưa Quảng Ninh trở thành Thành phố trực thuộc Trung ương, đóng góp vào sự phát triển chung của Quốc gia.

### ***2.6. Thành lập thành phố Quảng Ninh xuất phát từ yêu cầu bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử đặc sắc của dân tộc***

a) Quảng Ninh là vùng đất giàu truyền thống lịch sử và văn hóa, được coi là nơi hội tụ và giao thoa của các luồng văn hóa từ miền núi xuống biển và từ đồng bằng lên trung du, tạo nên bản sắc độc đáo và đa dạng. Là một trong những cái nôi của nền văn hóa tiền sử Việt Nam, với các di chỉ khảo cổ học nổi tiếng thuộc Văn hóa Hạ Long (khoảng 3.000 - 5.000 năm trước), phân bố chủ yếu tại các đảo trên Vịnh Hạ Long, Vịnh Bái Tử Long. Vùng đất anh hùng với truyền thống chống giặc ngoại xâm; là địa danh lịch sử gắn liền với ba trận thủy chiến lừng lẫy trong lịch sử Việt Nam, đặc biệt là chiến thắng của Ngô Quyền (năm 938) và Hưng Đạo Đại vương Trần Quốc Tuấn (năm 1288) chống quân Nam Hán và quân Nguyên Mông; là nơi Vua Trần Nhân Tông sau khi nhường ngôi đã lên tu hành và sáng lập ra Thiên phái Trúc Lâm Yên Tử, dòng thiền thuần Việt đầu tiên của Việt Nam; là nơi sinh sống của nhiều dân tộc thiểu số (như Dao, Tày, Sán Dìu, Sán Chỉ, Hoa), mỗi dân tộc đều giữ gìn bản sắc văn hóa, phong tục tập quán, lễ hội riêng biệt, góp phần làm phong phú thêm bức tranh văn hóa chung của tỉnh.

b) Việc Quảng Ninh trở thành Thành phố trực thuộc Trung ương có ý nghĩa to lớn, tạo điều kiện thuận lợi và thúc đẩy mạnh mẽ công tác bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa - lịch sử đặc sắc của dân tộc, đặc biệt là các di sản nổi tiếng như Vịnh Hạ Long và Quần thể Di tích Yên Tử.

- Nâng cao vị thế và cam kết bảo tồn di sản quốc gia, quốc tế: Với vị thế Thành phố trực thuộc Trung ương, công tác quản lý nhà nước về văn hóa, di sản sẽ được nâng tầm, đảm bảo sự lãnh đạo, chỉ đạo tập trung, xuyên suốt hơn từ Trung ương, phù hợp với tầm vóc quốc gia và quốc tế của các di sản. Vịnh Hạ Long là Di sản Thiên nhiên Thế giới. Vị thế mới giúp Quảng Ninh tăng cường cam kết và trách nhiệm quốc gia trong việc thực thi các công ước quốc tế về bảo vệ di sản, nâng cao uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế.

- Thu hút nguồn lực và đầu tư cho công tác bảo tồn: Mô hình thành phố trực thuộc Trung ương thường đi kèm với cơ chế tài chính đặc thù, cho phép tỉnh chủ động hơn trong việc phân bổ ngân sách, thu hút nguồn vốn ODA, vốn xã hội hóa cho các dự án trùng tu, tôn tạo di tích và bảo tàng. Thu hút được đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học, nhà quản lý văn hóa giỏi về làm việc, nâng cao chất lượng công tác nghiên cứu, bảo tồn một cách chuyên nghiệp và bền vững.

- Tối ưu hóa phát triển du lịch di sản bền vững: Cho phép xây dựng các quy hoạch tổng thể, liên ngành, hài hòa giữa phát triển kinh tế du lịch với bảo tồn giá trị cốt lõi của di sản, tránh tình trạng phát triển du lịch ồ ạt gây ảnh hưởng tiêu cực đến di tích, cảnh quan. Các giá trị văn hóa (như Văn hóa Hạ Long, Thiên phái Trúc Lâm Yên Tử) sẽ được đầu tư khai thác một cách bài bản, sáng tạo, thông qua các công nghệ hiện đại, nâng cao trải nghiệm cho du khách, từ đó tăng giá trị kinh tế mà vẫn giữ gìn được nét đặc sắc văn hóa.

- Lan tỏa giá trị văn hóa công nhân và văn hóa biển đảo: Vị thế mới giúp Quảng Ninh có điều kiện bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa đặc thù của mình, ví dụ như văn hóa công nhân Vùng mỏ, văn hóa biển đảo, văn hóa các dân tộc thiểu số, biến những nét riêng biệt này thành tài sản văn hóa chung của cả nước. Quảng Ninh sẽ trở thành hình mẫu về sự phát triển kinh tế năng động nhưng vẫn giữ gìn được

bản sắc văn hóa sâu sắc, chứng minh rằng phát triển hiện đại và bảo tồn truyền thống có thể song hành cùng nhau.

Như vậy, việc trở thành Thành phố trực thuộc Trung ương là đòn bẩy chiến lược, củng cố nền tảng pháp lý, tài chính và nhân lực để Quảng Ninh thực hiện tốt sứ mệnh bảo tồn và phát huy tối đa các giá trị văn hóa lịch sử đặc sắc, không chỉ phục vụ cho sự phát triển của địa phương mà còn đóng góp vào kho tàng văn hóa chung của dân tộc Việt Nam và nhân loại, là bước cụ thể hóa Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển Văn hóa Việt Nam.

## ***2.7. Thành lập thành phố Quảng Ninh xuất phát từ yêu cầu phát triển theo quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt***

a) Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội đã xác định Quảng Ninh cùng với các tỉnh, thành phố Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng là 01 trong 02 vùng động lực phát triển kinh tế của cả nước gắn với cực tăng trưởng là Thủ đô Hà Nội; cùng với thành phố Hải Phòng trở thành trung tâm kinh tế biển hiện đại, mang tầm quốc tế, hàng đầu ở Đông Nam Á; phát triển Quảng Ninh trở thành trung tâm du lịch quốc gia kết nối với các trung tâm du lịch quốc tế lớn của khu vực và thế giới.

b) Quy hoạch hệ thống đô thị nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 891/QĐ-TTg 22/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ đã xác định Quảng Ninh thuộc vùng đô thị Hà Nội; hình thành các vành đai công nghiệp, đô thị, dịch vụ dọc theo các đường vành đai 4, vành đai 5 vùng Thủ đô Hà Nội và quốc lộ 18, quốc lộ 5 Hà Nội - Hải Phòng, Hà Nội - Quảng Ninh; hình thành các chùm, chuỗi đô thị trên tuyến hành lang kinh tế (i) vùng phía Đông gắn với cao tốc Bắc - Nam và quốc lộ 1A từ Lạng Sơn đến Cà Mau và vùng phía Tây, gắn với đường Hồ Chí Minh và cao tốc Bắc - Nam phía Tây; (ii) các vùng động lực có cảng hàng không quốc tế và cảng biển quốc tế, có tiềm lực khoa học công nghệ, nhân lực chất lượng cao; tam giác Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh; đồng thời, danh mục loại đô thị đến năm 2030 thì tỉnh Quảng Ninh có 4 đô thị loại I (Hạ Long, Cẩm Phả, Uông Bí, Móng Cái), có 2 đô thị loại II (Vân Đồn, Đông Triều), có 1 đô thị loại III (Tiên Yên). Đến năm 2030, tỉnh Quảng Ninh là đô thị loại I, trở thành thành phố trực thuộc Trung ương.

c) Quy hoạch vùng đồng bằng sông Hồng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 368/QĐ-TTg 04/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ đã xác định xây dựng khu vực Hải Phòng - Quảng Ninh trở thành trung tâm kinh tế biển hiện đại; là cửa ngõ của vùng gắn với cảng cửa ngõ quốc tế Lạch Huyện; phát triển các ngành vận tải biển, dịch vụ cảng biển, du lịch biển đảo, kinh tế khoa học công nghệ biển và các ngành kinh tế biển mới (năng lượng tái tạo từ biển, công nghệ sinh học biển, dịch vụ và sản phẩm biển công nghệ cao,...); Quảng Ninh giữ vai trò là một trong những đầu tàu thúc đẩy sự phát triển của vùng, đặc biệt trong phát triển các ngành kinh tế dịch vụ, du lịch, công nghiệp; Hạ Long có vai trò là kết nối, hỗ trợ và lan tỏa sự phát triển từ vùng động lực Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh đến vùng biên giới Việt Trung, khu vực Vịnh Bắc Bộ.

d) Quy hoạch vùng đồng bằng sông Hồng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến

năm 2050 tại Quyết định số 368/QĐ-TTg 04/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ Quy hoạch tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 80/QĐ-TTg 11/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ đã xác định đến năm 2030, tỉnh Quảng Ninh có 12 đơn vị hành chính với 13 đô thị; Quảng Ninh trở thành thành phố trực thuộc trung ương trên cơ sở hình thành khu vực nội thành bao gồm 07 thành phố (Hạ Long, Cẩm Phả, Uông Bí, Móng Cái - Hải Hà, Đông Triều, Quảng Yên, Vân Đồn) và tái lập thị xã Tiên Yên. Đẩy nhanh tốc độ và nâng cao chất lượng đô thị hóa gắn với nâng cao hiệu quả kinh tế đô thị, phát triển các đô thị đồng bộ về kinh tế, xã hội, kết cấu hạ tầng, kiến trúc, nhà ở, chất lượng sống của người dân; chú trọng các công trình, dự án xây dựng thấp tầng, thiết kế tự nhiên, thân thiện với môi trường tại các khu du lịch ven biển. Mở rộng không gian phát triển đô thị của thành phố Hạ Long, lấy vịnh Cửa Lục làm trung tâm kết nối phát triển đô thị theo mô hình đa cực, mở rộng đô thị lên phía Bắc. Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội thành phố Hạ Long đồng bộ, hiện đại, giữ vững tiêu chí đô thị loại I. Xây dựng thành phố Móng Cái và thị trấn Quảng Hà gắn với xây dựng Khu kinh tế Cửa khẩu Móng Cái và Khu công nghiệp dịch vụ - cảng biển Hải Hà có hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, mạng lưới dịch vụ hoàn thiện; hấp dẫn đầu tư, thu hút lực lượng lao động, đảm bảo môi trường xanh, sạch, đẹp. Xây dựng, phát triển đô thị, kinh tế thương mại biên giới tại các khu kinh tế cửa khẩu Bắc Phong Sinh, Hoàn Mô - Đông Văn gắn liền với bảo đảm quốc phòng - an ninh. Xây dựng và phát triển đô thị thích ứng với biến đổi khí hậu, tăng trưởng xanh, thông minh, văn minh, giàu bản sắc và có tính tiên phong dẫn dắt các hoạt động đổi mới sáng tạo, trở thành động lực của phát triển.

### ***2.8. Thành lập thành phố Quảng Ninh xuất phát từ yêu cầu của nhiệm vụ quốc phòng, an ninh***

Quảng Ninh có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về quốc phòng - an ninh, là tỉnh biên giới trên bộ và trên biển, giáp Trung Quốc, đóng vai trò là “phên giậu” phía Đông Bắc Tổ quốc, cửa ngõ hội nhập nên tỉnh luôn xác định quốc phòng - an ninh là trụ cột, kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân vững mạnh, sẵn sàng xử lý mọi tình huống bảo vệ chủ quyền, an ninh quốc gia. Về mặt địa lý biên giới, Quảng Ninh có đường biên giới trên bộ và trên biển dài, tiếp giáp với khu vực biên giới quan trọng của Trung Quốc; về mặt cửa ngõ hội nhập, Quảng Ninh vừa là “phên giậu” tiền tiêu, vừa là cửa ngõ giao thương quốc tế năng động, kết hợp phát triển kinh tế với bảo đảm an ninh. Vì vậy, việc xây dựng, phát triển Quảng Ninh trở thành thành phố trực thuộc Trung ương có ý nghĩa quan trọng về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội đối với Quân khu 3 và cả nước. Trong đó:

a) Mô hình Thành phố trực thuộc Trung ương giúp tổ chức bộ máy hành chính thống nhất, hiệu quả hơn, đảm bảo sự chỉ đạo, điều hành thông suốt từ Trung ương đến địa phương trong các vấn đề liên quan đến quốc phòng - an ninh. Cơ chế quản lý mới tạo thuận lợi cho sự phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng vũ trang (quân đội, công an, biên phòng, cảnh sát biển) trong việc nắm bắt tình hình, xử lý các tình huống phức tạp về an ninh trật tự, bảo vệ chủ quyền biên giới, hải đảo.

b) Với vị thế thành phố trực thuộc Trung ương cho phép Quảng Ninh chủ động hơn về ngân sách và các cơ chế tài chính đặc thù, tăng cường đầu tư cho các

công trình quốc phòng, khu kinh tế quốc phòng, và hiện đại hóa lực lượng vũ trang địa phương. Việc phát triển hạ tầng kinh tế (sân bay quốc tế Vân Đồn, hệ thống cảng biển nước sâu, mạng lưới cao tốc) được quy hoạch và xây dựng theo tiêu chuẩn cao, dễ dàng chuyển đổi sang mục đích quân sự khi cần, đảm bảo khả năng cơ động, hậu cần cho lực lượng quốc phòng.

c) Củng cố “thế trận lòng dân” và an ninh biên giới với nguồn lực lớn hơn và cơ chế quản lý tốt hơn, Thành phố Quảng Ninh sẽ có điều kiện chăm lo tốt hơn đời sống vật chất, tinh thần của người dân, đặc biệt là đồng bào vùng biên giới, hải đảo. Đời sống ổn định, người dân tin tưởng vào chính quyền sẽ tạo nên “thế trận lòng dân” vững chắc, người dân vừa làm kinh tế vừa là những “cột mốc sống” bảo vệ biên cương, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ngay từ cơ sở.

d) Nâng cao vị thế quốc tế và khả năng đối phó thách thức an ninh phi truyền thống. Với vị thế Thành phố trực thuộc Trung ương giúp Quảng Ninh chủ động hơn trong các hoạt động đối ngoại, hợp tác quốc tế, giao lưu biên giới, thúc đẩy ngoại giao nhân dân, góp phần xây dựng môi trường hòa bình, ổn định. Với năng lực quản lý đô thị hiện đại và nguồn lực lớn, thành phố Quảng Ninh sẽ có khả năng ứng phó tốt hơn với các thách thức an ninh phi truyền thống như thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, khủng hoảng kinh tế, đảm bảo sự ổn định chung cho cả nước.

Năm 2026 là năm bản lề, cả hệ thống chính trị nói chung và Tỉnh ủy Quảng Ninh nói riêng tập trung cao độ trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, tăng trưởng 2 con số bền vững, lan tỏa mô hình phát triển hiệu quả trong bối cảnh tình hình chính trị, kinh tế thế giới, khu vực có nhiều biến động phức tạp, khó lường; nhiều diễn biến chưa từng có tiền lệ, vượt khỏi khả năng dự báo với một loạt thách thức, từ sụt giảm tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội, nợ xấu gia tăng, kim ngạch thương mại - đầu tư âm ảm, cho tới những hệ lụy không mong muốn của bất ổn địa chính trị và các thách thức an ninh phi truyền thống. Trong bối cảnh đó, ngay từ đầu năm, Tỉnh ủy Quảng Ninh đã khẩn trương triển khai các Nghị quyết, văn bản của Bộ Chính trị, Quốc hội, Chính phủ, Bộ ngành Trung ương về nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội theo từng tháng, từng quý, hoạt động sản xuất, kinh doanh có xu hướng chuyên dịch tích cực, duy trì các chỉ số thuộc nhóm dẫn đầu cả nước, đời sống người dân, thu nhập người lao động không ngừng được nâng cao.

Những kết quả đạt được của Quảng Ninh trong thời gian qua là kết tinh của quá trình đổi mới bền bỉ, nhất quán, với tinh thần dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung, tạo nên bản lĩnh, uy tín và vị thế của Quảng Ninh trong giai đoạn phát triển mới.

Tuy đạt được nhiều kết quả quan trọng, nhưng trước những kỳ vọng phát triển trong kỷ nguyên mới, đặc biệt là hướng tới thành lập thành phố Quảng Ninh trực thuộc Trung ương, Quảng Ninh vẫn đối mặt với những khó khăn, thách thức mang tính chiến lược, nếu không nhận diện và có chiến lược ứng phó kịp thời sẽ làm ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng và vai trò dẫn dắt của tỉnh. Theo đó, trong chuyến thăm, làm việc với Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh, đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm đã định vị rõ các khó khăn, thách thức của Quảng Ninh cụ thể: *Thứ nhất*, mô hình tăng trưởng

của tỉnh chưa chuyển dịch đủ mạnh sang khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, phụ thuộc đáng kể vào phát triển hạ tầng, bất động sản, du lịch đại trà và khai thác lợi thế sẵn có. Trong khi đó, công nghệ cao, kinh tế số, chế biến sâu, kinh tế sáng tạo chưa trở thành động lực chủ đạo trong phát triển kinh tế. *Thứ hai*, lợi thế không gian kinh tế biển, kinh tế biên giới, kinh tế đô thị chưa được tổ chức thành chuỗi giá trị tích hợp; các cực Hạ Long, Vân Đồn, Móng Cái, Cái Lân, Tây Nam, miền núi, hải đảo còn phân tán, thiếu liên kết, liên thông. *Thứ ba*, nguồn nhân lực và năng lực đổi mới chưa theo kịp yêu cầu phát triển, thiếu chuyên gia, kỹ sư, doanh nhân công nghệ và quản trị lao động kỹ thuật cao, hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp cũng còn chưa bền vững, yếu. *Thứ tư*, thể chế quản trị phát triển chậm đổi mới; một số cơ chế đất đai, đầu tư, tài chính, khoa học công nghệ, khu kinh tế đô thị, kinh tế biển chưa tạo ra không gian thử nghiệm và bứt phá; tư duy quản lý chưa chuyển sang kiến tạo. *Thứ năm*, khát vọng và chuẩn mực phát triển chưa tương xứng với vị thế chiến lược, mục tiêu phát triển còn so sánh chủ yếu với những tiêu chuẩn trong nước, chưa đạt được đến chuẩn mực, thước đo về phát triển trong khu vực và quốc tế. *Thứ sáu*, năng lực dẫn dắt và lan tỏa của tỉnh đối với khu vực và cả nước chưa được phát huy đầy đủ, vai trò đi trước mở đường mới thể hiện rõ trong nội bộ tỉnh, chưa chuyển hóa thành ảnh hưởng thể chế và mô hình có sức lan tỏa quốc gia. Khi Quảng Ninh đã thuộc nhóm dẫn đầu cả nước, thước đo phát triển không thể dừng ở mức cao hơn mặt bằng chung mà phải được nâng lên ở khả năng tạo chuẩn mực, mô hình và cách làm mới có sức lan tỏa trong toàn quốc. Vì vậy, yêu cầu đặt ra không chỉ là phát triển nhanh, bền vững, mà quan trọng hơn là chủ động đảm nhận vai trò thí điểm, tiên phong và dẫn dắt trong một số lĩnh vực chiến lược, qua đó đóng góp luận cứ thực tiễn cho việc hoàn thiện đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, nhất là trong giai đoạn phát triển hiện nay.

Trên cơ sở đó, Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân tỉnh Quảng Ninh quán triệt sâu sắc tinh thần Đại hội XIV của Đảng và triển khai đồng bộ, quyết liệt các định hướng chiến lược, trọng tâm; hướng đến xây dựng, phát triển Quảng Ninh là một thành phố tiêu biểu của cả nước về mọi mặt; thành phố kiểu mẫu giàu đẹp, văn minh, hiện đại, nâng cao đời sống mọi mặt của Nhân dân; cực tăng trưởng kinh tế số, du lịch thông minh, trung tâm đổi mới sáng tạo của vùng Đông Bắc; một trong những trung tâm phát triển năng động, toàn diện trên cơ sở lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyên đổi số, lấy kinh tế dữ liệu, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế dịch vụ cao làm trọng tâm.

Như vậy, có thể khẳng định việc thành lập thành phố Quảng Ninh trực thuộc Trung ương trên cơ sở địa giới hành chính tỉnh Quảng Ninh là sự phản ánh đầy đủ vị thế, thực tiễn phát triển của Quảng Ninh trong xu thế hội nhập và phát triển; phù hợp với các định hướng, chủ trương lớn của Đảng, Chính phủ và của tỉnh Quảng Ninh, thể hiện quyết tâm chính trị của Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân toàn tỉnh Quảng Ninh qua các thời kỳ phát triển.

## **II. ĐÁNH GIÁ CÁC ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN THÀNH LẬP THÀNH PHỐ QUẢNG NINH**

### **1. Điều kiện thành lập thành phố Quảng Ninh**

1.1. Thành lập thành phố Quảng Ninh phù hợp với quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, cụ thể là: Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội; Quy hoạch hệ thống đô thị nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 891/QĐ-TTg 22/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ; Quy hoạch vùng đồng bằng sông Hồng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 368/QĐ-TTg 04/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ; Quy hoạch tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 80/QĐ-TTg 11/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ; Quy hoạch chung đô thị Quảng Ninh (sẽ lập Đồ án sau khi được cấp có thẩm quyền đồng ý về chủ trương).

1.2. Bảo đảm lợi ích chung của Quốc gia; hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của chính quyền địa phương các cấp; phát huy tiềm năng, lợi thế nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và của địa phương.

1.3. Bảo đảm về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

1.4. Bảo đảm đoàn kết dân tộc, phù hợp với các yếu tố lịch sử, truyền thống văn hóa địa phương; tạo sự thuận tiện cho nhân dân. Lịch sử và văn hóa Quảng Ninh là sự hòa quyện giữa văn hóa biển đảo cổ xưa, truyền thống anh hùng chống ngoại xâm, trung tâm Phật giáo linh thiêng và văn hóa công nghiệp hiện đại, tạo nên một nền tảng vững chắc cho sự phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm lợi ích quốc gia.

1.5. Thành lập thành phố Quảng Ninh bảo đảm đạt các tiêu chuẩn theo quy định (đánh giá chi tiết tại khoản 2 dưới đây).

## **2. Đánh giá các tiêu chí thành phố trực thuộc Trung ương**

Căn cứ các tiêu chuẩn của thành phố quy định tại Điều 4 Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính, kết quả đánh giá so với hiện trạng tỉnh Quảng Ninh cụ thể như sau:

### **2.1. Tiêu chuẩn 1: Quy mô dân số**

a) Quy định: Quy mô dân số từ 2.500.000 người trở lên; áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 (*Đơn vị hành chính đô thị có đường biên giới quốc gia trên đất liền thì mức tối thiểu của tiêu chuẩn quy mô dân số bằng 50%*); theo đó, tiêu chuẩn quy mô dân số áp dụng với tỉnh Quảng Ninh từ 1.250.000 người trở lên.

b) Hiện trạng: Tỉnh Quảng Ninh có quy mô dân số là 1.519.647 người<sup>1</sup> (*đạt 121,57% so với tiêu chuẩn*)

c) Đánh giá: **Đạt.**

### **2.2. Tiêu chuẩn 2: Diện tích tự nhiên**

a) Quy định: Diện tích tự nhiên từ 2.500 km<sup>2</sup> trở lên;

<sup>1</sup> Công văn số 3765/CAT-C06QLHC ngày 05/11/2025 của Công an tỉnh Quảng Ninh về việc cung cấp số liệu phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND các cấp, nhiệm kỳ 2026 - 2031;

b) Hiện trạng: Tỉnh Quảng Ninh hiện có 6.231,30 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên<sup>2</sup> (đạt 261,25% tiêu chuẩn);

c) Đánh giá: **Đạt.**

### **2.3. Tiêu chuẩn 3: Tỷ lệ số phường trên tổng số đơn vị hành chính cấp xã**

a) Quy định: Từ 30% trở lên;

b) Hiện trạng: Tỉnh Quảng Ninh hiện có 54 đơn vị hành chính cấp xã, gồm: 30 phường, 22 xã và 02 đặc khu. Tỷ lệ số phường trên tổng số đơn vị hành chính cấp xã đạt 55,56%.

c) Đánh giá: **Đạt.**

### **2.4. Tiêu chuẩn 4: Tỷ lệ đô thị hóa**

a) Quy định: Từ 45% trở lên;

b) Hiện trạng: Tỉnh Quảng Ninh có quy mô dân số là 1.519.647 người, trong đó quy mô dân số đô thị loại II và loại III là 1.284.862 người, tỷ lệ đô thị hóa đạt 84,55% (1.284.862 người/1.519.647 người).

c) Đánh giá: **Đạt.**

**2.5. Tiêu chuẩn 5: Vị trí, chức năng được xác định trong quy hoạch hoặc định hướng của cấp có thẩm quyền phê duyệt là trung tâm tổng hợp cấp quốc gia hoặc cấp vùng về kinh tế, tài chính, văn hóa, giáo dục, đào tạo, du lịch, y tế, khoa học và công nghệ, đầu mối giao thông, giao lưu trong nước và quốc tế, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng hoặc cả nước**

a) Hiện trạng: Theo Quyết định số 80/QĐ-TTg ngày 11/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, định hướng xây dựng, phát triển Quảng Ninh là một tỉnh tiêu biểu của cả nước về mọi mặt; tinh kiêu mẫu giàu đẹp, văn minh, hiện đại, nâng cao đời sống mọi mặt của nhân dân; cực tăng trưởng của khu vực phía Bắc; một trong những trung tâm phát triển năng động, toàn diện; trung tâm du lịch quốc tế, trung tâm kinh tế biển, cửa ngõ của Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và cả nước; đô thị phát triển bền vững theo mô hình tăng trưởng xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng; là khu vực phòng thủ tinh vững chắc về quốc phòng - an ninh và phòng tuyến hợp tác, cạnh tranh kinh tế quốc tế.

b) Đánh giá: **Đạt.**

### **2.6. Tiêu chuẩn 6: Đã được công nhận là đô thị loại I**

a) Hiện trạng

Căn cứ quy định tại Điều 4, Điều 9 Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị, quy định: Đô thị loại I được phân loại trên cơ sở 03 nhóm tiêu chí với 15 tiêu chuẩn và phải đạt tối thiểu 12/15 tiêu chuẩn. Đối chiếu với hiện trạng của tỉnh Quảng Ninh, qua rà soát,

<sup>2</sup> Công văn số 8262/SNN&MT-KHĐKĐĐ ngày 12/9/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Ninh về việc cung cấp số liệu diện tích tự nhiên của các Đơn vị hành chính cấp xã sau sắp xếp;

đánh giá sơ bộ tỉnh Quảng Ninh đạt **14/15 tiêu chuẩn**, cụ thể như sau:

- Tiêu chí 1: Vị trí, vai trò, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội **đạt 6/6 tiêu chuẩn**.

- Tiêu chí 2: Mức độ đô thị hóa **đạt 4/4 tiêu chuẩn**, trong đó tiêu chuẩn Quy mô dân số đô thị  $\geq 2.500.000$  người; áp dụng yếu tố đặc thù quy định tại điểm a khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 (đô thị có đường biên giới quốc gia trên đất liền thì mức tối thiểu của tiêu chuẩn quy mô dân số bằng 50% mức quy định); quy mô dân số tỉnh Quảng Ninh là 1.519.647 người đánh giá đạt;

- Tiêu chí 3: Trình độ phát triển hạ tầng và tổ chức không gian đô thị **đạt 4/5 tiêu chuẩn**, trong đó tiêu chuẩn chưa đạt là Phát triển đô thị bền vững đạt một trong các tiêu chuẩn sau: đô thị thông minh mức độ 1 hoặc 50% số lượng đô thị loại II, loại III có năng lực chống chịu, thích ứng với biến đổi khí hậu đạt mức khá trở lên.

Ngoài ra đối với đô thị loại II, III và các đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc đô thị phải đạt điểm từ 75 điểm trở lên. Qua rà soát sơ bộ, các đô thị, phường trên địa bàn tỉnh cần tiếp tục hoàn thiện các tiêu chuẩn chưa đạt, nâng cao các tiêu chuẩn đạt về hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đô thị (kết cấu hạ tầng giao thông cấp khu vực và quốc tế, giao thông đối ngoại và giao thông đô thị, nông thôn; hạ tầng cấp nước đô thị; hạ tầng chiếu sáng đô thị; hạ tầng không gian công cộng đô thị, công viên; hạ tầng thu gom, xử lý nước thải<sup>3</sup>; hạ tầng thu gom, xử lý chất thải rắn; hạ tầng nghĩa trang, cơ sở hỏa táng, nhà tang lễ,...).

b) Đánh giá: **Cơ bản Đạt**.

**2.7. Tiêu chuẩn 7: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội: Đạt 5/5 chỉ tiêu, bao gồm:**

a) Chỉ tiêu 1: Cân đối ngân sách thuộc nhóm các địa phương không nhận bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương;

- Hiện trạng: Quảng Ninh là một trong những địa phương tự cân đối được ngân sách và đóng góp lớn cho ngân sách nhà nước. Năm 2025, tổng thu ngân sách của tỉnh đạt 85.052 tỷ đồng, bằng 154% dự toán Trung ương giao, bằng 148% dự toán Tỉnh giao, tăng 58% so với cùng kỳ, khẳng định vị thế là một trong những địa phương đóng góp ngân sách lớn nhất cả nước.

- Đánh giá: **Đạt**.

b) Chỉ tiêu 2: Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) đạt từ 80% trở lên;

- Hiện trạng: Quy mô kinh tế tỉnh Quảng Ninh năm 2025 ước đạt 368.445 tỷ đồng, đứng thứ 7/34 tỉnh, thành phố; trong đó, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong tổng sản phẩm trên địa bàn đạt 95,37%.

- Đánh giá: **Đạt**.

<sup>3</sup> Sở Xây dựng đã báo cáo UBND tỉnh giao các Ban quản lý dự án khu vực I, II nghiên cứu đề xuất chủ trương đầu tư dự án thoát nước và xử lý nước thải tại các đô thị tập trung; các phường có bãi tắm du lịch nghiên cứu đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước, xử lý nước thải gắn với bảo vệ môi trường.

c) Chi tiêu 3: Thu nhập bình quân đầu người trên năm cao hơn thu nhập bình quân đầu người trên năm của cả nước trong 03 năm gần nhất;

- Hiện trạng: Giai đoạn 2023 - 2025, thu nhập bình quân đầu người trên năm của tỉnh Quảng Ninh (năm 2023 là 63,60 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 70,80 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 81,50 triệu đồng/người/năm) luôn cao hơn so với cả nước (năm 2023 là 59,52 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 64,92 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 70,80 triệu đồng/người/năm);

- Đánh giá: **Đạt.**

d) Chi tiêu 4: Tốc độ tăng trưởng GRDP trong 03 năm gần nhất đạt hoặc vượt tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP);

- Hiện trạng: Giai đoạn 2023 - 2025, tốc độ tăng trưởng GRDP của tỉnh Quảng Ninh (năm 2023 là 10,69%, năm 2024 là 8,42%, năm 2025 là 11,89%) luôn cao hơn so với tốc độ tăng tổng sản phẩm (GDP) trong nước (năm 2023 là 5,07%, năm 2024 là 7,09, năm 2025 là 8,02%).

- Đánh giá: **Đạt.**

đ) Chi tiêu 5: Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) thấp hơn tỷ lệ hộ nghèo của cả nước trong 03 năm gần nhất;

- Hiện trạng: Giai đoạn 2023 - 2025, toàn tỉnh Quảng Ninh không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều, thấp hơn so với tỷ lệ hộ nghèo của cả nước (năm 2023 là 4,03%, năm 2024 là 1,93%, năm 2025 là 1,30%).

- Đánh giá: **Đạt.**

### **ĐÁNH GIÁ CHUNG:**

Tỉnh Quảng Ninh cơ bản **đáp ứng các điều kiện, đạt 7/7 tiêu chuẩn** của thành phố theo quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương và Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15; trong đó, đạt đủ 06 tiêu chuẩn, gồm: *Quy mô dân số; Diện tích tự nhiên; Tỷ lệ số phường trên tổng số đơn vị hành chính cấp xã; tỷ lệ đô thị hóa; Vị trí, chức năng được xác định trong quy hoạch hoặc định hướng của cấp có thẩm quyền phê duyệt là trung tâm tổng hợp cấp quốc gia hoặc cấp vùng về kinh tế, tài chính, văn hóa, giáo dục, đào tạo, du lịch, y tế, khoa học và công nghệ, đầu mối giao thông, giao lưu trong nước và quốc tế, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng hoặc cả nước; cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội.* Đối với tiêu chí 6 (*Đã được công nhận là đô thị loại I*), qua rà soát thực trạng, đối chiếu với quy định hiện hành, tỉnh Quảng Ninh đã đạt tiêu chí này, hiện tỉnh đang hoàn thiện thủ tục trình Bộ Xây dựng công nhận.

Thêm vào đó, tại khoản 6 Điều 12 Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính, có quy định: *“Trường hợp để đáp ứng yêu cầu đặc biệt về quản lý lãnh thổ, bảo vệ chủ quyền quốc gia hoặc phát triển kinh tế - xã hội, tạo động lực liên kết phát triển với các trung tâm kinh tế lớn của quốc gia theo định hướng của cấp có thẩm quyền thì đơn vị hành chính có thể được thành lập, nhập, chia hoặc điều chỉnh địa giới mà không áp dụng các tiêu chuẩn quy định tại Chương*

*I của Nghị quyết này*”; do đó, để kịp thời trình Quốc hội xem xét, quyết định thành lập thành phố Quảng Ninh trong năm 2026, kính đề nghị Bộ Chính trị cho phép áp dụng các quy định để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, tạo động lực liên kết phát triển với các trung tâm kinh tế lớn của quốc gia theo định hướng của cấp có thẩm quyền.

### **III. THÀNH LẬP THÀNH PHỐ QUẢNG NINH, HÌNH THÀNH THÀNH PHỐ THÔNG MINH**

#### **1. Bối cảnh và thực tiễn**

Trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra mạnh mẽ trên toàn cầu, việc phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đã trở thành xu thế tất yếu và là động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của mọi quốc gia. Trong đó, sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ số, dữ liệu lớn, điện toán đám mây, Internet vạn vật (IoT) và trí tuệ nhân tạo (AI) đã tạo ra bước chuyển căn bản trong cách thức vận hành đô thị. Nhiều thành phố trên thế giới chuyển từ mô hình quản lý truyền thống sang mô hình đô thị thông minh thế hệ mới, vận hành dựa trên dữ liệu thời gian thực, mô hình dự báo và các nền tảng số tích hợp.

Tại Việt Nam, thời gian qua đã có nhiều chính sách và chương trình hành động được ban hành nhằm thúc đẩy quá trình chuyển đổi số quốc gia và triển khai đô thị thông minh, xác định đô thị thông minh là phương thức chủ đạo trong quản trị đô thị hiện đại.

Ngày 03/6/2020, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 749/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Trong đó xác định tập trung triển khai chuyển đổi số trên 03 trụ cột Chính quyền số, Kinh tế số, Xã hội số và 08 lĩnh vực ưu tiên gồm: y tế, giáo dục, du lịch, nông nghiệp, tài chính - ngân hàng, giao thông vận tải và logistic, năng lượng, tài nguyên và môi trường, sản xuất công nghiệp; xác định 08 nhóm nhiệm vụ và giải pháp tạo nền móng cho chuyển đổi số gồm: chuyển đổi nhận thức; xây dựng cơ chế chính sách; phát triển hạ tầng số; phát triển dữ liệu; xây dựng nền tảng số; bảo đảm an toàn an ninh mạng; hợp tác quốc tế, nghiên cứu phát triển và đổi mới sáng tạo; phát triển nguồn nhân lực. Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia ra đời nhằm tạo đột phá toàn diện, đặt ra tầm nhìn và mục tiêu cụ thể đến năm 2030 và 2045 và Nghị quyết 03-NQ/CP ngày 09/1/2025 của Chính phủ, với việc xác định rõ các nhiệm vụ, giải pháp toàn diện, hướng tới mục tiêu đưa Việt Nam trở thành quốc gia số, phát triển bền vững và hội nhập quốc tế. Nghị định 269/2025/NĐ-CP đánh dấu lần đầu tiên Chính phủ ban hành khung pháp lý tổng thể về phát triển đô thị thông minh, quy định rõ yêu cầu về: (1) Hạ tầng số, nền tảng số và dữ liệu đô thị; (2) Trung tâm điều hành đô thị thông minh (IOC); (3) Cơ chế chia sẻ dữ liệu, đánh giá mức độ thông minh bằng bộ chỉ số quốc gia; (4) Trách nhiệm của địa phương trong việc lập Đề án đô thị thông minh.

Trong bối cảnh đó, tỉnh Quảng Ninh đang phấn đấu hoàn thành mục tiêu là đô thị loại I và trở thành thành phố phải triển khai đánh giá mức độ trưởng thành của

đô thị thông minh và xây dựng mô hình đô thị thông minh chuẩn quốc gia, phù hợp với các chủ trương và định hướng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trở thành hình mẫu tham chiếu cho các địa phương khác tham khảo, qua đó dẫn dắt quá trình chuyển đổi số đô thị trên phạm vi toàn quốc.

## **2. Hiện trạng đô thị thông minh**

Tỉnh Quảng Ninh luôn chú trọng công tác xây dựng, hoàn thiện các quy định của tỉnh tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, toàn diện cho việc triển khai xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số và thành phố thông minh, chuyển đổi số toàn diện của tỉnh.

### **\* Kết quả thực hiện:**

Đề án triển khai mô hình thành phố thông minh tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2017- 2020 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3645/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 (điều chỉnh nhiệm vụ tại Quyết định số 3142/QĐ-UBND ngày 15/8/2018). Đề án được duyệt với 32 nhiệm vụ, dự án tập trung vào các lĩnh vực: Y tế thông minh, Giáo dục thông minh, Du lịch thông minh, Giao thông thông minh, Tài nguyên môi trường thông minh và Xây dựng thông minh,... Tỉnh đã phê duyệt và triển khai 24 dự án thuộc đề án thông minh (xây dựng trường học thông minh; bệnh viện thông minh; kiến trúc thành phố thông minh; nâng cao năng lực quan trắc môi trường tự động; xây dựng hệ thống quản lý điều hành giao thông thông minh; ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý đô thị trên địa bàn thành phố Hạ Long), đã hoàn thiện và đưa vào vận hành hệ thống chiếu sáng thông minh, tiết kiệm năng lượng trên địa bàn thành phố Hạ Long, Uông Bí,... Thí điểm ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý đô thị trên địa bàn thành phố Hạ Long và xây dựng hệ thống quản lý thông minh trong ngành xây dựng tỉnh Quảng Ninh. Kết quả và hiệu quả bước đầu các nhiệm vụ, dự án mang lại đã tạo nên sự chuyển biến rất khác biệt, rõ nét, tích cực.

- Quảng Ninh đã cơ bản hoàn thiện việc xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, phần mềm nền tảng cho thành phố thông minh của tỉnh, xây dựng hình thành các hệ thống thông minh trên các lĩnh vực, từ đó hỗ trợ công tác quản lý, điều hành. Tháng 8/2019, tỉnh chính thức đưa vào vận hành thí điểm trung tâm điều hành thành phố thông minh (đặt tại trụ sở UBND tỉnh Quảng Ninh) được tích hợp dữ liệu và hệ thống sẵn có của tỉnh, giúp lãnh đạo tỉnh có cái nhìn toàn cảnh về thông tin liên quan đến các cơ quan, ban, ngành, địa phương, lĩnh vực,... trên phạm vi toàn tỉnh. Với ứng dụng Smart Quảng Ninh, trung tâm cũng cung cấp nhiều thông tin, tiện ích cho người dân, cho phép tăng tính tương tác hai chiều giữa người dân và các cơ quan chính quyền.

- Xây dựng chính quyền số: Hoàn thành đưa vào vận hành Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh kết nối với 15 cơ sở dữ liệu quốc gia; chính thức sử dụng duy nhất Cổng Dịch vụ công quốc gia từ ngày 01/7/2025. Hệ thống Cổng thông tin điện tử tỉnh, hạ tầng WAN từ tỉnh đến 100% xã, phường; công khai, chuẩn hóa 100% thủ tục hành chính, đảm bảo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp từ ngày 01/7/2025 vận hành ổn định, thông suốt. Đứng thứ 9/34 năm 2024 về chỉ số Chuyển đổi số (DTI) cấp tỉnh (thứ 12 năm 2023).

- Phát triển hạ tầng số và nền tảng số: Tỉnh đã ban hành Khung kiến trúc Chính quyền số tỉnh Quảng Ninh phiên bản 4.0; triển khai các kế hoạch phát triển hạ tầng số đến năm 2030, hạ tầng 5G, IoT trong khu, cụm công nghiệp và ứng dụng IoT trong lĩnh vực cửa khẩu, logistics. 100% xã, phường, đặc khu được kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng; hoàn thành tiếp nhận và triển khai hiệu quả 09 nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung. Phủ sóng 4G đạt 100% dân số; hạ tầng 5G đạt 40% diện tích (cao hơn mức trung bình cả nước là 26%). Chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu công nghệ số tập trung Tuần Châu, gắn với mô hình “Cảng dữ liệu” và Trung tâm đổi mới sáng tạo khu vực phía Bắc. Quảng Ninh là tỉnh đầu tiên ký kết hợp tác chiến lược với Tập đoàn FPT đề thúc đẩy khoa học công nghệ và chuyển đổi số. Triển khai, phối hợp triển khai Hệ thống thông tin giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp được giao cho tỉnh và các sở, ngành, địa phương. Hoàn thành triển khai thử nghiệm Trung tâm giám sát, điều hành thông minh tỉnh (IOC) Quảng Ninh, dự kiến hoàn thiện đưa vào triển khai chính thức trong năm 2026.

- Chuyển đổi số sâu rộng trong các lĩnh vực ưu tiên: **(1) Y tế:** 100% cơ sở y tế triển khai bệnh án điện tử, sử dụng căn cước công dân thay thế thẻ bảo hiểm y tế khi khám chữa bệnh. **(2) Giáo dục:** 100% trường học triển khai học bạ điện tử, sổ điểm điện tử và tuyển sinh trực tuyến. **(3) Du lịch:** Cung cấp 107 điểm wifi miễn phí, gắn mã QR-Code tại các điểm di tích, triển khai vé tham quan điện tử trên vịnh Hạ Long.

### **3. Thực trạng hạ tầng đô thị thông minh**

#### **3.1 Về hạ tầng giáo dục**

Xây dựng được 1.432 phòng học thông minh, phòng học tương tác tại 89 trường học. Bổ sung phần mềm quản lý giáo dục, xây dựng bài giảng, học liệu phục vụ chuyển đổi số trong giáo dục. Đổi mới trong phương pháp giảng dạy, tạo được sự hứng thú học tập, tăng tư duy, sáng tạo cho học sinh và thuận lợi cho giáo viên trong công tác soạn giảng.

#### **3.2 Về hạ tầng y tế**

Hoàn thành xây dựng 03 bệnh viện thông minh (Bệnh viện đa khoa tỉnh, Bệnh viện Bãi Cháy, Bệnh viện Sản nhi) hướng tới tiêu chuẩn quốc tế đem lại những hiệu quả thiết thực cho công tác quản lý, điều hành, đội ngũ lãnh đạo, y bác sĩ của các bệnh viện cũng như người bệnh, giúp công tác khám, chữa bệnh được hiệu quả, đem lại sự hài lòng cho bệnh nhân. Các trang thiết bị được đầu tư đã được các Bệnh viện sử dụng và khai thác tối đa hiệu suất, phát huy hiệu quả và đúng với các yêu cầu, quy định của Bộ Y tế theo Thông tư số 54/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 về ban hành Bộ tiêu chí ứng dụng công nghệ thông tin tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và Thông tư số 46/2018/TTBYT ngày 28/12/2018 quy định hồ sơ bệnh án điện tử. Theo đó: Bệnh viện Đa khoa tỉnh đạt mức 5/7, Bệnh viện Bãi Cháy đạt mức 5/7, Bệnh viện Sản nhi đạt mức 6/7 theo tiêu chí đánh giá về mức độ ứng dụng công nghệ thông tin tại các cơ sở khám chữa bệnh của Bộ Y tế; 03/03 bệnh viện đã được Hội đồng thẩm định của Cục Công nghệ thông tin - Bộ Y tế cho phép không in phim trong quá trình khám bệnh; đặc biệt bệnh viện Sản Nhi được phép áp dụng bệnh án điện tử.

### ***3.3 Hạ tầng văn hóa, thể thao***

Hạ tầng văn hóa được đầu tư nhằm bảo tồn, phát huy các giá trị lịch sử - văn hóa và nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân. Nhiều công trình văn hóa, nhà văn hóa cộng đồng, trung tâm văn hóa - thể thao cấp huyện, cấp xã được xây dựng và nâng cấp. Tiêu biểu như: Nhà sinh hoạt văn hóa cộng đồng dân tộc Dao và các công trình phụ trợ tại xã Nam Sơn với tổng mức đầu tư khoảng 14 tỷ đồng; Công viên Tùng tại khu di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh trên đảo Cô Tô với tổng mức đầu tư khoảng 37 tỷ đồng; Dự án tôn tạo di tích lịch sử trung tâm Chiến khu Đông Triều (Chùa Bắc Mã) với tổng mức đầu tư khoảng 38 tỷ đồng; Dự án bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị lịch sử Chiến thắng Bạch Đằng giai đoạn 1 với tổng mức đầu tư khoảng 205 tỷ đồng. Các dự án này góp phần gìn giữ bản sắc văn hóa, gắn phát triển đô thị với bảo tồn di sản lịch sử.

Hạ tầng thể dục thể thao được đầu tư với nhiều công trình quy mô lớn, hiện đại nhằm phục vụ nhu cầu luyện tập, thi đấu và sinh hoạt cộng đồng. Nổi bật là Nhà thi đấu đa năng 5.000 chỗ thuộc Trung tâm Thể thao vùng Đông Bắc với tổng mức đầu tư khoảng 1.149,7 tỷ đồng; Dự án cải tạo, nâng cấp Sân vận động Cẩm Phả thành sân vận động cấp tỉnh (163,2 tỷ đồng); Đầu tư nâng cấp, mở rộng Trung tâm huấn luyện và thi đấu thể dục thể thao tỉnh (118,8 tỷ đồng); đầu tư trang thiết bị thể thao chuyên dụng phục vụ hoạt động huấn luyện và thi đấu (53 tỷ đồng). Ngoài ra, các trung tâm văn hóa - thể thao cấp huyện, xã, đặc biệt tại đặc khu Cô Tô, cũng được đầu tư với tổng mức hàng chục tỷ đồng.

### ***3.4 Hạ tầng du lịch***

Tỉnh Quảng Ninh có 91 điểm du lịch, 4 vùng du lịch trọng điểm, trong đó có 1 khu du lịch cấp quốc gia và 5 khu du lịch cấp tỉnh được công nhận. Cơ sở vật chất du lịch Quảng Ninh có sự phát triển, tăng nhanh cả về số lượng và chất lượng dịch vụ. Hiện nay trên địa bàn tỉnh có 2.133 cơ sở lưu trú du lịch với 38.633 buồng; trong đó 1.639 cơ sở với 32.590 buồng đã xếp hạng, khách sạn, khu nghỉ dưỡng cao cấp từ 3 sao trở lên hiện có 72 cơ sở với 9.410 phòng, tăng trên 68% so với năm 2015; có 27 cơ sở kinh doanh đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch, 24 nhà hàng đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch; 12/13 địa phương được công nhận khu, điểm du lịch với 01 khu du lịch cấp quốc gia; 05 khu du lịch cấp tỉnh, tăng 43% so với năm 2015; 91 điểm du lịch.

### ***3.5 Về hạ tầng viễn thông và CNTT***

- Về hạ tầng, dịch vụ viễn thông: Hạ tầng viễn thông cơ bản đáp ứng yêu cầu cho việc triển khai chuyển đổi số toàn diện tỉnh Quảng Ninh. **100%** đơn vị trong tỉnh đã triển khai thuê đường truyền số liệu chuyên dùng để hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến và hệ thống mạng WAN phục vụ chính quyền điện tử tỉnh Quảng Ninh đảm bảo kết nối thông suốt, ổn định, bảo đảm an toàn thông tin phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo của tỉnh và hoạt động của các cơ quan, đơn vị. Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành và chỉ đạo triển khai Kế hoạch số 59/KH-UBND ngày 25/02/2025 về việc triển khai sử dụng ứng dụng I-Speed để đo tốc độ truy nhập Internet băng rộng di động đến cấp xã/phường trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh. Kết quả đánh giá của hệ thống ứng dụng I-Speed cho thấy dịch vụ truy nhập Internet 4G, 5G trên địa bàn

tỉnh đang có tốc độ lớn hơn mức quy định tại Quyết định số 1110/QĐ-BTTTT.

- Hoàn thành việc xây dựng và phát sóng đối với 12/12 trạm BTS nhằm phủ sóng di động; duy trì hoạt động hạ tầng viễn thông trên địa bàn tỉnh của 5.404 trạm thu phát sóng thông tin di động (trạm BTS), trong đó có 3.257 trạm 4G đảm bảo phủ sóng mạng di động 4G cho gần 100% dân số và có 598 trạm 5G được lắp đặt tại các khu vực trung tâm đô thị, trung tâm phường. Tỷ lệ dân số được phủ sóng 5G ước đạt 60% (cao hơn mức trung bình cả nước là 26%). Tỷ lệ hộ gia đình có Internet cáp quang FTTH đạt 97,74%, cao hơn mức trung bình cả nước (82,98%). 100 % các xã, phường, đặc khu cơ bản đáp ứng hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ giải quyết thủ tục hành chính.

### **3.6 Lĩnh vực giao thông**

- Về đường bộ: Tổng chiều dài hệ thống đường bộ trên địa bàn tỉnh khoảng hơn 6.400 km, trong đó: 01 tuyến đường cao tốc từ Hải Phòng - Hạ Long - Vân Đồn - Móng Cái dài 176km với tốc độ khai thác từ 100km/h đến 120km/h, quy mô 4 làn xe; 07 tuyến quốc lộ dài khoảng 480km (gồm: QL18, QL18B, QL18C, QL4B, QL279, QL.17B, QL.10) với quy mô các tuyến cơ bản đạt từ cấp III trở lên; 14 tuyến đường tỉnh và một số tuyến đường quan trọng kết nối các khu kinh tế, khu công nghiệp với tổng chiều dài khoảng 486 km và khoảng hơn 5.300 km đường đô thị, đường liên xã, đường xã...;

- Về đường thủy nội địa: Toàn tỉnh có 141 cảng bến (gồm 32 cảng, bến do Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam quản lý; 34 cảng do Sở Xây dựng quản lý, cấp phép hoạt động và 75 bến do UBND các địa phương quản lý, cấp phép hoạt động) và 38 tuyến luồng đường thủy nội địa với chiều dài khoảng 864,4 km (trong đó: 17 tuyến luồng đường thủy nội địa quốc gia với chiều dài 483,4 km; 21 tuyến luồng đường thủy nội địa địa phương với chiều dài 381 km);

- Về đường sắt: Hiện có 01 tuyến đường sắt cấp quốc gia đi qua dài 64 km kết nối từ ga Kép (Bắc Giang) đến Đông Triều, Uông Bí và Hạ Long và một số tuyến chuyên vận chuyển than dụng của ngành than. Hiện nay, Bộ Xây dựng đang có chủ trương khởi động lại dự án Tuyến đường sắt Yên Viên - Phả Lại - Hạ Long - Cái Lân và đang trong quá trình đề xuất Chính phủ sớm triển khai tuyến đường sắt quốc gia Hải Phòng - Hạ Long - Móng Cái;

- Về hàng hải: Trên địa bàn tỉnh có 15 cảng biển (với 44 cầu cảng có tổng chiều dài gần 7.000 m và 03 bến phao) và 26 khu neo đậu (với 189 vị trí neo đậu); 11 tuyến luồng với tổng chiều dài 119,82 km, trong đó: 04 luồng hàng hải công cộng với tổng chiều dài 88,17km; 07 luồng chuyên dùng với tổng chiều dài 31,65 km. Các luồng chính như Hòn Gai - Cái Lân, Cẩm Phả, Vạn Gia, Sông Chanh đảm bảo tiếp nhận tàu có trọng tải lớn từ 3.000 DWT đến 75.000 DWT, và đang thử nghiệm đón tàu lên đến 85.000 DWT giảm tải;

- Về hàng không: Cảng hàng không quốc tế Vân Đồn với quy mô cấp 4E; sân bay quân sự cấp II, công suất 2,5 triệu hành khách/năm đã được đưa vào khai thác từ 30/12/2018 kết nối Quảng Ninh với các tỉnh, thành phố trong cả nước, các nước trên thế giới.

### 3.7 Lĩnh vực cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải

Trong lĩnh vực cấp nước sạch, tỉnh đã tập trung đầu tư mở rộng và nâng cấp hệ thống các nhà máy xử lý nước mặt, giếng khai thác nước ngầm và mạng lưới truyền dẫn, phân phối nước. Đến giai đoạn 2023 - 2025, toàn tỉnh có khoảng 23 nhà máy xử lý nước mặt và các công trình khai thác nước ngầm, với tổng công suất đạt 259.650 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Riêng hệ thống do Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Ninh quản lý chiếm phần lớn công suất, đáp ứng nhu cầu cấp nước cho các đô thị trung tâm, khu công nghiệp, khu du lịch và các vùng phụ cận. Song song với đó, tỉnh đã triển khai hàng trăm công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn tập trung với tổng công suất hàng chục nghìn mét khối mỗi ngày đêm, góp phần từng bước nâng cao tỷ lệ người dân nông thôn được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh. Nhờ đó, tỷ lệ dân cư đô thị được tiếp cận nước sạch đạt mức cao, cơ bản đáp ứng yêu cầu sinh hoạt, sản xuất và dịch vụ. Tuy nhiên, tại một số khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo, hệ thống cấp nước tập trung vẫn còn hạn chế, quy mô nhỏ, chi phí đầu tư lớn và chịu ảnh hưởng bởi điều kiện địa hình, nguồn nước và biến đổi khí hậu.

Đối với hệ thống thoát nước, trong giai đoạn 2020 - 2025, tỉnh Quảng Ninh đã ưu tiên nguồn lực đầu tư xây dựng, cải tạo các tuyến cống, mương, trạm bơm và hệ thống tiêu thoát nước tại các đô thị lớn. Nhiều dự án thoát nước đô thị được triển khai, góp phần nâng cao năng lực tiêu thoát nước mưa, từng bước giảm tình trạng ngập úng cục bộ tại các khu vực trung tâm. Tuy nhiên, nhìn chung hệ thống thoát nước trên địa bàn tỉnh vẫn chưa đồng bộ, đặc biệt là tại các khu đô thị mở rộng, nơi hệ thống thoát nước mưa và nước thải chưa được tách riêng triệt để. Trong bối cảnh mưa lớn cục đoạn gia tăng và tác động của biến đổi khí hậu ngày càng rõ rệt, năng lực thoát nước tại một số khu vực chưa đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị và bảo vệ môi trường.

Song song với đầu tư thoát nước, tỉnh đã tập trung triển khai các dự án thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt đô thị với quy mô và tổng mức đầu tư lớn. Tiêu biểu là Dự án thoát nước và xử lý nước thải khu vực Hạ Long sử dụng vốn vay ODA của Chính phủ Nhật Bản với tổng vốn đầu tư trên 3.190 tỷ đồng, bao gồm xây dựng mạng lưới thu gom và các trạm xử lý nước thải tập trung. Đến nay, khu vực Hạ Long có 5 trạm xử lý nước thải với tổng công suất trên 14.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm, bước đầu đáp ứng nhu cầu xử lý nước thải sinh hoạt tại các khu vực đô thị trọng điểm. Tại Móng Cái cũng đã triển khai dự án thoát nước và xử lý nước thải sử dụng vốn vay Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) với tổng vốn đầu tư trên 860 tỷ đồng, đồng thời xây dựng các trạm xử lý nước thải sinh hoạt với tổng công suất khoảng 4.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Đô thị Cái Rồng đã vận hành công trình trạm xử lý nước thải với công suất 1.200 m<sup>3</sup>/ngđ; phường Quảng Yên ) đã tiếp nhận trạm xử lý nước thải với công suất 1.000 m<sup>3</sup>/ngày; Thị trấn Cô Tô (cũ) đã phê duyệt và đang triển khai Dự án thu gom và xử lý nước thải tại khu vực vùng lõi thị trấn, công suất 1.250 m<sup>3</sup>/ngđ, từ nguồn ngân sách địa phương. Ngoài các đô thị, các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh được đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung riêng biệt, với công suất từ vài nghìn đến hàng chục nghìn mét khối mỗi ngày đêm, bảo đảm nước thải được xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả ra môi trường.

Nhìn chung, giai đoạn 2020 - 2025, tỉnh Quảng Ninh đã dành nguồn lực đáng

kê để đầu tư phát triển hệ thống cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải với quy mô ngày càng lớn, góp phần cải thiện hạ tầng kỹ thuật môi trường và chất lượng sống của người dân. Tuy nhiên, trước yêu cầu phát triển nhanh và bền vững, hệ thống hạ tầng cấp - thoát nước và xử lý nước thải vẫn cần tiếp tục được đầu tư đồng bộ, hiện đại hơn, gắn chặt với quy hoạch đô thị, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu trong giai đoạn tiếp theo.

### **3.8 Lĩnh vực năng lượng**

- Về nguồn điện, Quảng Ninh là địa phương thu hút nhiều dự án năng lượng quy mô lớn. Nổi bật là Nhà máy điện khí LNG Quảng Ninh (Cửa Ông) với công suất 1.500 MW, tổng vốn đầu tư khoảng 2,2 tỷ USD, dự kiến khởi công cuối năm 2025 và vận hành thương mại giai đoạn 2028 - 2029. Song song với đó, tỉnh đã và đang kêu gọi đầu tư các dự án điện gió ven biển và ngoài khơi với tổng công suất dự kiến khoảng 700 MW, tổng vốn đầu tư ước khoảng 17.600 tỷ đồng, tạo tiền đề cho chuyển dịch cơ cấu năng lượng theo hướng xanh, bền vững.

- Về lưới truyền tải và phân phối, nhiều dự án trọng điểm đã được triển khai nhằm nâng cao năng lực cung ứng điện. Trong đó, dự án nâng công suất Trạm biến áp 500 kV Quảng Ninh được đầu tư với tổng vốn khoảng 280 tỷ đồng, lắp đặt bổ sung các máy biến áp, nâng tổng công suất trạm lên khoảng 1.525 MVA, hoàn thành và đưa vào vận hành từ đầu năm 2023. Đây là công trình then chốt, góp phần bảo đảm truyền tải công suất lớn từ các nguồn điện khu vực Đông Bắc vào hệ thống điện quốc gia.

Bên cạnh đó, ngành điện đã đầu tư nâng cấp và xây mới hệ thống trạm biến áp 110 kV và lưới trung, hạ áp, tiêu biểu như nâng công suất Trạm 110 kV Tiên Yên từ 16 MVA lên 40 MVA, xây mới và cải tạo hàng chục trạm phân phối, bổ sung khoảng 40 MVA công suất, cùng với hàng trăm kilômét đường dây trung thế và hạ thế. Các dự án này được triển khai đồng bộ và hoàn thành cơ bản trước mùa cao điểm nắng nóng năm 2025, góp phần giảm tổn thất điện năng và nâng cao độ tin cậy cung cấp điện.

- Chiếu sáng: Tại khu vực đô thị, tỉnh đã thực hiện cải tạo, thay thế và đầu tư mới hệ thống chiếu sáng công cộng trên các trục giao thông chính, khu trung tâm hành chính, khu du lịch và khu đô thị mới. Đến năm 2025, tỷ lệ tuyến đường đô thị được chiếu sáng đạt trên 98%, trong đó trên 85% số đèn chiếu sáng đã được chuyển đổi sang công nghệ LED, giúp tiết kiệm khoảng 30 - 40% điện năng so với đèn truyền thống.

Tổng chiều dài các tuyến đường đô thị được đầu tư và cải tạo hệ thống chiếu sáng trong giai đoạn 2020 - 2025 ước đạt trên 1.100 km, với khoảng hơn 120.000 bộ đèn chiếu sáng công cộng đang vận hành trên toàn tỉnh. Nguồn vốn đầu tư cho hạ tầng chiếu sáng chủ yếu được lồng ghép trong các dự án hạ tầng đô thị và giao thông, với tổng kinh phí ước tính khoảng 1.500 - 1.800 tỷ đồng trong cả giai đoạn.

### **3.9 Lĩnh vực quản lý chất thải rắn, nghĩa trang**

- Xử lý chất thải rắn:

Giai đoạn 2020 - 2025, tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trên địa

bàn tỉnh Quảng Ninh ước khoảng 1.100 - 1.300 tấn/ngày, tập trung chủ yếu tại các đô thị lớn như Hạ Long, Cẩm Phả, Uông Bí, Móng Cái và các khu du lịch trọng điểm. Trước thực tế đó, tỉnh đã triển khai quy hoạch mạng lưới xử lý chất thải rắn với 17 khu, cụm xử lý chất thải rắn sinh hoạt, trong đó đến năm 2025 có khoảng 10 khu đang vận hành, 03 khu đang đầu tư xây dựng, số còn lại đang trong giai đoạn chuẩn bị hoặc điều chỉnh quy hoạch.

Hệ thống xử lý chất thải rắn hiện hữu vẫn chủ yếu dựa vào công nghệ đốt và chôn lấp hợp vệ sinh, trong đó một số cơ sở đã được nâng cấp nhằm giảm tỷ lệ chôn lấp, phù hợp với định hướng bảo vệ môi trường của tỉnh. Tiêu biểu là Nhà máy xử lý chất thải rắn Khe Giang (Uông Bí) do Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Việt Long làm chủ đầu tư. Nhà máy được xây dựng và đưa vào vận hành từ trước năm 2020, với công suất ban đầu khoảng 200 - 300 tấn/ngày, sau nhiều lần đầu tư mở rộng đã nâng công suất xử lý lên khoảng 500 - 700 tấn/ngày, có thể đạt xấp xỉ 1.000 tấn/ngày trong điều kiện cao điểm. Nhà máy hiện đang tiếp nhận và xử lý rác thải sinh hoạt cho khu vực Uông Bí, Quảng Yên và một phần Hạ Long, góp phần giảm đáng kể lượng rác tồn đọng tại các bãi chôn lấp cũ.

- Nghĩa trang đô thị:

Đối với hạ tầng nghĩa trang đô thị, giai đoạn 2020 - 2025, tỉnh Quảng Ninh chủ yếu tập trung vào quy hoạch, sắp xếp và điều chỉnh không gian nghĩa trang gắn với quy hoạch đô thị và bảo vệ môi trường, thay vì triển khai nhiều dự án đầu tư xây dựng mới quy mô lớn. Trên cơ sở quy hoạch cụ thể theo từng địa phương, tỉnh đã định hướng duy trì, cải tạo và nâng cấp một số nghĩa trang phù hợp với quy hoạch, đồng thời khoanh vùng, hạn chế mở rộng hoặc từng bước xử lý, di dời các nghĩa trang nhỏ lẻ, không còn phù hợp. Song song với công tác quy hoạch, tỉnh Quảng Ninh đã triển khai một số dự án đầu tư nghĩa trang theo hướng hiện đại, tiêu biểu là công viên nghĩa trang An Lạc Viên. Dự án có tổng diện tích quy hoạch khoảng 630,9 ha, trong đó diện tích đất nghĩa trang khoảng 216 ha, còn lại là đất cây xanh cách ly và hạ tầng kỹ thuật. Tổng mức vốn đầu tư đăng ký khoảng 1.500 tỷ đồng, được triển khai theo nhiều giai đoạn. Dự án được quy hoạch thành nhiều phân khu chức năng, đáp ứng nhu cầu an táng cho người dân trong và ngoài tỉnh với quy mô lớn, thời gian phục vụ dài hạn.

### ***3.10. Lĩnh vực môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu***

Tổng số trạm quan trắc môi trường tự động đã được đầu tư, triển khai trên địa bàn tỉnh là 147 trạm (trong đó 19 trạm bằng nguồn ngân sách nhà nước; 128 trạm là các Doanh nghiệp đầu tư) nhằm nâng cao năng lực quan trắc, kiểm soát môi trường tự động trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, kiểm soát chặt chẽ, liên tục chất lượng môi trường, không khí cảnh báo sớm ô nhiễm môi trường, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động trong công tác quản lý nhà nước về môi trường; Công khai dữ liệu trên các phương tiện thông tin đại chúng để nhân dân được biết và cùng giám sát chất lượng môi trường, làm cơ sở để xử lý vi phạm hành chính những đơn vị vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. Hệ thống màn hình cung cấp thông tin quan trắc môi trường tự động tại Trung tâm hành chính công Tỉnh và Trung tâm hành chính công tại địa phương nơi có lắp đặt trạm quan trắc giúp công khai được các thông tin

dữ liệu về quan trắc môi trường tự động, tuyên truyền, phổ biến cho người dân biết để giám sát chất lượng môi trường xung quanh.

#### **4. Tổng hợp đánh giá mức độ trưởng thành của đô thị thông minh**

Qua rà soát, đánh giá các tiêu chí theo Công số 6862/BXD-PTĐT ngày 12/12/2024 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn áp dụng Bộ tiêu chí đô thị thông minh bền vững - Phiên bản 1.0, *Quảng Ninh đã đáp ứng các tiêu chí của một đô thị thông minh cơ bản* và các tiêu chí ngày một được nâng cao theo định hướng.

#### **5. Thách thức và yêu cầu của đô thị cần đáp ứng trong từng giai đoạn**

- Về công nghệ: Tốc độ phát triển công nghệ nhanh chóng đòi hỏi phải liên tục cập nhật, nâng cấp, để dẫn đến nguy cơ lạc hậu về công nghệ nếu không có chiến lược đầu tư và nghiên cứu phát triển rõ ràng. Thách thức trong việc tích hợp các công nghệ mới với hệ thống hạ tầng và phần mềm hiện có, đặc biệt là các hệ thống cũ.

- Về an ninh, an toàn thông tin và bảo mật dữ liệu: Mức độ kết nối tăng cao của IoT và 5G đi kèm với rủi ro về tấn công mạng, mất an toàn thông tin, lộ lọt dữ liệu và vi phạm quyền riêng tư của người dân. Yêu cầu xây dựng và tuân thủ các tiêu chuẩn về an toàn thông tin mạng, khả năng ứng cứu sự cố và bảo vệ thông tin cá nhân.

- Về tài chính và nguồn lực: Chi phí đầu tư cho hạ tầng nền tảng và các ứng dụng thông minh là rất lớn, đòi hỏi nguồn vốn bền vững và dài hạn. Trong khi thời gian thu hồi vốn đầu tư kéo dài, không phù hợp với chu kỳ ngân sách nhà nước thông thường.

### **IV. PHƯƠNG ÁN THÀNH LẬP THÀNH PHỐ QUẢNG NINH TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG**

#### **1. Hiện trạng tỉnh Quảng Ninh**

a) Tỉnh Quảng Ninh có diện tích tự nhiên là 6.231,30 km<sup>2</sup>; quy mô dân số là 1.519.647 người; có 54 đơn vị hành chính cấp xã, gồm: 30 phường, 22 xã và 02 đặc khu.

b) Địa giới hành chính tỉnh Quảng Ninh: Đông giáp biển Đông; Tây giáp các tỉnh Bắc Ninh, Lạng Sơn; Nam giáp thành phố Hải Phòng; Bắc giáp Nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa.

#### **2. Phương án thành lập**

Thành lập thành phố Quảng Ninh trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ địa giới đơn vị hành chính tỉnh Quảng Ninh với 6.231,30 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên và quy mô dân số là 1.519.647 người.

#### **3. Kết quả sau khi thành lập**

a) Thành phố Quảng Ninh có diện tích tự nhiên là 6.231,30 km<sup>2</sup>; quy mô dân số là 1.519.647 người; có 54 đơn vị hành chính cấp xã, gồm: 30 phường, 22 xã và 02 đặc khu.

b) Địa giới hành chính thành phố Quảng Ninh: Đông giáp biển Đông; Tây giáp các tỉnh Bắc Ninh, Lạng Sơn; Nam giáp thành phố Hải Phòng; Bắc giáp Nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa.

## **B. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA VIỆC THÀNH LẬP THÀNH PHỐ QUẢNG NINH TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG**

### **I. TÁC ĐỘNG VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI**

#### **1. Tác động tích cực**

- Việc tỉnh Quảng Ninh trở thành thành phố trên cơ sở lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, lấy kinh tế dữ liệu, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế dịch vụ cao làm trọng tâm là động lực để Quảng Ninh phát triển thành một thành phố tiêu biểu của cả nước về mọi mặt; thành phố kiểu mẫu giàu đẹp, văn minh, hiện đại, nâng cao đời sống mọi mặt của Nhân dân; cực tăng trưởng kinh tế số, du lịch thông minh, trung tâm đổi mới sáng tạo của vùng Đông Bắc; trung tâm du lịch quốc tế, trung tâm kinh tế biển, cửa ngõ của vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ và cả nước; đô thị phát triển bền vững theo mô hình tăng trưởng xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng; là khu vực phòng thủ thành phố vững chắc về quốc phòng - an ninh và phòng tuyến hợp tác, cạnh tranh kinh tế quốc tế.

- Việc thành lập thành phố Quảng Ninh sẽ là bước đột phá để phát triển kinh tế - xã hội, phát huy các tiềm năng và lợi thế sẵn có, là động lực phát triển kinh tế của Quảng Ninh nói riêng và của vùng Đông Bắc bộ nói chung. Các nguồn vốn sẽ được huy động, tập trung đầu tư cho các hạng mục trong quy hoạch, ưu tiên cho các dự án về hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật. Đối tượng thụ hưởng đầu tiên chính là người dân tại khu vực quy hoạch, môi trường đô thị hiện đại, văn minh, tiện ích sẽ góp phần thay đổi tích cực lối sống của người dân. Các ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh sản xuất, dịch vụ xoay quanh và phục vụ các khu đô thị sẽ góp phần giải quyết công ăn việc làm, thu hút lượng lớn lao động tại địa phương, các vùng lân cận và lao động có trình độ từ các tỉnh khác, tăng nguồn thu nhập cho người dân. Cơ cấu nền kinh tế của thành phố sẽ chuyển biến ngày càng tích cực, tốc độ tăng trưởng cao, đặc biệt là các nhóm ngành công nghiệp - xây dựng và dịch vụ. Người dân được nâng cao đời sống cả vật chất và tinh thần. Bởi quá trình hình thành và phát triển đô thị không chỉ gắn liền với sự phát triển công nghiệp - khoa học kỹ thuật mà còn gắn với sự phát triển giao thông vận tải, thương nghiệp, dịch vụ. Vì thế, nó là yếu tố động lực quan trọng làm thay đổi quá trình phát triển và phân bố lực lượng sản xuất, theo hướng giảm lao động trong ngành sản xuất nông nghiệp, tăng nhanh tỷ lệ lao động trong các ngành phi nông nghiệp; làm thay đổi cơ cấu kinh tế và tính chất lao động theo hướng tích cực. Tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế vùng nông thôn ngoại thành, thúc đẩy đầu tư xây dựng hệ thống giao thông kết nối, tạo thuận lợi cho phát triển sản xuất và lưu thông hàng hóa.

- Thành lập thành phố Quảng Ninh sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến chuyển dịch cơ cấu sử dụng đất. Việc dành quỹ đất cho phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ được ưu tiên, từ đó thúc đẩy phát triển mạnh các ngành công nghiệp, dịch vụ cả về số lượng lẫn quy mô góp phần đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, tăng thu

nhập binh quân đầu người một cách đáng kể. Sự phát triển công nghiệp, các khu công nghiệp, các nhà máy xí nghiệp,... sẽ thu hút lao động tập trung quanh vùng tạo thành các khu định cư mới. Đồng thời, kéo theo sự phát triển của các ngành dịch vụ (giao thông vận tải, thương mại, giáo dục, y tế,...). Diện tích đất đô thị có xu hướng ngày càng tăng lên, đặc biệt là đất dân dụng và đất công nghiệp. Các dự án đã, đang và sẽ hình thành ảnh hưởng đến đời sống người dân sinh sống trên địa bàn. Diện tích đất nông nghiệp sẽ bị chuyển đổi mục đích sử dụng sang phi nông nghiệp để phục vụ các mục đích xây dựng khu công nghiệp, khu dân cư, khu dịch vụ,... Người dân vùng nông thôn dần chuyển từ hoạt động nông nghiệp sang phi nông nghiệp.

- Xây dựng Quảng Ninh trở thành thành phố là con đường phù hợp nhất để tạo điều kiện cho Quảng Ninh khai thác hết tiềm năng, thế mạnh cho phát triển bền vững, đồng thời, cũng là để Việt Nam bảo vệ, giữ gìn được Di sản Thiên nhiên Thế giới đã được UNESCO công nhận “Vịnh Hạ Long - Quần đảo Cát Bà”, “Quần thể di tích và danh thắng Yên Tử, Vĩnh Nghiêm, Côn Sơn - Kiếp Bạc” và các di tích quốc gia đặc biệt đã được xếp hạng trên địa bàn; góp phần giữ gìn, củng cố bản sắc dân tộc trong quá trình hội nhập toàn cầu và nâng cao giá trị, sức thu hút của điểm đến Việt Nam trên bản đồ thế giới. Đồng thời, thể hiện rõ nét và điển hình nhất quan điểm của Đảng về mối quan hệ giữa phát triển văn hóa với phát triển kinh tế, trong đó phát triển văn hóa là nền tảng, là động lực của phát triển kinh tế, đặc biệt trong bối cảnh mới hiện nay; mở đường cho việc thu hút mọi nguồn lực cho bảo tồn và phát huy tối đa giá trị vô giá của di sản và tạo sức mạnh động viên to lớn cho toàn Đảng bộ, quân và dân Quảng Ninh trong chặng đường phát triển tiếp theo.

- Thương hiệu “thành phố” tạo điều kiện thị trường bất động sản phát triển sôi động trong thời gian tới, kích thích nguồn cung chất lượng và nguồn cầu không lồ từ người dân khu vực, các tỉnh lân cận, đặc biệt là giới chuyên gia nước ngoài. Trên thực tế, nhìn lại quá trình phát triển của các thành phố trực thuộc Trung ương như Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ, Huế,... hàng loạt công trình hạ tầng được xây dựng đồng bộ và hiện đại, các chính sách “mở cửa” thông thoáng cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước, du lịch cũng được đẩy mạnh thúc đẩy phát triển đô thị xứng tầm của quốc gia; là cơ sở và điều kiện để xây dựng Quảng Ninh trở thành thành phố theo định hướng một thành phố tiêu biểu của cả nước về mọi mặt; thành phố kiểu mẫu giàu đẹp, văn minh, hiện đại, nâng cao đời sống mọi mặt của Nhân dân; cực tăng trưởng kinh tế số, du lịch thông minh, trung tâm đổi mới sáng tạo của vùng Đông Bắc; trung tâm du lịch quốc tế, trung tâm kinh tế biển, cửa ngõ của vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ và cả nước; đô thị phát triển bền vững theo mô hình tăng trưởng xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng; là khu vực phòng thủ thành phố vững chắc về quốc phòng - an ninh và phòng tuyến hợp tác, cạnh tranh kinh tế quốc tế trên cơ sở lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, lấy kinh tế dữ liệu, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế dịch vụ cao làm trọng tâm; qua đó, tăng cường niềm tin của xã hội, của người dân, nhà đầu tư và cộng đồng doanh nghiệp vào năng lực quản lý, điều hành phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

## **2. Tác động tiêu cực**

Sự phát triển kinh tế - xã hội và quá trình đô thị hóa rất cao trên địa bàn sẽ dẫn

đến nhiều vấn đề bất cập mới nảy sinh như: tình trạng gia tăng dân số, lao động, việc làm, chuyển dịch cơ cấu, thành phần dân cư; cấp giấy phép xây dựng, giấy phép kinh doanh, đặc biệt là quản lý quy hoạch, quản lý sử dụng tài nguyên đất, quản lý kiến trúc cảnh quan và môi trường đô thị; trật tự, an toàn, tệ nạn xã hội, quốc phòng, an ninh. Bên cạnh đó, cơ sở hạ tầng đô thị đã được đầu tư xây dựng trên một số lĩnh vực chưa đồng bộ; thói quen, lối sống về bảo vệ môi trường, trật tự đô thị của một bộ phận người dân còn hạn chế. Việc phát triển lên đô thị trực thuộc Trung ương sẽ cần nguồn lực đầu tư rất lớn; việc đào tạo, nâng cao năng lực cán bộ quản lý đô thị các cấp cũng là một trong những nhiệm vụ trọng tâm cần thực hiện.

### 3. Giải pháp

- Cần tổ chức thực hiện và vận dụng đồng bộ các giải pháp về cơ chế, chính sách nhằm phát huy cao nhất tiềm năng và nguồn lực của thành phố và của Trung ương cho đầu tư phát triển. Tập trung phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; phát huy phong trào khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo; nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tạo điều kiện phát triển doanh nghiệp, thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo, triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ. Tiếp tục hỗ trợ doanh nghiệp mở rộng thị trường. Tập trung hỗ trợ tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các doanh nghiệp đã được cấp phép đầu tư, đẩy nhanh tiến độ xây dựng để đưa vào hoạt động.

- Nâng cao năng lực quản lý nhà nước của đội ngũ cán bộ, công chức, nhất là năng lực quản lý trật tự đô thị, kiến trúc cảnh quan, giữ vững tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trong mọi tình huống; xây dựng phương án chủ động, sẵn sàng ứng phó với mọi diễn biến phức tạp do quá trình đô thị hoá mang lại, tránh bị động, bất ngờ.

- Xây dựng thành phố Quảng Ninh trên cơ sở lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyên đổi số, lấy kinh tế dữ liệu, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế dịch vụ cao làm trọng tâm là động lực để Quảng Ninh phát triển thành một thành phố tiêu biểu của cả nước về mọi mặt; thành phố kiểu mẫu giàu đẹp, văn minh, hiện đại, nâng cao đời sống mọi mặt của Nhân dân; cực tăng trưởng kinh tế số, du lịch thông minh, trung tâm đổi mới sáng tạo của vùng Đông Bắc; trung tâm du lịch quốc tế, trung tâm kinh tế biển, cửa ngõ của vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ và cả nước; đô thị phát triển bền vững theo mô hình tăng trưởng xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng; là khu vực phòng thủ thành phố vững chắc về quốc phòng - an ninh và phòng tuyến hợp tác, cạnh tranh kinh tế quốc tế.

- Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh để nâng cao hiệu quả hoạt động. Thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Áp dụng rộng rãi hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015, văn phòng điện tử và một cửa điện tử. Tập trung giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân theo đúng quy định. Làm tốt công tác thực hành tiết kiệm, phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Duy trì thường xuyên chế độ giao ban hàng tuần. Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các tổ

chức chính trị - xã hội, vận động nhân dân thực hiện tốt các nghị quyết, chỉ thị, chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của nhà nước, gắn với trách nhiệm công dân, kỷ luật, kỷ cương xã hội, đấu tranh xử lý nghiêm những hành vi lợi dụng dân chủ để gây rối trật tự công cộng.

## **II. TÁC ĐỘNG VỀ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC**

### **1. Tác động tích cực**

- Việc thành lập thành phố Quảng Ninh là cơ sở để kiện toàn đội ngũ lãnh đạo các cấp, các đơn vị, nâng cao năng lực quản lý, chỉ đạo, điều hành tiến tới tiêu chuẩn hóa các chức vụ lãnh đạo; đổi mới các khâu công tác cán bộ như đánh giá, quy hoạch; đào tạo, bồi dưỡng; bổ nhiệm, miễn nhiệm; điều động, luân chuyển cán bộ; tăng cường công tác quản lý, giáo dục, rèn luyện đội ngũ cán bộ; hoàn thiện các chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức.

- Thành lập thành phố Quảng Ninh trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số tỉnh Quảng Ninh, do vậy tổ chức bộ máy của các cấp ủy Đảng, chính quyền được giữ nguyên và ổn định như hiện nay, không làm tăng biên chế. Đồng thời, hoạt động điều hành của chính quyền được tăng cường, công tác cải cách hành chính được đẩy mạnh, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức được nâng cao hơn nữa trong quá trình đô thị hóa đang diễn ra mạnh mẽ hiện nay.

- Chính quyền đô thị có điều kiện đáp ứng tốt những nhiệm vụ quan trọng như quản lý trật tự xây dựng, quản lý đất đai theo quy hoạch, quản lý cơ sở hạ tầng, quản lý dân cư, quản lý địa bàn về an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Bộ máy hành chính Nhà nước ở cơ sở sẽ phù hợp với sự phát triển của khu vực, làm nền tảng cho công tác quản lý Nhà nước và là cơ sở để phát triển đô thị nhanh, bền vững, đảm bảo theo định hướng.

- Việc thành lập thành phố sẽ thúc đẩy kinh tế phát triển toàn diện, UBND thành phố sẽ thực hiện đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ, công chức làm việc hiệu quả hơn. Các thủ tục hành chính được cải cách, đơn giản hóa, cơ chế một cửa, một cửa điện tử, giúp giải quyết công việc nhanh, hiệu quả hơn, giảm áp lực cho các dịch vụ hành chính công và giảm chi phí cho người dân.

- Nâng cao hiệu quả của công tác quản lý hành chính, góp phần giải quyết khó khăn, giảm gánh nặng cho công tác quản lý nhà nước về mọi mặt, củng cố và tăng cường hiệu quả quản lý, điều hành của chính quyền địa phương. Đội ngũ cán bộ, công chức sẽ tiếp tục được đào tạo, bồi dưỡng; nhận thức, tư duy của đội ngũ cán bộ, công chức cũng sẽ thay đổi tích cực để đáp ứng tốt các yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị.

### **2. Tác động tiêu cực**

Do yêu cầu đô thị hóa, số lượng giao dịch hành chính của thành phố Quảng Ninh vốn đã cao sẽ tăng nhanh hơn nữa, nhất là ở các lĩnh vực quản lý đô thị, đất đai, hộ tịch,...; nhưng với việc đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, hoạt động điều hành của chính quyền được tăng cường, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức

ngày càng được nâng cao, lề lối làm việc được cải tiến sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho giao dịch hành chính của công dân, cũng như quản lý của cơ quan nhà nước. Việc thành lập thành phố sẽ ảnh hưởng đến công tác quản lý địa chỉ liên lạc của công dân, tổ chức. Đồng thời, áp lực về các dịch vụ công sẽ gia tăng do người dân và các tổ chức sẽ có nhu cầu thay đổi địa chỉ, giấy tờ tùy thân, giấy tờ đăng ký kinh doanh,... từ đó kéo theo việc mất thời gian để chuyển đổi giấy tờ.

### **3. Giải pháp**

- Sau khi thành lập, thành phố sẽ phối hợp cùng các cơ quan, đơn vị thực hiện công tác thay đổi giấy tờ, địa chỉ, giấy phép đăng ký kinh doanh,... cho các doanh nghiệp, người dân trên địa bàn theo quy định, sớm ổn định đời sống, tập trung phát triển kinh tế - xã hội.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính gắn liền với xây dựng chính quyền điện tử và áp dụng tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 9001:2015 hướng đến nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực thi công vụ của cán bộ, công chức ở các cấp chính quyền và vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu. Nâng cao thái độ phục vụ, trách nhiệm và năng lực của cán bộ công chức để tránh tình trạng gây khó khăn cho người dân và doanh nghiệp; đồng thời bảo đảm tính pháp lý, hiệu quả, minh bạch, công bằng trong khi giải quyết công việc hành chính. Thực hiện đánh giá tinh thần, thái độ phục vụ của cán bộ, công chức, lấy sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với chất lượng cung cấp dịch vụ công là thước đo hiệu quả hoạt động của cơ quan Nhà nước.

- Tập trung xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, thường xuyên kiện toàn đội ngũ cán bộ, công chức cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị xã hội. Rà soát đội ngũ cán bộ, công chức; tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn để đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ trong giai đoạn mới, phù hợp với chức năng, mô hình đô thị sau khi thành lập; đồng thời phục vụ người dân được tốt hơn.

## **III. TÁC ĐỘNG ĐẾN ĐỜI SỐNG NHÂN DÂN**

### **1. Tác động tích cực**

- Việc thành lập thành phố sẽ thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế - xã hội, tăng quỹ đất xây dựng, tăng nguồn đóng góp cho ngân sách của thành phố để đầu tư vào xây dựng các cơ sở hạ tầng, hệ thống giao thông, các công trình công cộng, trường học, trạm y tế, trung tâm văn hóa,... nâng cao công tác chăm sóc sức khỏe, giáo dục và phục vụ đời sống Nhân dân trên địa bàn được tốt hơn.

- Việc trở thành công dân của thành phố sẽ đặt ra yêu cầu cho Nhân dân trên địa bàn điều chỉnh nếp sống và cách sinh hoạt hiện nay theo hướng văn minh, tiến bộ hơn, phù hợp với mô hình đô thị văn minh của thành phố. Ngoài ra, việc thành lập thành phố trực thuộc Trung ương sẽ là cơ sở để tạo điều kiện rà soát, tổ chức hợp lý các khu chức năng công nghiệp, dịch vụ, du lịch, khu dân cư, khuôn viên, cây xanh, sinh thái,... đồng thời, việc đầu tư và phát triển đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, làm giảm áp lực lên hệ thống cơ sở hạ tầng của đô thị trung tâm, tạo ra sự cân đối giữa các khu vực nội thành và ngoại thành.

- Sau khi thành phố Quảng Ninh được thành lập sẽ tạo sức hút lớn hơn nữa

đối với các nhà đầu tư, thu hút các nguồn lực, các thành phần kinh tế về địa phương phát triển các hoạt động công nghiệp - xây dựng, thương mại - dịch vụ; góp phần tiếp tục chuyển đổi mạnh mẽ cơ cấu kinh tế của địa phương, nhờ đó giải quyết có hiệu quả các vấn đề việc làm, nâng cao thu nhập, ổn định cuộc sống của người dân, giữ nguồn nhân lực dồi dào tại địa phương phục vụ phát triển kinh tế ngay tại quê nhà. Đồng thời sẽ thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế - xã hội, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động, thay đổi sự phân bố dân cư; thúc đẩy mô hình tăng trưởng bền vững gắn liền với bảo vệ môi trường, quản lý và sử dụng bền vững các nguồn tài nguyên và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu. Khi thành phố Quảng Ninh được thành lập, nhiều công trình phúc lợi xã hội sẽ được đầu tư xây dựng góp phần nâng cao chất lượng đời sống người dân.

## **2. Tác động tiêu cực**

- Thành phố Quảng Ninh sau khi được thành lập người dân trên địa bàn sẽ mất khoảng thời gian để thay đổi lại giấy tờ tùy thân, địa chỉ liên lạc cho phù hợp. Quá trình đô thị hóa sẽ làm nảy sinh các vấn đề về môi trường như tăng lượng khí thải, nước thải,... gây nên những ảnh hưởng đáng kể đến môi trường và tài nguyên thiên nhiên, sự cân bằng sinh thái; tài nguyên đất bị khai thác triệt để phục vụ xây dựng đô thị, làm giảm diện tích cây xanh và nước mặt, gây ra ngập úng.

- Việc chuyển đổi mục đích sử dụng một diện tích lớn đất nông nghiệp, lâm nghiệp sang mục đích sử dụng khác sẽ làm mất việc làm và giảm thu nhập của một bộ phận nông dân có đất nông nghiệp bị thu hồi. Tuy nhiên, tiền hỗ trợ từ các nguồn khác nhau sẽ được chi trả cho người dân để thúc đẩy kinh tế phát triển, tạo thêm việc làm mới thông qua các dịch vụ, ngành nghề mới được hình thành.

## **3. Giải pháp**

- Chính quyền các cấp cần chủ động triển khai và tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong việc thực hiện thủ tục chuyển đổi các loại giấy tờ liên quan đến nhân thân hoặc liên quan đến các hoạt động sản xuất, kinh doanh và không thu các loại phí, lệ phí khi thực hiện việc chuyển đổi. Bố trí cán bộ, công chức có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, năng lực, phẩm chất đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quản lý của chính quyền đô thị. Thông qua tập huấn nâng cao kiến thức quản lý thị trường, quản lý tài nguyên - môi trường, quản lý trật tự xây dựng đô thị, giúp đội ngũ cán bộ cơ sở làm công tác quản lý nắm vững về các quy trình, thủ tục hành chính, góp phần nâng cao năng lực chuyên môn trong xử lý công việc được giao.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thực hiện pháp luật về xây dựng, môi trường trên địa bàn; nhất là công tác quản lý vệ sinh môi trường và trật tự xây dựng đô thị; kịp thời phát hiện vi phạm, kiên quyết xử lý đối với các tổ chức, cá nhân vi phạm.

## **IV. TÁC ĐỘNG VỀ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ**

### **1. Tác động tích cực**

- Thành lập thành phố trên cơ sở nguyên trạng nên không bổ sung biên chế cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; không mất thêm kinh phí xây dựng thêm trụ sở, mua sắm trang thiết bị và các tài sản công mới. Trên cơ sở quy hoạch

và các dự án đầu tư được phê duyệt trên địa bàn, thành phố sẽ xác định nguồn vốn cụ thể cần phải huy động cho từng thời gian, cho từng dự án. Mặt khác, việc thành lập thành phố Quảng Ninh tạo điều kiện thu hút nhiều nhà đầu tư trong nước và nước ngoài (FDI) đổ vốn vào các dự án trên các lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật, công nghiệp, bất động sản, thương mại dịch vụ, du lịch. Phát huy lợi thế là điểm đến hấp dẫn bậc nhất của cả nước về FDI và đầu tư công, đi đầu trong việc xây dựng hệ thống cao tốc và sân bay quốc tế, tạo tiền đề cho sự phát triển đồng bộ hạ tầng của cả vùng; phát triển thành một thành phố tiêu biểu của cả nước về mọi mặt; thành phố kiểu mẫu giàu đẹp, văn minh, hiện đại, nâng cao đời sống mọi mặt của Nhân dân; cực tăng trưởng kinh tế số, du lịch thông minh, trung tâm đổi mới sáng tạo của vùng Đông Bắc; trung tâm du lịch quốc tế, trung tâm kinh tế biển, cửa ngõ của vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ và cả nước; đô thị phát triển bền vững theo mô hình tăng trưởng xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng; là khu vực phòng thủ thành phố vững chắc về quốc phòng - an ninh và phòng tuyên hợp tác, cạnh tranh kinh tế quốc tế.

- Các doanh nghiệp có vốn đầu tư trong nước, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài sẽ ưu tiên nguồn vốn lớn để thi công các dự án. Các dự án lớn được đầu tư sẽ giúp Quảng Ninh ngày càng thu hút được nguồn vốn vào những lĩnh vực khác để từng bước nâng tầm phát triển theo định hướng.

## **2. Tác động tiêu cực**

- Tính hiệu quả trong quản lý điều hành của chính quyền đô thị, gây ra các khó khăn cho các doanh nghiệp, người dân. Những thách thức cho thấy cần phải có cơ chế quản lý tài chính ngân sách phù hợp nhằm tạo động lực cho các đô thị phát triển, đáp ứng tốt nhất các nhu cầu về hàng hóa, dịch vụ công của người dân khu vực đô thị.

- Khi thành phố Quảng Ninh được thành lập, giá trị đất đai tăng cao dưới tác động của việc đầu tư mạnh mẽ từ nguồn lực xã hội hóa. Giá trị đất đai tăng cao đồng nghĩa với việc tăng chi phí giải phóng mặt bằng, chi phí đầu tư xây dựng, gây khó khăn trong việc đầu tư, đặc biệt là đối với các công trình sử dụng vốn ngân sách. Việc thành lập thành phố cần nguồn lực lớn cho đầu tư hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội như: hệ thống đường giao thông kết nối đồng bộ; hệ thống chiếu sáng; bãi đỗ xe; hồ sinh thái; vườn hoa, công viên, khu vui chơi giải trí và cung cấp hệ thống trường học, trạm y tế, các nhà văn hóa khu phố,... Vì vậy, cần phải có kế hoạch phân bổ nguồn vốn hợp lý cho từng dự án, công trình và giai đoạn phát triển của thành phố Quảng Ninh.

- Cùng với quá trình phát triển nhanh chóng của các đô thị, quy mô dân số ngày càng tăng, ngày càng nhiều vấn đề đặt ra yêu cầu chính quyền các đô thị phải giải quyết như vấn đề ô nhiễm môi trường, xử lý chất thải, giao thông công cộng, an ninh trật tự cũng như các thách thức trong việc cung cấp các dịch vụ công cơ bản như giáo dục, y tế. Từ đó, chính quyền phải có sự tính toán và ưu tiên bố trí các nguồn lực đầu tư cho nhiều mục tiêu, dẫn đến sự dàn trải và phân tán nguồn vốn đầu tư của địa phương.

## **3. Giải pháp**

- Đề huy động được nhiều nguồn vốn từ người dân, doanh nghiệp thì việc cấp phép, giải quyết các thủ tục liên quan đến đất đai, đầu tư, xây dựng phải nhanh gọn, thuận tiện.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả điều hành thu, chi ngân sách và đầu tư công; cơ cấu lại chi đầu tư công có trọng tâm, trọng điểm vào các ngành, lĩnh vực then chốt, tạo động lực lan tỏa, thúc đẩy kinh tế - xã hội, “lấy đầu tư công dẫn dắt đầu tư tư”, kích hoạt thu hút các nguồn lực xã hội, nhất là nguồn lực tư nhân tham gia đầu tư theo phương thức hợp tác công - tư trong phát triển hạ tầng chiến lược, nhất là hệ thống hạ tầng giao thông. Ưu tiên đầu tư cho mạng lưới hạ tầng quy mô lớn, mang tính liên huyện, liên tỉnh, kết nối các hành lang kinh tế, mạng lưới giao thông vùng, khu vực, quốc tế.

- Đẩy mạnh hơn nữa cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế đầu tư. Thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện, xây dựng chính quyền số, phát triển kinh tế số, xã hội số, công dân số. Hoàn thiện cơ chế chính sách về quản lý, khai thác nguồn lực từ đất đai cho phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, tăng nguồn thu từ đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án sử dụng đất theo quy hoạch và tại các khu vực phát triển đô thị để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đô thị. Phát triển mạnh khu vực kinh tế tư nhân cả về số lượng, chất lượng, hiệu quả, bền vững trở thành một trong những động lực quan trọng để thúc đẩy chuyển đổi phương thức phát triển, cơ cấu lại nền kinh tế của thành phố. Xây dựng cơ chế chính sách đột phá để thu hút các nhà đầu tư chiến lược có khả năng dẫn dắt, hình thành các ngành kinh tế trọng điểm.

- Hiện tượng giá đất tăng cao không chỉ ảnh hưởng đến cá nhân người dân hay nhà đầu tư mà nó còn để lại hệ lụy đối với sự phát triển của địa phương, ảnh hưởng đến việc phát triển kinh tế - xã hội. Vì vậy, công bố công khai thông tin về quy hoạch, tiến độ triển khai các dự án phát triển cơ sở hạ tầng, các dự án bất động sản, đặc biệt là các dự án lớn và việc thành lập, nâng cấp đơn vị hành chính,... tại địa phương để minh bạch thông tin, ngăn chặn hiện tượng đẩy giá để trục lợi bất hợp pháp là hết sức cần thiết.

Trong giai đoạn tới, thành phố Quảng Ninh sẽ xây dựng lộ trình triển khai thực hiện xây dựng các dự án đảm bảo tính khả thi trong giai đoạn 2026 - 2030 và những năm tiếp theo, xác định rõ các dự án theo phân cấp đầu tư công và sắp xếp thứ tự ưu tiên đầu tư trên cơ sở cân đối nguồn lực vốn đầu tư công. Tranh thủ mọi nguồn lực từ các doanh nghiệp, nhà đầu tư, nhân dân để đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội của địa phương, góp phần thay đổi diện mạo đô thị tiến tới đồng bộ, kết nối liên thông và hiện đại. Cùng với đó, thành phố sẽ tạo điều kiện và có phương án tập trung rà soát, kịp thời tháo gỡ khó khăn, tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất để hỗ trợ các nhà đầu tư trong quá trình tìm hiểu, triển khai thực hiện các dự án trên địa bàn, nhất là việc hỗ trợ hoàn thành các thủ tục, xác định giá đất, giải phóng mặt bằng,...

## **V. TÁC ĐỘNG VỀ MÔI TRƯỜNG**

### **1. Tác động tích cực**

- Có thể khẳng định rằng quan điểm, mục tiêu của Bộ Chính trị và Chính quyền Quảng Ninh phát triển Quảng Ninh dựa trên nền tảng là khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyên đổi số, lấy kinh tế dữ liệu, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế dịch vụ cao làm trọng tâm. Với chủ trương phát triển như vậy, các phương án phát triển thành thành phố trực thuộc Trung ương sẽ ít gây ra nhiều tác động tiêu cực lớn đến môi trường tự nhiên như ở các địa phương khác.

Trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, Quảng Ninh có nhiều lợi thế nhưng cũng đối mặt với những vấn đề về môi trường. Vì vậy, Quảng Ninh luôn xác định công tác bảo vệ môi trường là một trong những nhiệm vụ trọng tâm để tập trung lực đầu tư. Việc thành lập thành phố Quảng Ninh sẽ nâng tầm quan điểm về bảo vệ môi trường cũng như nâng cao vai trò, trách nhiệm của chính quyền, nhà đầu tư và nhân dân trong vấn đề bảo vệ môi trường. Thành phố sẽ đầu tư nguồn lực, bao gồm: tài chính, khoa học công nghệ và nhân sự,... từng bước cải thiện môi trường nâng cao chất lượng đời sống nhân dân.

- Việc đầu tư cho thu gom, xử lý nước thải và chất thải rắn, phát triển mạng lưới và các thông số quan trắc, hình thành các trung tâm bảo vệ và cứu hộ động vật,...; trở thành thành phố trực thuộc Trung ương sẽ mang lại cơ hội việc làm và tăng thu nhập cho người dân, qua đó thúc đẩy nền kinh tế phát triển và ý thức bảo vệ môi trường của nhân dân trên địa bàn; thúc đẩy mô hình tăng trưởng bền vững gắn liền với bảo vệ môi trường, quản lý và sử dụng bền vững các nguồn tài nguyên, bảo tồn đa dạng sinh học và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; tạo bước bứt phá trong thu hút đầu tư, tạo ra nguồn lực để đầu tư trở lại cho công tác bảo vệ môi trường.

## **2. Tác động tiêu cực**

Việc trở thành thành phố sẽ có những tác động tiêu cực đến môi trường như:

- Suy giảm trữ lượng nước và ô nhiễm môi trường nước: nhu cầu nước sinh hoạt tăng cao do dân số phát triển và nhu cầu dùng nước trên đầu người gia tăng; Nước thải sinh hoạt gây ô nhiễm môi trường đất, nước và trầm tích ở các thủy vực tiếp nhận nước thải.

- Suy thoái/ô nhiễm môi trường không khí và đất: quá trình xây dựng hạ tầng đô thị làm phát sinh chất thải rắn, khí thải, nước thải gây ảnh hưởng xấu đến môi trường không khí, đất và nước; quá trình hoạt động của đô thị phát sinh nước thải, chất thải rắn, khí thải từ hoạt động giao thông gây ô nhiễm môi trường nước, không khí và đất.

- Tình trạng tập trung phương tiện cơ giới (ô tô, xe máy) đến các đô thị làm tăng nguy cơ ô nhiễm không khí do bụi và khí thải động cơ.

- Suy giảm cảnh quan thiên nhiên và đa dạng sinh học: Đa dạng sinh học bị ảnh hưởng do các vùng sinh thái nhạy cảm, vùng đất ngập nước bị chiếm dụng; Nước thải, chất thải rắn không được thu gom xử lý đổ vào nguồn nước gây ảnh hưởng đến các loài sinh vật.

Do vậy, sau khi thành lập thành phố Quảng Ninh cần phải định hướng phát triển đô thị theo hướng bền vững, giải quyết đồng bộ các vấn đề về kinh tế - xã hội

và môi trường tại địa phương.

### 3. Giải pháp

- Hướng dẫn, cụ thể hóa và áp dụng Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành Luật Bảo vệ môi trường,... cho phù hợp với các điều kiện của địa phương.

- Các sở ban ngành cấp tỉnh và UBND các địa phương quán triệt và thực hiện nghiêm chỉnh các Nghị quyết của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; Nghị quyết, Chương trình của Thành ủy; Kế hoạch, chỉ đạo của UBND thành phố về bảo vệ môi trường, thu gom và xử lý hiệu quả rác thải, nước thải.

- Xây dựng và ban hành chính sách cụ thể về bảo vệ môi trường ở khu công nghiệp, cụm công nghiệp, đặc biệt chú trọng ưu tiên cho công tác xử lý nước thải do hiện một số khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn vẫn chưa có hệ thống xử lý nước thải tập trung hoặc có nhưng vận hành chưa hiệu quả và xả khói bụi gây ô nhiễm môi trường không khí, ảnh hưởng đến đời sống, sinh hoạt của nhiều hộ dân. Việc khuyến khích phát triển khu công nghiệp sinh thái, triển khai kinh tế tuần hoàn, giảm phát thải khí nhà kính,... cần được quan tâm triển khai thực hiện có hiệu quả.

- Triển khai thực hiện đầy đủ và hiệu quả các chính sách, quy hoạch, đề án,... về quản lý chất thải rắn của UBND thành phố như Quy hoạch quản lý chất thải rắn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Kế hoạch tăng cường công tác quản lý chất thải nhựa trên địa bàn; Đề án tổng thể thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn đến năm 2030,... đã được phê duyệt.

- Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, hệ thống chỉ đạo, điều hành trong lĩnh vực tài nguyên, môi trường; xây dựng lực lượng, nâng cấp phương tiện, trang thiết bị; sẵn sàng ứng phó, khắc phục hậu quả nhanh và hiệu quả, tái thiết tốt hơn với các tình huống về vấn đề môi trường.

- Đẩy mạnh đầu tư các công trình xử lý môi trường, ưu tiên sử dụng các công nghệ thân thiện với môi trường, hạn chế thu hút các dự án đầu tư có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao. Đa dạng hóa các nguồn đầu tư cho công tác bảo vệ môi trường, khuyến khích cá nhân, tổ chức, các thành phần kinh tế tham gia các dịch vụ thu gom, vận chuyển, tái chế, xử lý chất thải và các dịch vụ khác về bảo vệ môi trường; đẩy mạnh hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường. Tiến hành trồng dải cây xanh xung quanh khu vực xử lý chất thải sinh hoạt tập trung, nhằm ngăn ngừa sự phát tán bụi, khí ra môi trường xung quanh đồng thời tạo cảnh quan môi trường sinh thái khu vực xử lý.

- Khẩn trương xã hội hóa dịch vụ thu gom, xử lý chất thải rắn nhằm chia sẻ trách nhiệm cho cộng đồng, từng bước giảm tải lên ngân sách nhà nước chi cho dịch vụ này. Nghiên cứu theo hướng đa thành phần tham gia, cùng với các công cụ kinh tế như phí ô nhiễm, thu thuế các bãi chôn nhằm giảm lượng chất thải và chi phí đối với sản phẩm. Tổ chức mạng lưới thu gom, phân loại, tái sử dụng các chất thải nhằm làm sạch môi trường, đem lại lợi ích kinh tế, tiết kiệm tài nguyên và giảm chi phí xử

lý. Xử lý chất thải độc hại bằng quá trình hóa lý, sinh học, tách các chất độc hại ra khỏi rác.

- Tăng cường truyền thông, phát huy vai trò của Mặt trận, đoàn thể các cấp và nâng cao nhận thức của chính quyền, người dân trong việc bảo vệ cảnh quan, môi trường sống ngày càng chất lượng; kết hợp với kiểm tra giám sát việc chấp hành quy định pháp luật về bảo vệ môi trường tại các cơ sở sản xuất kinh doanh, các khu đô thị, địa điểm tham quan như: thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt, sản xuất trước khi đổ vào hệ thống thoát nước chung và thải ra sông, suối, kênh trên địa bàn; trong đó, triển khai thường xuyên phong trào “Chủ nhật xanh” tại khu dân cư như một nhiệm vụ lâu dài, góp phần giữ gìn môi trường sống ngày càng “xanh - sạch - sáng”.

## **VI. TÁC ĐỘNG VỀ HẠ TẦNG, ĐÔ THỊ, CẢNH QUAN**

### **1. Tác động tích cực**

- Việc thành lập thành phố là cơ sở để Quảng Ninh triển khai Quy hoạch tỉnh, Quy hoạch chung đô thị tỉnh, Chương trình phát triển đô thị và các định hướng quy hoạch của Quốc gia, của Vùng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Là điều kiện thuận lợi đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội nhằm đảm bảo theo tiêu chuẩn thành phố trong thời gian tới như: thực hiện ngầm hóa hệ thống cáp điện, viễn thông; phát triển mạng lưới giao thông đồng bộ, hiện đại; nâng cấp, mở rộng, xây mới các khu vui chơi giải trí, trường học,... nhằm giải quyết nhu cầu hưởng thụ văn hóa tinh thần cho nhân dân, là tác nhân thúc đẩy nâng cao trình độ dân trí của người dân. Các công trình kiến trúc mới được xây dựng, cải tạo, đặc biệt là các khu vực sinh thái, công viên cây xanh sẽ góp phần nâng cao mỹ quan đô thị, cải thiện chất lượng môi trường sinh thái đô thị.

- Các hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật thực hiện theo đúng quy hoạch, tiếp thu, áp dụng kỹ thuật mới, tiên tiến, kiến trúc hiện đại (hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống đường điện ngầm, hệ thống ga thu nước mưa, cống mương thoát nước, hệ thống cáp điện, đường ống cấp nước, cáp thông tin đi trong hầm kỹ thuật,...) sẽ tạo ra diện mạo đô thị khang trang, sạch đẹp hơn.

### **2. Tác động tiêu cực**

Quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa đang rất nhanh trên địa bàn làm tăng trưởng nhanh chóng các ngành công nghiệp dẫn đến sự biến mất của các mảng xanh, mặt nước; thay đổi kiến trúc và cảnh quan không gian ở; có thể làm biến đổi kiến trúc cảnh quan công trình văn hóa - di tích. Do vậy, cần phải định hướng phát triển theo hướng bền vững, đồng bộ các vấn đề về kinh tế, kiến trúc và xã hội.

### **3. Giải pháp**

- Cùng với quá trình đô thị hóa và quá trình phát triển kinh tế - xã hội, công tác quy hoạch phải liên tục đi cùng để đảm bảo cuộc sống ổn định, tạo lập môi trường tốt cho người dân, giảm thiểu tác động xấu tới môi trường do các hoạt động sản xuất công nghiệp. Các tỷ lệ và cơ cấu đất đai, tài nguyên, sức lao động phải cân bằng; đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất, đồng thời giữ gìn được cảnh quan, không làm mất đi tính thuần khiết của những không gian văn hóa.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, rà soát các công trình, dự án đã và đang thực hiện trên địa bàn theo quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, từ đó có kế hoạch cụ thể triển khai hoàn thành sớm đưa vào sử dụng, khai thác. Kiểm tra, xử lý nghiêm các trường hợp xây dựng, san lấp mặt bằng không đúng quy định bảo đảm kiến trúc tổng thể của đô thị theo quy hoạch chung đô thị.

- Xác định rõ phát triển đô thị Quảng Ninh theo hướng bền vững, cần giải quyết đồng bộ các vấn đề về môi trường, tự nhiên, kinh tế - xã hội. Do vậy, các ngành chức năng của thành phố cần triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp, từ tuyên truyền, vận động đến ra quân tuần tra, kiểm soát, nhắc nhở và xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm lấn chiếm, sử dụng hành lang vỉa hè để kinh doanh buôn bán; các cá nhân vi phạm trật tự an toàn giao thông cũng như xử lý triệt để các sai phạm của các đơn vị trong quá trình triển khai xây dựng các công trình nhằm lập lại trật tự công cộng, trật tự đô thị trên các tuyến phố, góp phần xây dựng thành phố Quảng Ninh ngày càng văn minh, hiện đại hơn.

## **VII. TÁC ĐỘNG VỀ CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI**

### **1. Tác động tích cực**

- Việc thành lập thành phố Quảng Ninh không ảnh hưởng hoặc tác động đối với các đối tượng hưởng chế độ chính sách vì dù thay đổi cấp độ hành chính đều không có sự thay đổi nào trừ khi chính sách có sự thay đổi.

- Khi thành lập thành phố Quảng Ninh, chính quyền sẽ có sự chỉ đạo kịp thời, linh hoạt, kinh tế - xã hội sẽ từng bước phát triển, đời sống nhân dân được cải thiện, các chính sách an sinh xã hội được đảm bảo; niềm tin xã hội, sự ủng hộ của nhân dân, cộng đồng doanh nghiệp ngày một lớn hơn.

- Trở thành thành phố, hệ thống an sinh xã hội sẽ ngày càng đồng bộ và hoàn thiện với diện bao phủ ngày một mở rộng, trở thành chỗ dựa vững chắc cho các hộ còn khó khăn và đối tượng dễ bị tổn thương trong xã hội. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân không ngừng được cải thiện, việc làm ngày càng bền vững hơn.

- Thành lập chính quyền đô thị đặt ra nhu cầu cung cấp lao động cho các nhà máy, các ngành dịch vụ mới, nhiều dự án FDI đầu tư, từ đó tạo cơ hội lớn giải quyết việc làm tại chỗ cho người lao động.

- Thực hiện tốt hơn các chính sách bảo đảm an sinh và phúc lợi xã hội, nhất là đối với người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, đồng bào vùng bị thiệt hại nặng nề do thiên tai, bão, lũ. Quan tâm chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho các gia đình chính sách, công nhân các khu công nghiệp, khu chế xuất, đồng bào ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo,... Có điều kiện tốt hơn để thường xuyên tổ chức thăm hỏi các đồng chí thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sĩ, gia đình có công với nước, các bậc lão thành cách mạng, Mẹ Việt Nam Anh hùng, nhân sĩ, trí thức, văn nghệ sĩ, chức sắc tôn giáo tiêu biểu, các đơn vị lực lượng vũ trang và đơn vị làm nhiệm vụ trong những ngày lễ, Tết.

### **2. Tác động tiêu cực**

- Chính sách đối với đối tượng thuộc hộ nghèo, cận nghèo thì sẽ có ảnh hưởng

bởi theo điểm a, khoản 1 Điều 3 Nghị định 07/2021/NĐ-CP về các tiêu chí đo lường thì tiêu chí thu nhập ở khu vực nông thôn là 1.500.000 đ/người/tháng; ở khu vực thành thị là: 2.000.000 đ/người/tháng. Do đó, nếu hình thành đô thị dẫn đến tăng ngân sách nhà nước để chi trả.

- Tỷ trọng nông nghiệp giảm, phi nông nghiệp tăng làm cho tỉ lệ thất nghiệp, thiếu việc làm của lao động nông nghiệp có xu hướng tăng lên. Sức ép về giải quyết việc làm cho lao động nông nghiệp ngày càng tăng.

### **3. Giải pháp**

- Kịp thời bổ sung các chính sách lao động - việc làm mới, tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao để giải quyết mục tiêu đạt được tăng trưởng kinh tế cao, giải quyết việc làm bền vững tại các vùng đô thị hóa.

- Xây dựng hệ thống an sinh xã hội bao phủ toàn dân, bảo đảm cho người dân tiếp cận đến các chính sách việc làm, tham gia bảo hiểm xã hội, hỗ trợ những người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, người cao tuổi thu nhập thấp, người khuyết tật nặng, người nghèo,...), tăng cường các dịch vụ xã hội cơ bản ở mức tối thiểu (y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch, thông tin), từng bước nâng cao thu nhập, bảo đảm cuộc sống an toàn, bình đẳng của nhân dân.

- Hoàn thiện thị trường lao động, phát triển việc làm, bảo đảm an sinh xã hội bền vững. Hiện đại hóa thị trường lao động, kết nối cung cầu lao động; phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa để tạo việc làm và chuyển dịch cơ cấu việc làm; tăng cường đối thoại lao động, bảo đảm tiêu chuẩn lao động; tăng cường đào tạo và phát triển kỹ năng cho người lao động; tập trung phát triển các chương trình về “An toàn và vệ sinh lao động”, “việc làm làng nghề”,...

## **VIII. TÁC ĐỘNG VỀ QUỐC PHÒNG, AN NINH; TRẬT TỰ, AN TOÀN XÃ HỘI**

### **1. Tác động tích cực**

- Đối với công tác bảo đảm an ninh, trật tự trên địa bàn, việc thành lập thành phố sẽ tạo điều kiện nâng cao tiềm lực về cơ sở vật chất, hạ tầng, được hưởng các quy định thuận lợi trong triển khai các mặt công tác công an, góp phần bảo đảm tốt tình hình an ninh, trật tự trên địa bàn; nâng cao quy mô về nhân lực tham gia các hoạt động bảo đảm an ninh, trật tự ở cơ sở. Việc điều thành lập thành phố Quảng Ninh trực thuộc Trung ương và việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã vừa qua nhằm thiết lập ĐVHC có quy mô diện tích tự nhiên và dân số phù hợp với năng lực quản lý của bộ máy chính quyền địa phương, trong đó có lực lượng Công an; việc thành lập thành phố là cơ sở sắp xếp, hoàn thiện tổ chức lực lượng Công an, tăng cường Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở góp phần củng cố, đáp ứng yêu cầu bảo đảm an ninh, trật tự.

- Việc thành lập thành phố Quảng Ninh là phù hợp với các quan điểm, chủ trương của Đảng, Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội gắn với quốc phòng, an ninh. Kinh tế - xã hội phát triển, đời sống vật chất, tinh thần của người dân từng bước được cải thiện, ý thức, trách nhiệm của người dân đối với nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, bảo đảm an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội được nâng lên, góp phần củng cố

nền quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân; hạn chế các nguyên nhân, điều kiện phát sinh tội phạm.

- Cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật được đầu tư, thu hút được nhiều nhà đầu tư lớn, tạo nhiều cơ hội việc làm, tăng cường khả năng huy động nguồn nhân lực dự bị, động viên, dân quân tự vệ trên cơ sở tăng số lượng dân cư; đời sống nhân dân sẽ được nâng cao, nhận thức của người dân về quốc phòng, an ninh được tốt hơn; chính quyền, địa phương sẽ làm tốt hơn công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho người dân, đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm, góp phần bảo đảm an ninh, trật tự tại địa phương.

## **2. Tác động tiêu cực**

- Quảng Ninh đang và sẽ là điểm đến hấp dẫn của người lao động từ khắp các địa phương trong cả nước và khu vực về làm ăn, sinh sống, đây cũng là nơi mà các đối tượng phạm pháp dễ dàng hoạt động nên dễ phát sinh các tệ nạn xã hội, tác động đến việc bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn; các ngành dịch vụ, kinh doanh có điều kiện phát triển tiềm ẩn nhiều vấn đề phức tạp, dẫn đến nguy cơ về trật tự an toàn xã hội.

- Tên của ĐVHC thay đổi nền thông tin cư trú trên cơ sở dữ liệu quốc gia phải cập nhật lại; đồng thời sẽ phát sinh thủ tục cấp đổi căn cước công dân, dự kiến sẽ tác động gây áp lực đến công việc của cán bộ thực hiện và cho cả người dân.

- Việc đầu tư xây dựng các công trình, dự án trọng điểm sẽ dẫn đến tình hình trật tự an toàn giao thông phức tạp, đòi hỏi phải quản lý thống nhất, đồng bộ, bảo đảm các điều kiện tạo sự công bằng trong đầu tư, xây dựng.

## **3. Giải pháp**

- Công an thành phố sẽ chủ động tham mưu Lãnh đạo Bộ Công an, Thường trực Thành ủy, UBND thành phố chỉ đạo các giải pháp quản lý nhà nước về an ninh, trật tự; tiếp tục củng cố, kiện toàn, bố trí lực lượng, nâng cao chất lượng các mặt công tác công an để chủ động trong công tác bảo đảm an ninh, trật tự tại địa bàn.

- Xác định rõ quan điểm: trong bất kỳ tình huống nào cũng phải bảo đảm vững chắc an ninh quốc gia, góp phần giữ vững ổn định chính trị, xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an ninh, an toàn, lành mạnh phục vụ có hiệu quả nhiệm vụ phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội và hội nhập của đất nước và địa phương. “Phát triển để ổn định bền vững”, gắn kết chặt chẽ giữa nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.

- Chủ động nắm tình hình, xây dựng và triển khai các giải pháp bảo đảm an ninh kinh tế, thẩm định chặt chẽ các dự án phát triển kinh tế - xã hội, các quy hoạch, đề án, chương trình phát triển kinh tế.

- Triển khai hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước về an ninh, trật tự trên các lĩnh vực, mục tiêu, hoạt động kinh tế trọng điểm. Chủ động phát hiện ngăn chặn, đấu tranh với các hoạt động tình báo kinh tế, các hoạt động lợi dụng hợp tác đầu tư để lũng đoạn kinh tế, thông qua kinh tế để chuyển hóa chính trị.

- Chủ động phát hiện sơ hở, thiếu sót để tham mưu, kiến nghị giải pháp, đổi

sách bảo vệ an ninh chính trị nội bộ, phòng chống nội gián, bảo vệ bí mật nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội; có đối sách với các đối tượng tác động quá trình hoạch định chính sách, thu thập bí mật nhà nước trên lĩnh vực kinh tế.

- Chủ động tham mưu phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn dân tham gia phòng ngừa và đấu tranh trấn áp tội phạm phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Tăng cường đấu tranh với tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, nhất là các hành vi vi phạm, tội phạm lợi dụng chính sách phát triển kinh tế - xã hội để trục lợi.

- Chỉ đạo triển khai thực hiện hiệu quả Chiến lược quốc gia bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ giai đoạn 2021 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2045. Nâng cao hiệu quả công tác tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm trật tự, an toàn giao thông; mở các đợt cao điểm bảo đảm trật tự, an toàn giao thông. Triển khai đồng bộ, quyết liệt các biện pháp, giải pháp, chủ động lực lượng, phương tiện, phương án và các điều kiện để ứng phó kịp thời khi có sự cố cháy, nổ, tai nạn, hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại về người và tài sản.

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án 06 của Chính phủ. Phát huy, khai thác hiệu quả Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ công tác công an và thực hiện dịch vụ công tại cơ sở. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, cải cách thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục trách nhiệm và nghĩa vụ của người dân trong công tác quốc phòng, an ninh; làm cho mọi người dân có đủ kiến thức quốc phòng, an ninh và hiểu rõ những thách thức tác động trực tiếp đến nhiệm vụ bảo vệ quốc phòng, an ninh trong điều kiện mới.

## **C. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ QUẢNG NINH SAU KHI ĐƯỢC THÀNH LẬP**

### **I- QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ QUẢNG NINH**

#### **1. Quan điểm tổng quan**

a) Phát triển thành phố Quảng Ninh theo mô hình thông minh phải tuân thủ và phù hợp với định hướng, tầm nhìn phát triển đất nước, tinh thần Nghị quyết Đại hội lần thứ XIV của Đảng, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030 của cả nước; các quy hoạch quốc gia, quy hoạch ngành cấp quốc gia và quy hoạch cấp vùng.

b) Chủ động, kiến tạo và tiếp tục đổi mới toàn diện, mạnh mẽ tư duy phát triển bền vững, tăng trưởng xanh, bao trùm đồng bộ về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, môi trường sinh thái, bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh và chủ quyền biên giới quốc gia. Phát huy tối đa, hiệu quả các tiềm năng, lợi thế riêng có, khác biệt, nguồn lực của tỉnh; huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực theo phương châm nội lực là căn bản, ngoại lực là quan trọng, kết hợp chặt chẽ nội lực với ngoại lực tạo ra nguồn lực tổng hợp tối ưu, lấy “đầu tư công làm vốn môi, dẫn dắt, kích hoạt đầu tư ngoài xã hội”; khai thác, sử dụng hiệu quả và bền vững tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường và chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng; tận dụng tối đa lợi thế cạnh tranh mang lại nhờ hệ thống kết cấu

hạ tầng động lực về kinh tế - xã hội ngày càng hoàn thiện, đồng bộ, hiện đại, hội nhập sâu rộng, phát triển kinh tế tổng hợp, toàn diện, hiện đại với độ mở cao. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng xanh, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế trên nền tảng nguồn nhân lực chất lượng cao, yếu tố đổi mới sáng tạo, ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ, tham gia sâu rộng vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu.

c) Tiếp tục chuyển đổi phương thức phát triển từ “nâu” sang “xanh” theo hướng bền vững dựa vào ba trụ cột: thiên nhiên, con người, văn hóa kết hợp với tận dụng xu thế hòa bình, hợp tác, hội nhập, cơ hội mới và công nghệ mới của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 mang lại và tham gia sâu rộng, có hiệu quả vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu. Phát huy tối đa nhân tố con người, coi con người là trung tâm, chủ thể, nguồn lực quan trọng nhất và mục tiêu của sự phát triển; khơi dậy và phát huy mạnh mẽ giá trị văn hóa, con người Quảng Ninh, truyền thống cách mạng, văn hóa, sự năng động và khát vọng đổi mới, sáng tạo, ý chí tự lực, tự cường, vượt lên mạnh mẽ và bền vững của nhân dân các dân tộc Quảng Ninh. Lấy đầu tư, phát triển giáo dục và đào tạo là nền tảng cho sự phát triển bền vững, lâu dài; tạo chuyển biến căn bản trong đào tạo, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với tăng quy mô và chất lượng dân số để tăng năng suất lao động, chuyển dịch mô hình tăng trưởng theo chiều sâu.

d) Kiên trì thực hiện mô hình tổ chức không gian phát triển “một tâm, hai tuyến đa chiều, hai mũi đột phá, ba vùng động lực”, kiến tạo các hành lang giao thông gắn với các hành lang kinh tế, hành lang đô thị, hướng tới xây dựng thành thành phố trực thuộc Trung ương và thúc đẩy liên kết nội vùng, liên kết vùng, phân công và hợp tác lãnh thổ, bảo đảm các tiềm năng, thế mạnh, lợi thế so sánh, lợi thế cạnh tranh từng địa phương, trong tam giác động lực phía Bắc, Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, Vùng đồng bằng sông Hồng được phát huy tối đa, bổ sung cho nhau, cùng phát triển bền vững.

đ) Phát triển đô thị thông minh phải lấy người dân làm trung tâm. Các hoạt động phát triển đô thị thông minh hướng tới mục tiêu cải thiện chất lượng sống, tối ưu hóa các dịch vụ, tiện ích phục vụ người dân; tạo điều kiện cho người dân tham gia trong quá trình quản lý, vận hành, giám sát phát triển đô thị thông minh. Hạ tầng và dịch vụ số của đô thị thông minh phải chú trọng yêu cầu về công bằng số và giảm thiểu khoảng cách số. Ứng dụng các công nghệ hiện đại, phù hợp với xu hướng phát triển cách mạng công nghiệp lần thứ tư như Internet vạn vật (IoT), điện toán đám mây, phân tích dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo (AI), chuỗi khối (blockchain) đồng bộ, đảm bảo tính trung lập về công nghệ; có khả năng mở rộng, liên thông, tương thích với nhiều nền tảng, đảm bảo khả năng tương tác hoạt động đồng bộ của đô thị thông minh cũng như giữa các đô thị thông minh; đảm bảo sự đồng bộ giữa các giải pháp công nghệ và phi công nghệ. Đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng và bảo vệ thông tin riêng tư của tổ chức, người dân; bảo vệ chủ quyền quốc gia trên không gian mạng. Phát triển và vận hành đô thị thông minh trên cơ sở dữ liệu đô thị là tài nguyên cốt lõi. Dữ liệu đô thị thông minh phải được quản lý theo một vòng đời hoàn chỉnh, bảo đảm kết nối, chia sẻ, an toàn và được sử dụng làm cơ sở cho việc ra quyết định.

e) Bảo đảm vững chắc quốc phòng - an ninh; giữ vững ổn định chính trị, trật

tự, an toàn xã hội, chủ quyền biên giới quốc gia; mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế. Xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển. Xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an ninh, an toàn, văn minh.

## 2. Quan điểm chiến lược

a) *Phát triển nhanh gắn với đảm bảo chất lượng và bền vững*: Quan điểm xuyên suốt là không theo đuổi tăng trưởng bằng mọi giá. Mục tiêu tăng trưởng cao của Quảng Ninh cần được đặt trong tổng thể yêu cầu phát triển bền vững, chuyển đổi xanh, bảo vệ môi trường, sử dụng hiệu quả tài nguyên và nâng cao đời sống nhân dân dựa trên các động lực mới như khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và kinh tế tuần hoàn. Mô hình tăng trưởng mới của Quảng Ninh phải tạo được đồng thời ba kết quả: (i) tăng nhanh quy mô GRDP và thu ngân sách; (ii) nâng cao chất lượng tăng trưởng, nhất là năng suất, TFP, giá trị gia tăng và độ mở chuỗi giá trị; (iii) giảm thiểu các chi phí môi trường, xã hội và phát triển không cân bằng.

b) *Lấy khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chủ đạo* để nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành và mở ra các không gian phát triển mới cho nền kinh tế, đặc biệt trong các ngành, lĩnh vực như du lịch, logistics, thương mại điện tử và dịch vụ thông minh. Khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phải được coi là trụ cột tư tưởng chủ đạo của mô hình tăng trưởng mới của Quảng Ninh.

c) *Lấy khu vực tư nhân và FDI thế hệ mới làm lực lượng kiến tạo tăng trưởng*: Mô hình tăng trưởng mới cần chuyển từ tư duy “nhà nước làm chính, doanh nghiệp tham gia” sang “Nhà nước kiến tạo-doanh nghiệp dẫn dắt- thị trường phân bổ-công nghệ nâng cấp”. Cần coi phát triển kinh tế tư nhân trở thành động lực hàng đầu thúc đẩy tăng trưởng, ĐMST và chuyển đổi số; ưu tiên thu hút các doanh nghiệp lớn, các dự án FDI công nghệ cao, công nghệ mới, công nghệ sạch, quản trị hiện đại, quy mô lớn, có sức lan tỏa cao nhằm tạo sự bứt phá cho tăng trưởng kinh tế trong giai đoạn mới.

d) *Phát triển kinh tế dựa trên khai thác và tận dụng tối đa các lợi thế so sánh; tổ chức không gian phát triển theo các cực tăng trưởng mở, liên kết vùng và liên thông quốc tế*: Mô hình tăng trưởng mới phải là mô hình mở, dựa trên tính kết nối và tính lan tỏa, không bó hẹp trong ranh giới hành chính tỉnh. Cần định hướng phát triển các trung tâm logistics vùng và liên vùng tại Quảng Yên, Vân Đồn, Móng Cái; phát triển Vân Đồn thành đặc khu kinh tế ven biển đa ngành, có công nghiệp giải trí, casino, du lịch cao cấp, dịch vụ tổng hợp, logistics và là cửa ngõ giao thương quốc tế; phát triển Móng Cái gắn với cửa khẩu thông minh và khu hợp tác kinh tế qua biên giới với Đông Hưng; phát triển Quảng Yên thành hạt nhân tăng trưởng mới của tuyến phía Tây của tỉnh và của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ.

đ) *Lấy con người, chất lượng sống và chất lượng quản trị làm nền tảng của sự phát triển*: Cần coi phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao là điều kiện tiên quyết để thực hiện thành công mô hình tăng trưởng mới. Cần đổi mới tư duy phát triển theo hướng mô hình tăng trưởng mới không thể chỉ dựa trên phát triển hạ tầng và vốn đầu tư mà cần tập trung nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo; phát triển

đội ngũ lao động kỹ thuật cao; thu hút và trọng dụng nhân tài; nâng cao năng lực quản trị của đội ngũ cán bộ, công chức và doanh nhân.

## II- MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

### 1. Mục tiêu đến năm 2030

a) Mục tiêu tổng quát: Xây dựng, phát triển Quảng Ninh là một thành phố tiêu biểu của cả nước về mọi mặt; thành phố kiểu mẫu giàu đẹp, văn minh, hiện đại, nâng cao đời sống mọi mặt của Nhân dân; cực tăng trưởng kinh tế số, du lịch thông minh, trung tâm đổi mới sáng tạo của vùng Đông Bắc; một trong những trung tâm phát triển năng động, toàn diện; Lấy người dân làm trung tâm, gắn liền chuyên đổi số và phát triển bền vững đô thị phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế; hướng tới mô hình quản trị hiện đại dựa trên dữ liệu, cung cấp dịch vụ công toàn trình, dễ tiếp cận và phục vụ người dân 24/7, đồng thời triển khai rộng rãi các hệ thống giao thông, môi trường, an ninh và hạ tầng kỹ thuật thông minh. Phát triển đô thị thông minh tỉnh Quảng Ninh theo hướng mở, liên thông và dẫn dắt; bảo đảm kết nối hạ tầng số, chia sẻ dữ liệu đô thị và phối hợp điều hành với các tỉnh trong khu vực nhằm tối ưu giao thông, môi trường, logistics, cảnh báo thiên tai và dịch vụ công liên tỉnh. Tập trung xây dựng nền tảng dữ liệu đô thị thống nhất, hình thành kiến trúc số và các nền tảng dùng chung (LGSP, định danh số, thanh toán số), bảo đảm sự liên thông, đồng bộ từ tỉnh đến các sở ngành và các xã/phường/đặc khu; trung tâm du lịch quốc tế, trung tâm kinh tế biển, cửa ngõ của vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ và cả nước; đô thị phát triển bền vững theo mô hình tăng trưởng xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng; là khu vực phòng thủ thành phố vững chắc về quốc phòng - an ninh và phòng tuyến hợp tác, cạnh tranh kinh tế quốc tế.

#### b) Mục tiêu cụ thể

- Về kinh tế: (1) Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân giai đoạn 2026 - 2030 đạt trên 12%/năm. (2) Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo đến năm 2030 đạt trên 18%. (3) GRDP bình quân đầu người đạt trên 20.000 USD. (4) Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP đạt 30%. (5) Đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế đạt trên 55%. (6) Phấn đấu thành lập mới đạt 2.000 doanh nghiệp/năm. (7) Đóng góp của kinh tế tư nhân trong GRDP trên 40-45%. (8) Tốc độ tăng tổng vốn đầu tư toàn xã hội bình quân đạt trên 12%/năm. (9) Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân đạt trên 12%/năm. (10) Tỷ lệ đô thị hóa đạt trên 75% và nâng cao chất lượng đô thị.

- Về xã hội: (11) Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo đạt trên 90%, trong đó đã qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 48%. (12) Tỷ lệ thất nghiệp (bao gồm tỷ lệ thất nghiệp thành thị và tỷ lệ thất nghiệp nông thôn) dưới 2%. (13) Đạt 68 giường bệnh/1 vạn dân (gồm 65 giường công lập/1 vạn dân và 3 giường tư nhân/1 vạn dân); 19 bác sĩ/1 vạn dân; 8 dược sĩ đại học/1 vạn dân; 33 điều dưỡng/1 vạn dân; tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 100%. (14) Phấn đấu chỉ số phát triển con người (HDI) của tỉnh ở nhóm 5 tỉnh, thành phố đứng đầu cả nước; tuổi thọ trung bình người dân trên 76 tuổi. (15) Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đạt trên 95%. (16) Toàn tỉnh không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia.

- Về môi trường: (17) Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đạt trên 99%; tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn đạt trên 85%. (18) Tỷ lệ thu gom và xử lý rác thải rắn sinh hoạt đô thị và các xã đảo, các xã có hoạt động du lịch, dịch vụ bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt 100% và tại các khu vực nông thôn đạt 90%. Tỷ lệ thu gom, xử lý nước thải tại các khu đô thị tập trung đạt 100%. (19) Tỷ lệ khu công nghiệp, cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn xả thải ra môi trường đạt 100%. (20) Tỷ lệ che phủ rừng đạt trên 50% và nâng cao chất lượng rừng.

- Về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội: Bảo đảm vững chắc quốc phòng - an ninh; giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội, chủ quyền biên giới quốc gia; mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế. Xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển. Xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an ninh, an toàn, văn minh. Xây dựng Quảng Ninh trở thành khu vực phòng thủ cấp tỉnh vững chắc về quốc phòng - an ninh và phòng tuyến hợp tác, cạnh tranh kinh tế quốc tế.

- Đến năm 2030, thành phố hình thành hệ thống quy hoạch đô thị số đồng bộ, minh bạch, tích hợp, làm nền tảng cho phát triển đô thị bền vững. Hoàn thành đô thị thông minh mức độ 2, phấn đấu đạt các tiêu chí trường thành mức độ 3.

- 100% quy hoạch chung, phân khu, chi tiết được số hóa 3D, tích hợp lên hệ thống GIS thống nhất. Công khai quy hoạch trên nền tảng số phục vụ người dân, nhà đầu tư, doanh nghiệp. Các dự án đầu tư công, phát triển hạ tầng đô thị, phát triển nhà ở, giao thông đều liên kết trực tiếp với cơ sở dữ liệu quy hoạch. Hình thành bản đồ số đa lớp (Urban Layering) phục vụ dự báo ngập, giao thông, phát triển dân cư và hạ tầng. Quy hoạch đô thị gắn với tiêu chí xanh, thích ứng khí hậu, năng lượng thông minh.

- Cung cấp đầy đủ các dịch vụ đô thị thông minh trong các lĩnh vực thiết yếu, lấy người dân làm trung tâm: tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến toàn trình lên 100%; tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện không phụ thuộc địa giới hành chính lên 100%.

- Hoàn thành kho dữ liệu dùng chung tích hợp của các sở, ngành: tất cả cơ sở dữ liệu ngành được chuẩn hóa theo Khung Kiến trúc Dữ liệu Quốc gia (Quyết định số 2439/QĐ-TTg). Triển khai nền tảng phân tích, dự báo AI cho các lĩnh vực then chốt. Nâng cấp hạ tầng 5G/6G, cloud, IoT phục vụ đô thị thông minh. 100% nền tảng số tích hợp định danh điện tử, bảo đảm xác thực, an toàn dữ liệu cá nhân.

## **2. Tầm nhìn phát triển đến năm 2050**

Quảng Ninh là đô thị dịch vụ, công nghiệp hiện đại, vùng đô thị lớn mang tầm khu vực và quốc tế, là một trong những đầu tàu thúc đẩy phát triển kinh tế quốc gia với động lực tăng trưởng chính là dịch vụ, du lịch, đổi mới sáng tạo, có cơ sở kinh tế vững chắc, sức cạnh tranh cao; người dân có mức thu nhập tương đương các nước phát triển; phát triển kinh tế hài hòa giữa các khu vực đô thị và nông thôn; đảm bảo vững chắc quốc phòng - an ninh.

### 3. Định vị thành phố Quảng Ninh trong khuôn khổ tổng thể phát triển quốc gia và khu vực Bắc bộ

a) Quảng Ninh là thành phố có vị trí địa, chính trị, kinh tế chiến lược trong các hành lang phát triển kinh tế của quốc gia và khu vực: Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh và Nam Ninh - Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh và vành đai kinh tế Vịnh Bắc Bộ.

b) Thành phố Quảng Ninh là trung tâm logistics, cửa ngõ trung chuyển vận tải đa phương thức kết nối với Trung Quốc, Đông Bắc Á và ASEAN; là một trung tâm kinh tế biển của phía Bắc.

c) Thành phố Quảng Ninh là đầu tàu du lịch quốc gia, trung tâm du lịch quốc tế gắn với - Di sản - Kỳ quan thiên nhiên thế giới Vịnh Hạ Long - Quần đảo Cát Bà; Quần thể di tích và danh thắng Yên Tử, Vĩnh Nghiêm, Côn Sơn - Kiếp Bạc; quần thể di tích thương cảng cổ Vân Đồn... và các dịch vụ du lịch biển đảo đẳng cấp thế giới.

d) Thành phố Quảng Ninh là một trong những Trung tâm năng lượng sạch và năng lượng tái tạo của quốc gia và khu vực phía Bắc.

đ) Thành phố Quảng Ninh là Trung tâm giáo dục đào tạo thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, chuyên giao ứng dụng khoa học công nghệ.

e) Thành phố Quảng Ninh là Trung tâm thể thao, trung tâm văn hóa nghệ thuật cấp vùng.

### 4. Mô hình tăng trưởng

Mô hình tăng trưởng mới của thành phố Quảng Ninh giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 dựa trên “**3 cực - 4 chuyên đổi - 5 động lực**”, trong đó:

a) *Ba cực không gian tăng trưởng*: Tổ chức lại không gian tăng trưởng thành phố Quảng Ninh theo ba cực động lực nhằm tạo thế đa trụ - lan tỏa - hỗ trợ lẫn nhau, tạo thành tam giác “Sản xuất - Dịch vụ - Thương mại quốc tế”, giúp Quảng Ninh tăng trưởng đa động lực, không phụ thuộc đơn ngành, bao gồm: (1) Vân Đồn - Cực kinh tế biển và dịch vụ cao cấp; (2) Móng Cái - Cực thương mại biên giới, đô thị kinh tế cửa khẩu và hội nhập quốc tế; (3) Quảng Yên - Cực công nghiệp và logistics.

b) *Bốn chuyên đổi nền tảng*: Bao gồm: (1) chuyên dịch cơ cấu các ngành và lĩnh vực; (2) chuyên đổi về khoa học công nghệ; (3) chuyên đổi về không gian phát triển theo hướng phát triển các cực tăng trưởng và tăng cường liên kết, lan tỏa; (4) chuyên đổi về thể chế, quản trị địa phương theo hướng hiện đại.

c) *Năm động lực chủ đạo*: Bao gồm: (1) Động lực thể chế - cơ chế đặc thù: Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, rút ngắn quy trình; Thí điểm sandbox cho mô hình mới (kinh tế số, kinh tế tầm thấp, logistics mới,...); Cơ chế linh hoạt cho đất đai, đầu tư, tài chính địa phương. Việc bổ sung, hoàn thiện các thể chế này giúp giảm chi phí trung gian và tăng tốc đầu tư. (2) Động lực hạ tầng chiến lược: Tập trung vào hạ tầng đường sắt, cao tốc, cảng biển, sân bay, hạ tầng số, năng lượng, logistics. Đầu tư vào các hạ tầng này sẽ giúp kích hoạt các hoạt động đầu tư tư nhân vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh. (3) Động lực huy động và dẫn dắt nguồn lực: Đầu tư công có vai trò dẫn dắt - kích hoạt đầu tư tư nhân, vì vậy, cần cơ chế để tăng nguồn đầu tư công

thông thông qua các cơ chế và tỷ lệ phân bổ nguồn thu trên địa bàn giữa Trung ương và tỉnh; khai thác tài sản công, quỹ phát triển. (4) Động lực đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số: Lấy khoa học công nghệ - dữ liệu - AI làm công cụ nâng cấp toàn bộ nền kinh tế. Gắn chỉ tiêu chuyển đổi số với từng ngành như chế biến chế tạo, du lịch, logistics. Điều này sẽ giúp làm tăng năng suất và chuyển đổi mô hình sang dựa nhiều hơn vào công nghệ để đạt được mục tiêu tăng trưởng cao nhưng không hoàn toàn dựa vào các đầu vào truyền thống. (5) Động lực tổ chức không gian và hệ sinh thái phát triển: Tổ chức lại theo: cực - hành lang - vùng từ đó phát triển hệ sinh thái: công nghiệp - logistics - đô thị - dịch vụ gắn với không gian ven biển, cửa khẩu, làm nền tảng phát triển kinh tế biển và kinh tế ban đêm. Tận dụng các hành lang, liên kết với các địa khác trong và ngoài vùng (Hà Nội - Hải Phòng - Trung Quốc) sẽ giúp tạo “hiệu ứng cộng hưởng” thay vì phát triển rời rạc.

### III. CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ KHÂU ĐỘT PHÁ

**Một là**, đẩy mạnh thực hiện ba đột phá chiến lược: Đẩy nhanh tốc độ phát triển và hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại bảo đảm liên thông, tổng thể, trọng tâm ưu tiên là phát triển hạ tầng giao thông chiến lược, công nghệ thông tin, viễn thông, cảng biển và dịch vụ cảng biển, hạ tầng logistics, hạ tầng các khu công nghiệp, khu kinh tế, hạ tầng đô thị. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và lao động có kỹ năng gắn với nhanh chóng tăng quy mô và nâng cao chất lượng dân số đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững của Thành phố; gắn chặt với nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị. Nâng cao chất lượng cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, hiệu lực, hiệu quả thực thi thể chế, chính sách, pháp luật.

**Hai là**, phát triển bền vững kinh tế biển, xây dựng thành phố Quảng Ninh trở thành một trong những trung tâm kinh tế biển, là cửa ngõ trung chuyển của khu vực Đông Nam Á, một động lực phát triển của Vùng và cả nước với hệ thống cảng biển nước sâu đồng bộ, hiện đại gắn với phát triển kinh tế chuỗi khu kinh tế, khu công nghiệp, đô thị biển - ven biển dạng dải. Chuyển đổi số toàn diện, đồng bộ, liên thông, tổng thể, trọng tâm là phát triển mạnh kinh tế số tạo nền tảng thúc đẩy phát triển và tạo ra các giá trị tăng trưởng mới trong các ngành, lĩnh vực kinh tế - xã hội của thành phố.

**Ba là**, phát huy vai trò quan trọng, có tính động lực, tiềm năng khác biệt, lợi thế cạnh tranh, cơ hội nổi trội của các khu kinh tế Quảng Yên, Vân Đồn, Móng Cái đối với phát triển kinh tế - xã hội của thành phố, của vùng. Phát triển các khu công nghiệp có năng lực cạnh tranh quốc gia và quốc tế, với sự hoàn chỉnh, đồng bộ, hiện đại cơ sở hạ tầng, dịch vụ sản xuất và dịch vụ xã hội, tạo được cơ hội trong huy động vốn và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, tạo đột phá phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo; nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác, thu hút và quản lý dự án đầu tư nước ngoài có chọn lọc, đan xen lợi ích trên địa bàn. Đẩy nhanh tăng trưởng công nghiệp chế biến, chế tạo và công nghiệp sản xuất điện từ nguồn năng lượng xanh hơn như LNG, năng lượng tái tạo; ưu tiên thu hút các dự án có công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ cao, công nghệ sạch, quản trị hiện đại, có giá trị gia tăng cao, tác động lan tỏa, kết nối chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu, có khả năng dẫn dắt, hình thành hệ sinh thái ngành kinh tế trọng điểm; phát triển hạ tầng công nghiệp với các

loại hình công nghiệp sinh thái, công nghệ cao hướng đến mục tiêu phát triển kinh tế bền vững, tuần hoàn, giảm thiểu tác động môi trường; khuyến khích phát triển công nghiệp xanh, công nghiệp ít phát thải, áp dụng các mô hình sản xuất sạch hơn, sử dụng hiệu quả tài nguyên và năng lượng.

**Bốn là,** đẩy nhanh tốc độ công nghiệp hóa - hiện đại hóa - đô thị hóa, phát triển hệ thống đô thị hiện đại, thông minh, giàu bản sắc và bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu với quy mô lớn, có sức cạnh tranh cao về kinh tế để nâng cao chất lượng sống của người dân; đô thị hóa gắn với xây dựng nông thôn hiện đại, kết hợp chặt chẽ giữa công nghiệp, dịch vụ và nông nghiệp để thu hẹp nhanh khoảng cách giàu nghèo và chênh lệch vùng, miền.

**Năm là,** xây dựng hệ sinh thái dân sinh hấp dẫn với chính sách khuyến khích và hỗ trợ vượt trội, môi trường sống tốt, các dịch vụ công có chất lượng cao để thu hút và giữ chân nhân tài, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, chuyển dịch cơ cấu lao động việc làm.

**Sáu là,** xây dựng Đảng bộ và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, toàn diện, xây dựng đội ngũ cán bộ đủ đức, đủ tài đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ khi Quảng Ninh là thành phố trực thuộc Trung ương.

## IV. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGÀNH, LĨNH VỰC

### 1. Định hướng chiến lược

Xác lập mô hình tăng trưởng mới của thành phố Quảng Ninh dựa trên hai nhóm định hướng trọng tâm:

#### 1.1. Làm mới các động lực tăng trưởng truyền thống

*a) Khu vực công nghiệp - xây dựng:* tập trung vào các ngành công nghiệp chế biến chế tạo, sản xuất và phân phối điện, xây dựng. Tiếp tục cơ cấu lại sản lượng, theo đó đẩy mạnh tăng trưởng sản xuất điện tái tạo, điện sạch<sup>4</sup> đối với các ngành khai thác than, sản xuất nhiệt điện; tích cực triển khai một số dự án có vốn đầu tư lớn đi vào sản xuất kinh doanh<sup>5</sup>. Phát triển mạnh các ngành bán dẫn, ô tô, thiết bị, năng lượng tái tạo, công nghiệp đường sắt, đồng thời thúc đẩy các khu công nghiệp số, khu công nghiệp công nghệ cao, khu công nghiệp xanh, khu công nghiệp sinh thái. Duy trì vai trò trung tâm năng lượng quốc gia nhưng theo hướng chuyên đổi năng lượng bền vững, phát triển điện LNG, điện gió, điện sinh khối, điện mặt trời

<sup>4</sup> Dự kiến có thêm các nhà máy mới đi vào hoạt động, đóng góp tổng công suất 2.662 MW vào hệ thống, với tổng mức đầu tư ước tính khoảng 93.350 tỷ đồng (gồm: LNG 1.500 MW; Điện gió 670 MW; Điện mặt trời 390 MW; Điện rác 30 MW; Điện sinh khối 40 MW; Thủy điện 32 MW). Sản lượng điện thương phẩm dự kiến đạt 11,781 tỷ kWh (khi vận hành đủ công suất).

<sup>5</sup> (1) Dự án đầu tư Nhà máy Nhuộm Tân Khải Thịnh (Việt Nam) tại KCN Texhong do Công ty TNHH Công nghệ Dệt may Tân Khải Thịnh (Việt Nam) là tổ chức thực hiện dự án (Vốn đầu tư 130 triệu USD); (2) Dự án Sản xuất sản phẩm khóa chốt và dập định hình Boltun Việt Nam tại KCN Bắc Tiên Phong do Công ty TNHH Quốc tế Boltun là tổ chức thực hiện dự án (Vốn đầu tư 165 triệu USD); (3) Dự án hệ thống thông minh tại KCN Bắc Tiên Phong do Công ty TNHH Năng lượng & Linh kiện EV Foxconn (Việt Nam) là tổ chức thực hiện dự án (Vốn đầu tư 287 triệu USD); (4) Dự án Nhà máy FECV Foxconn Quảng Ninh tại KCN Sông Khoai do Công ty TNHH Năng lượng & Linh kiện EV Foxconn (Việt Nam) là tổ chức thực hiện dự án (Vốn đầu tư 200 triệu USD); (5) Dự án Nhà máy Lite-On Quảng Ninh tại KCN Sông Khoai do Công ty TNHH Lite-On Technology Việt Nam là tổ chức thực hiện dự án (Vốn đầu tư 690 triệu USD); (6) Dự án sản phẩm giải trí thông minh tại KCN Sông Khoai do Công ty TNHH Năng lượng & Linh kiện EV Foxconn (Việt Nam) là tổ chức thực hiện dự án (Vốn đầu tư 263 triệu USD).

và hạ tầng truyền tải đáp ứng yêu cầu tăng trưởng cao. Với ngành xây dựng: đẩy mạnh thực hiện các dự án hiện đang triển khai, khởi công và đi vào hoàn thành trong giai đoạn 2026 - 2030<sup>6</sup>.

*b) Khu vực dịch vụ:* (1) Dịch vụ vận tải, kho bãi: triển khai dự án hạ tầng kinh tế (hạ tầng cảng biển, hạ tầng giao thông đường bộ, đường sắt,...)<sup>7</sup> thúc đẩy hoạt động vận tải hành khách và hàng hóa; (2) Dịch vụ tiêu dùng: triển khai khu hợp tác qua biên giới, khu kinh tế cửa khẩu, khu thương mại tự do. Trung tâm thương mại AEON đi vào hoạt động; (3) Dịch vụ lưu trú ăn uống; nghệ thuật, vui chơi, giải trí và các dịch vụ khác: Triển khai các Đề án trọng tâm trong lĩnh vực du lịch, văn hóa: Đề án phát triển kinh tế di sản, kinh tế đêm; Đề án bảo vệ, khai thác, phát huy giá trị di sản thế giới Vịnh Hạ Long - Yên Tử, gắn kết với Vịnh Bái Tử Long; thu hút đầu tư phát triển các sản phẩm, dự án du lịch di sản, du lịch chất lượng cao thu hút du khách<sup>8</sup>. Phấn đấu đưa Quảng Ninh trở thành ngành công nghiệp văn hóa - trải nghiệm - nghỉ dưỡng- giải trí cao cấp, có giá trị gia tăng lớn hơn thông qua nâng cấp chất lượng sản phẩm và cấu trúc giá trị. Phát triển du lịch khu vực Vân Đồn, tập trung vào du lịch cao cấp, dịch vụ tổng hợp, công nghiệp giải trí; các cảng tàu, du lịch và tuyến du lịch biển;

*c) Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản:* bảo đảm ngành trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, khai thác thủy sản sẽ duy trì ổn định trong giai đoạn 2026 - 2030. Nuôi trồng thủy sản sẽ là động lực chính, với sự đổi mới: (1) Chuyển dịch cơ cấu sản xuất nuôi trồng thủy sản theo hướng tăng tỷ trọng nuôi biển, mở rộng diện tích nuôi biển<sup>9</sup> và cơ cấu lại diện tích nuôi nội địa. (2) Nâng cao năng suất đối với các đối tượng nuôi chủ lực thông qua ứng dụng tiến bộ kỹ thuật<sup>10</sup>.

*d) Đối với ngành năng lượng:* Duy trì vai trò trung tâm năng lượng quốc gia nhưng theo hướng chuyển đổi năng lượng bền vững, phát triển điện LNG, điện gió, điện sinh khối, điện mặt trời và hạ tầng truyền tải đáp ứng yêu cầu tăng trưởng cao. Duy trì hợp lý sản lượng và vai trò của nhiệt điện than trong ngắn hạn nhằm bảo đảm ổn định hệ thống điện và kinh tế địa phương; từng bước giảm phụ thuộc tương đối vào nhiên liệu hóa thạch, tăng nhanh tỷ trọng các nguồn năng lượng mới như LNG, điện gió, điện mặt trời, điện sinh khối và điện rác; đẩy mạnh nghiên cứu và triển khai các dạng năng lượng mới như hydrogen xanh, amoniac xanh, tạo nền tảng cho chuỗi giá trị năng lượng sạch trong dài hạn.

Ngoài định hướng làm mới các động lực tăng trưởng truyền thống theo các

<sup>6</sup> Tuyến đường sắt Hải Phòng - Hạ Long - Móng Cái và các tuyến nhánh kết nối đến cảng biển Con Ong - Hòn Nét, cảng biển Hải Hà; Tuyến đường sắt tốc độ cao Hà Nội - Quảng Ninh; Dự án Hạ Long Xanh...

<sup>7</sup> Đường bộ: Dự án Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 4B đoạn trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh; xây dựng cầu Cửa Lục 2; Các tuyến đường sắt: ((i1) Tuyến đường sắt Hải Phòng - Hạ Long - Móng Cái và các tuyến nhánh kết nối đến cảng biển Con Ong - Hòn Nét, cảng biển Hải Hà, (i2) Tuyến đường sắt cao tốc Hà Nội - Quảng Ninh.; cảng biển Vạn Ninh, Nam Tiên Phong, Bắc Tiên Phong, Đàm Nhà Mạc; thu hút đầu tư cảng Con Ong - Hòn Nét...

<sup>8</sup> Dự kiến tăng trưởng giai đoạn 2026 -2030: Tăng trưởng khách du lịch đạt 4,5%; trong đó khách quốc tế đạt 18,3%. Doanh thu du lịch tăng 35,8%.

<sup>9</sup> Diện tích dự kiến tăng từ 11.133 ha năm 2025 lên 22.360 ha năm 2030; Sản lượng nuôi biển dự kiến tăng từ 60.303 tấn năm 2025 lên 190.737 tấn năm 2030.

<sup>10</sup> Hiện đang đẩy nhanh tiến độ triển khai Đề án nuôi trồng thủy sản trên biển tập trung theo hướng công nghiệp, hiện đại trong vùng lộng và vùng khơi trên khu vực biển tỉnh Quảng Ninh, làm cơ sở để thu hút đầu tư trong giai đoạn tới.

ngành nêu trên, cần chú ý làm mới các lĩnh vực sau:

- *Nâng cao hiệu quả đầu tư công*: lựa chọn các dự án đầu tư có tác động lan tỏa lớn đối với phát triển kinh tế; ưu tiên đầu tư vào hạ tầng chiến lược, hạ tầng số, các dự án thúc đẩy liên kết vùng; nâng cao chất lượng công tác chuẩn bị và quản lý dự án. Ưu tiên đầu tư cho các không gian phát triển chiến lược như Quảng Yên, Vân Đồn và Móng Cái.

- *Đẩy mạnh thu hút và sử dụng FDI và vốn tư nhân trong nước*: Thu hút đầu tư theo hướng tập trung vào các ngành kinh tế động lực như CNCBCT, logistics, du lịch và kinh tế số, các dự án có khả năng tạo ra tác động lan tỏa lớn đối với nền kinh tế. Thu hút đầu tư vào các khu kinh tế cửa khẩu, đặc biệt là khu cửa khẩu Móng cái

- *Tiếp tục hoàn thiện hạ tầng chiến lược và kết nối đa phương thức*: tập trung vào kết nối đa phương thức, gắn với các cực tăng trưởng và các không gian phát triển mới. Bảo đảm khả năng kết nối hiệu quả giữa Quảng Ninh với Hà Nội, Hải Phòng, vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và các thị trường quốc tế. Chú trọng phát triển hạ tầng năng lượng, hạ tầng số và hạ tầng đô thị hiện đại; cải thiện kết cấu hạ tầng tại các khu cửa khẩu, đặc biệt là cửa khẩu quốc tế Móng Cái; Xây dựng các trung tâm logistics quy mô lớn tại các khu vực trọng điểm như Quảng Yên, Vân Đồn và Móng Cái; phát triển các cảng biển, cảng cạn (ICD) và trung tâm trung chuyển hàng hóa; Phát triển hạ tầng đô thị và hạ tầng xã hội hiện đại tạo điều kiện để Tỉnh trở thành trung tâm phát triển năng động của vùng và sớm trở thành thành phố trực thuộc Trung ương.

## **1.2. Khởi dậy và kiến tạo các động lực tăng trưởng mới**

a) *Thống nhất, đổi mới tư duy, coi thể chế kiến tạo là bước đột phá trong giai đoạn tăng trưởng mới*: Chuyển từ tư duy quản lý sang tư duy đồng hành và kiến tạo phát triển; từ phát triển dựa vào tài nguyên sang dựa vào ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, kinh tế xanh và kinh tế số; từ phát triển theo địa giới hành chính sang phát triển theo không gian kinh tế mở, liên kết vùng và chuỗi giá trị. Xây dựng, thí điểm thể chế vượt trội tại Quảng Ninh. Thí điểm áp dụng thể chế vượt trội cho các cực tăng trưởng chiến lược như Vân Đồn, Quảng Yên, Móng Cái gắn với việc xây dựng các trung tâm đổi mới sáng tạo, khu công nghiệp công nghệ cao, khu công nghiệp số và các cơ chế thử nghiệm chính sách (sandbox) cho các mô hình kinh tế mới; thúc đẩy ứng dụng công nghệ trong quản trị công và quản trị doanh nghiệp

b) *Phát triển khoa học công nghệ, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo và công nghiệp dữ liệu*: Ưu tiên thúc đẩy ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất và dịch vụ đặc biệt các ngành du lịch, chế biến chế tạo, logistics, thương mại xây dựng Chiến lược chuyển đổi số và Chiến lược dữ liệu số tỉnh với trụ cột là đầu tư tạo nền tảng cho chuyển đổi số tại Quảng Ninh; xây dựng hệ sinh thái đổi mới sáng tạo. Đầu tư xây dựng hệ thống dữ liệu; phát triển nền tảng số, quản trị thông minh, sản xuất thông minh và dịch vụ số. Đẩy mạnh việc đưa kinh tế số trở thành “trục ngang” kết nối và nâng cấp tất cả các trụ cột còn lại dựa trên việc phát triển AI, dữ liệu, sản xuất thông minh, thương mại điện tử, công nghệ chiến lược, hạ tầng số, IOC, SOC, trung tâm đổi mới sáng tạo và khu công nghệ số.

c) *Kiến tạo không gian phát triển mới*: Không gian phát triển theo ba cực động lực chủ yếu: Quảng Yên thiên về công nghiệp - cảng biển - R&D; Vân Đồn thiên về kinh tế biển - du lịch cao cấp - logistics - đặc khu; Móng Cái thiên về thương mại biên giới - logistics - hợp tác kinh tế xuyên biên giới.

Thúc đẩy hình thành các khu kinh tế, khu công nghiệp tại các cực tăng trưởng; thành lập Khu kinh tế số và tri thức tự do và triển khai Khu công nghệ số tập trung tại phường Tuần Châu. Kiến nghị Trung ương cơ chế đặc thù, thí điểm thể chế phát triển mới tại các cực tăng trưởng, tập trung vào đặc thù về đầu tư, đất đai, tài chính, tổ chức quản lý với mục tiêu tạo ra các cực tăng trưởng có khả năng lan tỏa đối với toàn bộ nền kinh tế của tỉnh. Hoàn thiện nhanh hạ tầng để chuyển trung tâm hành chính sang địa điểm mới. Rà soát các lớp quy hoạch để đồng bộ, tạo động lực tăng trưởng trong thời gian tới.

Như vậy, mô hình tăng trưởng mới của tỉnh Quảng Ninh dựa **trên 04 chuyển đổi nền tảng**: (1) chuyển dịch cơ cấu các ngành và lĩnh vực; (2) chuyển đổi về khoa học công nghệ; (3) chuyển đổi về không gian phát triển theo hướng phát triển các cực tăng trưởng và tăng cường liên kết, lan tỏa; (4) chuyển đổi về thể chế, quản trị địa phương theo hướng hiện đại.

## 2. Định hướng tổng thể phát triển các ngành kinh tế

Việc xác định các ngành kinh tế quan trọng của thành phố Quảng Ninh được thành lập dựa trên 05 tiêu chí lớn: *Một là*, ngành quan trọng phải có triển vọng phát triển, tiềm năng thị trường hấp dẫn; đồng thời có khả năng đóng vai trò chủ đạo trong phát triển kinh tế - xã hội, thể hiện ở các chỉ số cụ thể như tỷ lệ đóng góp vào GRDP, đóng góp vào thu ngân sách,... của thành phố. *Hai là*, ngành quan trọng phải khai thác, phát huy được các lợi thế sẵn có của thành phố về nguồn lực, điều kiện, hạ tầng; đồng thời hạn chế các nhược điểm, mâu thuẫn phát triển, đảm bảo mô hình phát triển vừa nhanh, vừa bền vững, cân bằng các yếu tố kinh tế, môi trường, xã hội, quốc phòng - an ninh. *Ba là*, ngành quan trọng phải thể hiện được đặc trưng riêng có của thành phố Quảng Ninh, góp phần xây dựng thương hiệu, hình ảnh riêng của thành phố, phù hợp và đặc sắc trong tương quan vùng, quốc gia, khu vực và quốc tế. *Bốn là*, ngành quan trọng phải đồng thời giúp giải quyết các vấn đề về xã hội, có tác động tích cực, bền vững đối với các lĩnh vực liên quan đến con người như an sinh xã hội, việc làm, đời sống dân cư, văn hóa, môi trường... *Năm là*, ngành quan trọng phải phù hợp với định hướng phát triển tổng thể của vùng và cả nước, tránh chòng chéo, xung đột, cạnh tranh bất lợi giữa các địa phương lân cận; đồng thời, phải phù hợp với các xu thế lớn trong tương lai. Trên cơ sở các đánh giá, phân tích kết quả phát triển kinh tế - xã hội của thành phố trong thời gian qua, Quảng Ninh xác định trọng tâm phát triển, quan điểm phát triển, mục tiêu phát triển của các ngành kinh tế giai đoạn đến năm 2030, như sau:

### 2.1. Công nghiệp chế biến, chế tạo

#### a) Mục tiêu phát triển

- Mục tiêu tổng quát: Đến năm 2030, thành phố Quảng Ninh trở thành một trung tâm công nghiệp chế biến chế tạo hàng đầu cả nước với trọng tâm là các ngành

tạo giá trị gia tăng cao với trình độ ứng dụng công nghệ tiên tiến; chế biến, chế tạo sẽ vượt sản xuất điện và khai khoáng để trở thành ngành dẫn đầu lĩnh vực công nghiệp, là một trụ cột chính của nền kinh tế thành phố trong tương lai.

- Mục tiêu cụ thể: Đóng góp 20% vào cơ cấu GRDP của thành phố; VA danh nghĩa hàng năm đạt 188 nghìn tỷ đồng; Tốc độ tăng trưởng VA thực tế hàng năm đạt 18%; Số việc làm tăng thêm bình quân giai đoạn 2026 - 2030 đạt 40 nghìn người.

#### b) Định hướng phát triển

##### - Về định hướng phát triển không gian

Hai khu vực trọng điểm của thành phố Quảng Ninh sẽ dẫn dắt sự tăng trưởng của ngành chế biến, chế tạo, gồm: *Thứ nhất*, phía Tây Nam thành phố Quảng Ninh, cùng với Hải Phòng, sẽ hình thành một đại sinh thái công nghiệp, bao gồm trung tâm sản xuất thiết bị, linh kiện ô tô và thiết bị cho sản xuất điện gió và mặt trời. *Thứ hai*, phía Đông Bắc thành phố Quảng Ninh sẽ phát triển thành một trung tâm sản xuất công nghệ cao, ngành công nghiệp dệt may được hiện đại hóa với trọng tâm chuyển dịch từ dệt sang sản xuất trang phục. Ngoài ra, định hướng phát triển khu vực chế biến thủy sản tại những địa phương có tiềm lực về nguyên liệu thủy sản như Cô Tô, Hạ Long, Móng Cái, Hải Hà.

##### - Về động lực phát triển

Quảng Ninh sẽ tập trung vào ba động lực tăng trưởng chính cho ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, gồm:

+ Thứ nhất, thành phố Quảng Ninh tăng cường thu hút đầu tư bằng việc phát triển hơn nữa 05 đòn bẩy quan trọng của ngành chế biến, chế tạo, bao gồm sự kết nối kinh tế, nguồn nhân lực, khung pháp lý, ưu đãi tài chính và các dịch vụ hỗ trợ. Với nền tảng vững chắc sẵn có, trong giai đoạn sắp tới, thành phố Quảng Ninh xây dựng những lợi thế cạnh tranh riêng dựa trên các đòn bẩy này để tạo ra môi trường chất lượng cao nhất phục vụ công nghiệp chế biến, chế tạo.

+ Thứ hai, thành phố Quảng Ninh củng cố hơn nữa các ngành chế biến, chế tạo chủ chốt hiện có như dệt, sản xuất trang phục và sản xuất, chế biến thực phẩm. Với ngành dệt, bằng việc thúc đẩy nhà đầu tư áp dụng những giải pháp công nghệ hiện đại, Quảng Ninh có thể trở thành thành phố dẫn đầu trong việc ứng dụng Công nghiệp 4.0 vào ngành dệt. Bên cạnh đó, dựa trên các lợi thế sẵn có từ nguồn nguyên liệu do ngành xơ sợi cung cấp, hệ thống cảng biển phục vụ xuất khẩu, cơ sở hạ tầng tốt và nguồn nhân lực có nhiều kinh nghiệm, thành phố Quảng Ninh có nền tảng vững chắc để mở rộng năng lực sản xuất xuống trung nguồn (vải vóc) và hạ nguồn (sản xuất trang phục). Với ngành sản xuất, chế biến thực phẩm, sự tăng trưởng trong tương lai sẽ đến từ việc kết nối các hoạt động đánh bắt và nuôi trồng phân tán, phát triển trung tâm do hoàn thiện từ con giống đến sản phẩm cuối cùng để tạo thêm giá trị gia tăng. Trọng tâm chính của ngành sẽ là các sản phẩm có giá trị và chất lượng cao như tôm, cá vược và cá song.

+ Thứ ba, thành phố Quảng Ninh cần thử nghiệm mở rộng đầu tư vào 02 ngành mới có tốc độ tăng trưởng cao là sản xuất ô tô và thiết bị năng lượng tái tạo. Đối với ngành sản xuất ô tô, Quảng Ninh cần hợp tác với Hải Phòng để xây dựng hệ sinh thái

ô tô mở rộng, với nền móng đầu tiên là các dự án hiện có của Vinfast và Thành Công. Thành phố cũng có thể nghiên cứu thêm khả năng hình thành trung tâm sản xuất linh kiện ô tô tại Móng Cái, tận dụng tiềm năng nhập khẩu từ Trung Quốc, một trong những thị trường xuất khẩu linh kiện ô tô lớn nhất thế giới. Với ngành sản xuất thiết bị điện gió và điện mặt trời, Quảng Ninh sẽ trở thành một trong những trung tâm sản xuất thiết bị sản xuất điện gió và điện mặt trời tại Việt Nam với việc tận dụng ba lợi thế: Nhu cầu nội địa tăng nhanh cho năng lượng tái tạo, dự án đầu tư trọng điểm của Jinko Solar và lợi thế về vận tải đường biển.

### c) Giải pháp phát triển

Thành phố phát triển hơn nữa các đòn bẩy tăng trưởng, củng cố các ngành chế biến, chế tạo lớn hiện tại và đầu tư phát triển hai ngành chiến lược có tốc độ tăng trưởng cao.

#### - Phát triển hơn nữa các đòn bẩy tăng trưởng

Kết nối kinh tế với các địa phương lân cận trong vùng đồng bằng sông Hồng và vùng Trung du, miền núi phía Bắc; nâng cao chất lượng nhân lực, đặc biệt trong lĩnh vực tự động hóa; hoàn thiện khung pháp lý bằng cách liên tục sửa đổi, cập nhật, tích hợp, bổ sung các quy định, văn bản quy phạm pháp luật để đảm bảo khung pháp lý rõ ràng, thống nhất, không chồng chéo và toàn diện, tạo nền tảng ổn định cho hoạt động kinh doanh; thành phố cần đơn giản hóa lộ trình của nhà đầu tư thông qua việc số hóa quy trình, quy định rõ ràng và cam kết thời gian phê duyệt từng bước tích cực hỗ trợ, cũng như gỡ bỏ rào cản ngôn ngữ hay bất cứ rào cản không cần thiết nào đối với việc thu hút đầu tư.

Để tăng cường thu hút đầu tư, Quảng Ninh có thể cung cấp cho các nhà đầu tư hai hình thức ưu đãi tài chính chủ yếu. Thứ nhất, cung cấp các ưu đãi giúp nhà đầu tư giảm chi phí như ưu đãi giá dịch vụ tiện ích, phí thuê đất và phí dịch vụ khu công nghiệp. Thứ hai, thành phố hỗ trợ các nhà đầu tư tiếp cận chương trình tín dụng ưu đãi (theo lĩnh vực ưu tiên) và các dịch vụ ngân hàng khác (tư vấn tài chính, tài trợ thương mại, dịch vụ ngoại hối, bảo lãnh,...). Để tăng cường thu hút đầu tư, thành phố cung cấp nhiều dịch vụ hỗ trợ đa dạng, giúp nhà đầu tư giải quyết mọi vướng mắc phát sinh.

#### - Thúc đẩy các ngành chế biến, chế tạo lớn là chế biến thủy sản và dệt may

+ Trung tâm sản xuất và chế biến hải sản từ con giống đến thành phẩm: thành phố Quảng Ninh xây dựng hai trung tâm hải sản hoàn thiện từ con giống đến thành phẩm chế biến tại các cụm đánh bắt và nuôi trồng hải sản trọng điểm Đàm Hà và Vân Đồn, tạo ra giá trị gia tăng từ chế biến, tập trung vào các sản phẩm có giá trị và chất lượng cao như tôm, cá vược và cá song.

Về sản phẩm chủ lực, Quảng Ninh đặt mục tiêu xuất khẩu sang các thị trường có giá trị cao như Nhật Bản, Mỹ và EU; tập trung vào các sản phẩm chiếm tỷ trọng nhập khẩu lớn. Để khai thác tối đa giá trị từ các loài hải sản, Quảng Ninh xây dựng một trung tâm chế biến và sản xuất thành phẩm chất lượng cao ngay trong địa bàn thành phố. Theo đó, thành phố đảm bảo nguồn cung thủy sản ổn định cũng như khả năng truy xuất nguồn gốc sản phẩm thông qua tăng cường liên kết chuỗi giữa nuôi

trồng và chế biến; thu hút các nhà đầu tư lớn có năng lực trong toàn bộ chuỗi giá trị, cũng như hợp nhất các doanh nghiệp nuôi trồng hải sản nhỏ lẻ thông qua phương thức hợp tác xã. Ngoài ra, thành phố thu hút nhà đầu tư xây dựng nhà máy chế biến thủy sản áp dụng công nghệ chế biến sâu tập trung tại những địa phương có tiềm lực về nguyên liệu thủy sản cũng như vị trí địa lý thuận lợi như Cô Tô, Hạ Long, Móng Cái, Hải Hà với công suất thiết kế tối thiểu đạt 15.000 tấn/năm; đầu tư phát triển hệ thống kho lạnh ngoại quan tại Móng Cái phục vụ lưu kho, vận chuyển các sản phẩm thủy sản của thành phố nói riêng và cả nước nói chung sang thị trường Trung Quốc; phát triển hệ thống kho lạnh tại các chợ cá đầu mối gắn với các trung tâm du lịch nhằm bảo quản, lưu kho cung cấp các sản phẩm thủy hải sản cho khách du lịch trong và ngoài nước.

+ Trung tâm dệt may dựa trên Công nghiệp 4.0: Để nâng tầm ngành dệt, Quảng Ninh sẽ xây dựng một hệ sinh thái toàn diện về sản xuất sợi, vải và trang phục với trọng tâm vào sản xuất trang phục tại khu công nghiệp Texhong Hải Hà và các khu công nghiệp lân cận, thu hút đầu tư từ các nhà sản xuất có trình độ tự động hóa cao và ứng dụng công nghệ số tiên tiến.

Về vị trí, Quảng Ninh sẽ phát triển hệ sinh thái sợi, vải và hàng may mặc tại Hải Hà và Móng Cái, tại các khu công nghiệp Texhong Hải Hà, Hải Yên, Hải Hà 1 và Hải Hà 2. Các khu công nghiệp này có khả năng hấp dẫn các nhà đầu tư bởi ba lợi thế. Thứ nhất, có vị trí liền kề với hệ sinh thái dệt toàn diện của Texhong Hải Hà, với hạ tầng phát triển tốt và khả năng tiếp cận nguồn nguyên liệu đầu vào cũng như lực lượng lao động có kinh nghiệm. Thứ hai, khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái bao gồm toàn bộ Móng Cái cùng với Hải Hà mang đến những ưu đãi thuế hấp dẫn cho các nhà đầu tư. Thứ ba, đường biên giới chung giữa Móng Cái với Trung Quốc giúp các nhà đầu tư tiếp cận với thị trường tiêu thụ cũng như nguồn cung nguyên vật liệu đầu vào lớn nhất thế giới trong ngành dệt may.

Về sản phẩm chủ lực, để thúc đẩy tăng trưởng trong lĩnh vực này, Quảng Ninh sẽ nắm bắt động lực tăng trưởng hiện có ở thượng và trung nguồn (sợi và vải), cũng như mở rộng hệ sinh thái sang hạ nguồn (sản xuất trang phục). Là phân ngành đóng góp lớn nhất vào GRDP ngành chế biến, chế tạo của Quảng Ninh với mức tăng trưởng GRDP ấn tượng 46%/năm, phân ngành sản xuất sợi và vải sẽ vẫn là động lực tăng trưởng của thành phố trong ngắn hạn. Với nền tảng cơ sở hạ tầng, công nghệ, chuyên môn và nguồn nhân lực hiện có, Quảng Ninh sẽ tập trung nâng cao hiệu quả và tính bền vững cho sản xuất thượng và trung nguồn bằng việc thu hút đầu tư mới từ các doanh nghiệp sản xuất có mức độ tự động hóa, ứng dụng công nghệ số cao và thân thiện với môi trường. Bên cạnh đó, Quảng Ninh sẽ mở rộng chuỗi giá trị xuống hạ nguồn là sản xuất trang phục.

- Đầu tư phát triển hai ngành chiến lược với tốc độ tăng trưởng cao là sản xuất ô tô và các thiết bị sản xuất điện gió và điện mặt trời

+ Trung tâm công nghiệp phụ trợ ô tô: Về sản phẩm chủ lực, Quảng Ninh sẽ đầu tư lớn vào việc sản xuất phụ tùng ô tô cho cả xe động cơ đốt trong và xe điện; phát triển một trung tâm công nghiệp phụ trợ ô tô tại phía tây nam, hợp sức với Hải Phòng trở thành trung tâm sản xuất, chế tạo ô tô hàng đầu Việt Nam. Về vị trí, Quảng

Ninh sẽ phát triển trung tâm sản xuất phụ tùng ô tô ở khu vực Tây Nam tại Quảng Yên và Hạ Long tại khu công nghiệp Việt Hưng và khu công nghiệp dịch vụ Đàm Nhà Mạc.

+ Trung tâm sản xuất thiết bị sản xuất điện gió và điện mặt trời: Quảng Ninh có tiềm năng đi đầu trong các bước có giá trị gia tăng cao trong chuỗi giá trị sản xuất thiết bị điện gió và điện mặt trời tại Việt Nam. Về vị trí, Quảng Ninh sẽ phát triển một trung tâm sản xuất thiết bị sản xuất điện gió và điện mặt trời ở phía Tây Nam tại Quảng Yên và Đông Triều, trong khu công nghiệp Sông Khoai và Đông Triều.

Về sản phẩm chủ lực, Quảng Ninh sẽ tập trung vào các bước sản xuất mang lại giá trị gia tăng cao trong toàn bộ chuỗi giá trị sản xuất thiết bị năng lượng tái tạo, bắt đầu từ điện mặt trời và điện gió - hai nguồn năng lượng tái tạo đang có nhu cầu cao ở cả Việt Nam và thị trường quốc tế cũng như các thiết bị điện phụ trợ khác.

Đối với ngành sản xuất thiết bị điện mặt trời, thành phố có thể nghiên cứu khả năng sản xuất tế bào quang điện và silicon wafer, các thành phần chính của tấm pin mặt trời. Đối với điện gió, hộp số và các linh kiện điện khác bên trong động cơ tuabin là những sản phẩm tiềm năng nhất.

## **2.2. Công nghiệp sản xuất điện**

### **a) Mục tiêu phát triển**

- Mục tiêu tổng quát

Đến năm 2030, phát triển công nghiệp năng lượng thân thiện với môi trường, tiếp tục duy trì là một trung tâm năng lượng của quốc gia, một trong những trung tâm điện gió, điện khí thiên nhiên hóa lỏng của miền Bắc. Sản xuất điện sẽ trở thành ngành công nghiệp lớn thứ hai, vượt qua khai khoáng và đứng sau chế biến, chế tạo vào năm 2030, chuyển dần sang phát triển năng lượng sạch và năng lượng tái tạo.

- Mục tiêu cụ thể: Đóng góp 10% vào cơ cấu GRDP của thành phố; VA năm 2030 đạt 94 nghìn tỷ đồng; Tốc độ tăng trưởng VA thực tế 2021 - 2030 đạt 6,7%; Tỷ trọng điện than trong tổng sản lượng điện ở mức <80%.

### **b) Định hướng phát triển**

Sự phát triển của ngành sản xuất điện Quảng Ninh sẽ được thúc đẩy bởi hai định hướng chính. Trước tiên, thành phố sẽ dừng việc mở rộng và hạn chế mở mới các nhà máy điện than, đồng thời đầu tư nâng cao hiệu suất các nhà máy hiện tại, bảo vệ môi trường. Thứ hai, thành phố sẽ tận dụng những lợi thế tự nhiên sẵn có để đặt nền móng cho việc chuyển dịch sang những nguồn năng lượng xanh hơn như điện khí thiên nhiên hóa lỏng, điện gió, điện mặt trời, điện sinh khối, điện rác,... Với đặc thù của ngành sản xuất điện, thành phố bám sát Quy hoạch tổng thể năng lượng quốc gia để đưa ra định hướng phát triển chi tiết cho ngành sản xuất điện trên địa bàn. Cùng với đó, thành phố có thể nghiên cứu các định hướng phát triển mới và đề xuất với Chính phủ cho những điều chỉnh quy hoạch trong tương lai.

### **c) Giải pháp phát triển**

- Điện than

+ Thứ nhất, hạn chế mở rộng và mở mới các nhà máy nhiệt điện than. Trong số các nhà máy nhiệt điện than đã được quy hoạch trong Quy hoạch điện VII điều chỉnh, còn 3 nhà máy chưa đầu tư xây dựng. Quảng Ninh sẽ tiếp tục triển khai Nhiệt điện Đồng Phất - Hải Hà, tuy nhiên sẽ chuyển đổi mục đích của hai nhà máy còn lại.

+ Thứ hai, tập trung thực hiện 04 bước phát triển chính đối với năng lượng than. Các nhà máy điện than cần đẩy mạnh số hóa và tự động hóa để nâng cao hiệu quả vận hành, bảo vệ môi trường cũng như giảm thiểu sự phụ thuộc vào con người; xây dựng hệ thống báo cáo tự động, quy trình giải quyết sự cố phát sinh theo kịch bản lập trình sẵn và những hướng dẫn vận hành số nhằm đảm bảo tính thống nhất và hiệu quả trong quá trình vận hành; tăng cường áp dụng phân tích nâng cao và tự động hóa vận hành theo thời gian thực để nâng cao năng suất, giảm thiểu thời gian và chi phí bảo trì, bảo dưỡng; số hóa việc giám sát và ghi nhận những thông tin liên quan đến sức khỏe, an toàn lao động của nhân viên và an ninh, bảo vệ môi trường của nhà máy nhằm hỗ trợ xây dựng các biện pháp phòng ngừa và đối phó với rủi ro trong tương lai.

+ Thứ ba, các nhà máy điện than cần liên tục theo dõi quá trình sản xuất (từ nguyên liệu thô đến sản xuất hơi, chuyển hóa hơi thành điện năng, cho tới xử lý khí thải) và áp dụng những công nghệ mới nhất để xác định cơ hội cải tiến cho riêng mình. Đồng thời, các nhà máy điện than có thể giảm phát thải khí bằng cách áp dụng công nghệ khử xúc tác chọn lọc (sử dụng NH<sub>3</sub>).

+ Thứ tư, các nhà máy điện than cần tận dụng sự hỗ trợ của Chính phủ để kết nối với các nhà sản xuất vật liệu xây dựng để tái sử dụng các phụ phẩm phế thải từ sản xuất điện than, đặc biệt là tro bay và tro đáy, làm vật liệu đầu vào cho xây dựng dân dụng.

- Nguồn năng lượng có chi phí thấp hơn và phát thải CO<sub>2</sub> ít hơn 50% so với than trong quá trình sản xuất điện.

+ Thứ nhất, về địa điểm, do Việt Nam có nhu cầu nhập khẩu khí tự nhiên hóa lỏng từ các nước khác thông qua vận tải đường biển, các nhà máy khí tự nhiên hóa lỏng sẽ được bố trí gần biển để dễ dàng tiếp cận kho chứa khí tự nhiên hóa lỏng tại cảng biển và tiết kiệm chi phí vận chuyển.

+ Thứ hai, Quảng Ninh sẽ đẩy nhanh tìm kiếm và thu hút các nhà đầu tư cho nhà máy khí tự nhiên hóa lỏng Quảng Ninh giai đoạn 2 và các nhà máy điện khí tại KCN Hải Hà. Xây dựng nhà máy điện khí tự nhiên hóa lỏng là một quá trình tốn kém và mất thời gian, không chỉ trong việc xây dựng nhà máy mà còn trong việc thiết lập cơ sở hạ tầng hậu cần kho vận.

### **2.3. Công nghiệp khai khoáng**

#### **a) Mục tiêu phát triển**

- Mục tiêu tổng quát: Phát triển hợp lý, bền vững ngành công nghiệp khai khoáng, trọng điểm là ngành than góp phần bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia theo quy hoạch. Đến năm 2030, khai khoáng sẽ giảm bớt tầm quan trọng và trở thành ngành công nghiệp lớn thứ ba của thành phố Quảng Ninh

- Mục tiêu cụ thể: VA năm 2030 đạt 80 nghìn tỷ đồng; Tăng trưởng VA trung bình hàng năm đạt 2,4%; Sản lượng sản xuất than 2021 - 2030 đạt 471,8 triệu tấn.

#### b) Định hướng phát triển

- Với tỷ trọng đóng góp vượt trội vào GRDP so với các nguồn tài nguyên thiên nhiên khác, khai thác than sẽ là phân ngành chủ chốt trong ngành khai khoáng thành phố Quảng Ninh. Hoạt động khai thác than của Quảng Ninh sẽ theo sát định hướng của Chính phủ, với nhu cầu năng lượng quốc gia và định hướng phát triển nhiệt điện than ở mức hợp lý là động lực chính quyết định sản lượng mục tiêu của ngành. Sản lượng khai thác than của thành phố giai đoạn tới ổn định và tăng trưởng rất hạn chế với tốc độ trung bình hàng năm ở mức 1,2%. Đến năm 2030, tổng sản lượng than khai thác dự tính đạt trên 49 triệu tấn. Đồng thời với việc đảm bảo khối lượng sản xuất để hỗ trợ tăng trưởng ngành năng lượng quốc gia, hoạt động khai thác than ở Quảng Ninh cũng phải đẩy nhanh quá trình chuyển đổi theo hướng nâng cao hiệu quả và bền vững thông qua số hóa và tự động hóa, cũng như thực hiện hiệu quả hơn việc quản lý đất đá thải và phục hồi, cải tạo khu vực mỏ than sau khi đóng cửa.

- Về phương án quy hoạch công tác khai thác, Quảng Ninh sẽ phối hợp chặt chẽ với các đơn vị có hoạt động sản xuất kinh doanh than trên địa bàn để triển khai theo định hướng sau: (i) Tập trung phát triển các mỏ hầm lò sản lượng lớn theo tiêu chí xanh, hiện đại, sản lượng cao; (ii) Liên thông các mỏ hầm lò có cùng điều kiện khoáng sản thành các mỏ có công suất lớn trên 2,0 triệu tấn/năm; (iii) Tiếp tục nghiên cứu đổi mới công nghệ khai thác theo hướng tiên tiến hiện đại gắn liền với cơ giới hóa, tự động hóa, tin học hóa, thực hiện đồng bộ các giải pháp với mục tiêu tăng năng suất lao động; (iv) Phát triển mở rộng các mỏ lộ thiên hiện có theo hướng nâng cao hệ số bóc giới hạn, phù hợp với điều kiện kỹ thuật và giá bán than; nâng cao tối đa năng lực khai thác phù hợp với quy hoạch đô thị, vận tải, thoát nước và bảo vệ cảnh quan môi trường; (v) Khai thác tối đa tài nguyên đã được giao quản lý, bao gồm cả phần tài nguyên tại các khu vực trụ bảo vệ các công trình hầm lò, phần tài nguyên còn lại sau khi đã khai thác hầm lò...; (vi) Tiếp tục đổi mới đồng bộ và hiện đại hóa thiết bị dây chuyền khai thác, vận tải theo hướng đưa vào sử dụng các thiết bị cơ động với công suất lớn, các hệ thống vận tải liên tục phù hợp với điều kiện và quy mô của từng mỏ.

- Về Phương án quy hoạch công tác sàng tuyển, chế biến than: Tiếp tục thực hiện các dự án sàng tuyển than được duyệt dựa trên cơ sở rà soát lại sản lượng, quy mô công suất các nhà máy cũng như thời gian dự kiến đi vào hoạt động; lựa chọn công nghệ sàng tuyển phù hợp với nhu cầu đầu ra cho sản phẩm, theo đó sẽ ưu tiên sản phẩm các chủng loại than đáp ứng tối đa cho nhu cầu tiêu thụ trong nước; nghiên cứu và hoàn thiện hệ thống pha trộn than, tiến tới chủ động trong công tác nhập khẩu cũng như linh hoạt trong pha trộn đảm bảo đa dạng hóa nguồn than thương phẩm cấp cho nhà máy điện, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia; xây dựng hệ thống tự động hóa điều khiển giám sát diện rộng, ứng dụng công nghệ tự động hóa tích hợp điện toán đám mây giám sát vận hành toàn bộ các thiết bị dây chuyền, các khâu công nghệ nhà máy.

#### c) Giải pháp phát triển

- Đạt mục tiêu sản xuất

Thành phố sẽ cung cấp đủ than phục vụ nhu cầu quốc gia theo chỉ đạo của Chính phủ. Mục tiêu sản xuất chi tiết cho từng mỏ trong 10 năm tới được nêu trong phần định hướng phát triển tài nguyên thiên nhiên. Để đảm bảo hoàn thành mục tiêu cung cấp than một cách bền vững, thành phố cần thực hiện đúng hai nguyên tắc là không mở thêm các dự án khai thác than lộ thiên và không mở thêm các dự án khai thác tại các khu đô thị, khu đông dân cư.

- Nâng cao hiệu quả và tính bền vững

+ Nâng cao hiệu suất: Thứ nhất, tiếp tục đẩy mạnh việc sử dụng các thiết bị có công suất lớn hơn và hiệu suất cao hơn. Hầu hết các mỏ than ở Quảng Ninh hiện nay vẫn còn sử dụng một số thiết bị cũ như xe tải, máy khoan, máy xúc với công suất và hiệu quả thấp. Bằng việc cải tiến và thay thế các thiết bị này, các mỏ than ở Quảng Ninh có thể giảm bớt các thao tác thủ công, tiết kiệm thời gian và giảm thiểu khoảng cách vận chuyển. Thứ hai, khai thác triệt để lợi ích từ chuyển đổi số bằng cách đồng bộ hóa cơ sở dữ liệu và đưa ra những phân tích chuyên sâu xuyên suốt quá trình vận hành để tìm ra cơ hội nâng cao hiệu quả hoạt động. Thứ ba, phấn đấu tự động hóa 100% một số công đoạn sản xuất như vận tải, bơm thoát nước, kiểm soát thông gió, khí mỏ, trạm điện,... tiến tới kết nối các hệ thống giám sát, điều khiển tập trung và xây dựng các mỏ than tiên tiến, hiện đại, ít người.

+ Nâng cao tính bền vững

Thứ nhất, việc đổ thải gây ra cho thành phố hai vấn đề, gồm chiếm dụng đất và phát tán bụi than từ các bãi thải cao ra môi trường. Cả hai vấn đề này đều có thể được giải quyết bằng cách tận dụng đất đổ thải cho các hoạt động kinh tế - xã hội khác. Bên cạnh việc tăng cường sử dụng chất thải của các mỏ than làm nguyên liệu đầu vào cho ngành xây dựng, các mỏ than cũng có thể gửi chất thải đến các mỏ lộ thiên đã hết hạn sử dụng để san lấp hoặc đến các mỏ hầm lò để thực hiện chèn lò cuốn chiếu. Do vấn đề đổ thải chỉ xảy ra với các mỏ lộ thiên và Quảng Ninh hiện đang chuyển từ lộ thiên sang khai thác hầm lò, vấn đề này dự kiến sẽ giảm dần trong thời gian tới.

Thứ hai, việc hoàn nguyên các mỏ lộ thiên cũng là một mối quan ngại lớn. Hoạt động khai thác lộ thiên ở Quảng Ninh đã làm thay đổi nghiêm trọng cảnh quan thiên nhiên, phá hủy hệ sinh thái, ô nhiễm tài nguyên đất và nước. Quá trình phục hồi có thể mất nhiều thập kỷ với tác động môi trường kéo dài, cản trở mục tiêu trở thành một thành phố xanh và bền vững của Quảng Ninh. Vì vậy, thành phố sẽ tích cực đẩy mạnh các hoạt động cải tạo, không chỉ đối với các mỏ hết hạn sử dụng mà cả các mỏ lộ thiên đang hoạt động ở những vùng cạn kiệt than.

## **2.4. Dịch vụ du lịch**

### a) Mục tiêu phát triển

- Mục tiêu tổng quát: Đến năm 2030, Quảng Ninh duy trì vị thế là đầu tàu du lịch quốc gia, trung tâm du lịch quốc tế, thu hút du khách quanh năm, từ khắp năm châu, trở thành một điểm đến không thể bỏ lỡ khi đến Việt Nam. Du lịch của thành phố đa dạng, phong phú, thực sự trở thành một Việt Nam thu nhỏ; đẩy đủ các sản

phẩm du lịch có chất lượng, khác biệt, có giá trị gia tăng cao với các loại hình: du lịch nghỉ dưỡng biển, đảo, du lịch thể thao, giải trí, du lịch văn hóa, du lịch hội thảo, du lịch biên giới, du lịch sinh thái, cộng đồng; phát triển du lịch bền vững và bao trùm, trên nền tảng tăng trưởng xanh, là ngành kinh tế mũi nhọn.

- Mục tiêu cụ thể: VA danh nghĩa vào năm 2030 đạt 138 nghìn tỷ đồng; Doanh thu vào năm 2030 đạt khoảng 96 nghìn tỷ đồng; Số việc làm tăng thêm đạt 65.000 người; Đón khoảng 25,4 triệu lượt du khách, trong đó 16,7 triệu lượt du khách -trong nước (chiếm 66%), 8,7 triệu còn lại sẽ là du khách quốc tế (chiếm 34%), đạt tốc độ tăng trưởng du khách bình quân 6%.

#### b) Định hướng phát triển

Tiếp tục hoàn thiện kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch đồng bộ, hiện đại, có sản phẩm du lịch đa dạng, đặc sắc, chuyên nghiệp, chất lượng cao, thương hiệu mạnh và sức hấp dẫn toàn cầu, đồng thời phải thể hiện được sự đặc trưng so với các thành phố khác nhờ tài nguyên du lịch độc đáo của riêng mình; phát triển, hình thành các khu du lịch cấp quốc gia tại Hạ Long, Uông Bí, Vân Đồn, Móng Cái. Trong đó trọng tâm tập trung vào các thể mạnh sau:

- Du lịch trải nghiệm sống động trong không gian hiện đại vùng vịnh: Hạ Long là điểm đến nghỉ dưỡng trọng tâm của thành phố Quảng Ninh với các điểm du lịch đa dạng tập trung phục vụ gia đình, khu ẩm thực và mua sắm sôi động dọc đường bờ biển. Mô hình này khởi nguồn từ nhu cầu tìm kiếm hoạt động du lịch và dịch vụ ẩm thực đa dạng hơn tại Hạ Long bên cạnh tham quan vịnh Hạ Long danh tiếng. Quảng Ninh có thể xem xét mở rộng, hợp tác phát triển với Hải Phòng để tạo nên quần thể khu du lịch sinh thái Vịnh Hạ Long - Cát Bà.

- Phát triển du lịch văn hóa - lịch sử - văn hóa phong phú: Sự kết hợp giữa Yên Tử (Uông Bí), Đông Triều và Quảng Yên đã tạo thành một hành trình văn hóa hướng về nguồn cội lịch sử, với di tích Yên Tử, hệ thống đền và lăng mộ nhà Trần tại Đông Triều cùng di tích Bãi cọc Bạch Đằng tại Quảng Yên. Thí điểm và triển khai có chọn lọc mô hình Kinh tế ban đêm tại khu vực Yên Tử theo hướng phát huy truyền thống, đặc thù văn hóa bản địa. Đây chính là nơi để du khách và những người đam mê văn hóa lịch sử nước nhà tìm đến hòa mình với trải nghiệm du lịch văn hóa.

- Phát triển du lịch gắn với bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc: Văn hóa dân tộc thiểu số độc đáo ở Bình Liêu, Tiên Yên, Hải Hà, Đầm Hà và Ba Chẽ sẽ là lăng kính phản ánh một cách chân thật và gần gũi nhất cuộc sống muôn màu của đồng bào dân tộc thiểu số giữa núi rừng hoang vu, nhằm đáp ứng nhu cầu hoạt động văn hóa vùng miền tách biệt khỏi cuộc sống đô thị.

- Tận dụng thắng cảnh thiên nhiên độc nhất và kỳ thú: Vịnh Bái Tử Long (Vân Đồn) và quần đảo Cô Tô là điểm đến du lịch sinh thái dành riêng cho phân khúc du khách thu nhập cao, với tài nguyên du lịch tuyệt sắc, các hoạt động khám phá và dịch vụ lưu trú hạng sang nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường ngách cho trải nghiệm dành riêng và thiên nhiên đặc sắc.

- Xây dựng điểm đến vui chơi và giải trí đẳng cấp vùng: Hạ Long là trung tâm vui chơi giải trí sâu uất, đẳng cấp của vùng và cả nước; phát triển mô hình kinh tế

ban đêm (các khu phố đêm, mô hình thành phố không ngủ,...) theo hướng hiện đại, hội nhập, mang tính biểu tượng, riêng có của Quảng Ninh.

Khu phức hợp nghỉ dưỡng giải trí cao cấp Vân Đồn (trong đó có hạng mục casino), cùng hạ tầng mềm phụ trợ (đặc biệt là hệ thống khách sạn và cửa hàng mua sắm,...) định hướng trở thành Khu du lịch quốc gia. Để hiện thực hóa tham vọng du lịch casino, cần thúc đẩy việc hoàn thiện các đại dự án cho Vân Đồn thông qua hỗ trợ tháo gỡ khúc mắc, đặc biệt là trong các vấn đề pháp lý.

Móng Cái sẽ được xác định là điểm đến giải trí đại chúng hướng tới du khách Trung Quốc và Châu Á (dòng khách trung niên) với hoạt động thương mại sôi động, khu phức hợp nghỉ dưỡng cao cấp ven biển, trên đảo, dịch vụ ẩm thực đa dạng, giá cả phải chăng, casino, trung tâm mua sắm hàng hiệu nổi tiếng và các hoạt động về đêm, nhằm khai thác lượng du khách lớn đến từ Trung Quốc.

- Đẩy mạnh xúc tiến, quảng bá du lịch gắn với ứng dụng công nghệ số: Quảng Ninh sẽ hướng tới việc phát triển du lịch một cách toàn diện với các sản phẩm du lịch đa dạng trải dài khắp thành phố, không chỉ giới hạn ở mỗi Hạ Long. Màu sắc, hương vị, âm thanh và hình ảnh đặc trưng của cả Việt Nam đều thu gọn trong một điểm đến duy nhất. Quảng Ninh là Việt Nam thu nhỏ cảnh đẹp thiên nhiên hoang sơ, hùng vĩ, lịch sử văn hóa giàu bản sắc tại thành phố ven biển đầy sức sống với các hoạt động vui chơi giải trí bất tận. Để có thể thực sự thay đổi nhận thức của du khách, thành phố sẽ kết hợp với các đơn vị tư vấn truyền thông để phát triển ra những chiến dịch truyền thông cụ thể như xây dựng những logo, khẩu hiệu, phát triển thương hiệu, quảng bá hình ảnh Quảng Ninh qua các kênh truyền thông, xuất bản sách. Thành phố sẽ tập trung phát triển đa dạng các sản phẩm du lịch golf, giải trí, nghỉ dưỡng, du lịch chữa bệnh, du lịch văn hóa đồng thời phát triển nguồn nhân lực và liên tục khảo sát thị trường để nắm bắt nhu cầu khách du lịch.

Phát triển chiến dịch thương hiệu và nâng cao nhận thức về Quảng Ninh như một điểm đến duy nhất với những trải nghiệm du lịch độc đáo, đầy sắc màu qua 6 định hướng phát triển vừa nêu trên. Hiện tại, những trải nghiệm về du lịch của Quảng Ninh theo du khách đều bắt đầu và kết thúc ở Hạ Long và có rất ít trải nghiệm khác ngoài điểm thu hút chính này.

### c) Giải pháp phát triển

- Không gian hiện đại và sống động bên bờ Vịnh Hạ Long

+ Phát triển đường đi bộ ven biển bày bán sản vật địa phương và hàng hiệu cao cấp Hạ Long: Xây dựng một đường đi bộ bên bờ biển với nhiều địa điểm mua sắm hướng tới đối tượng du khách có thu nhập cao. Nơi đây sẽ hình thành một chuỗi các cửa hàng hạng sang nằm dọc đường đi bộ ven bờ, nhìn ra vịnh Hạ Long và bãi biển Hòn Gai, bày bán các sản phẩm thương hiệu cao cấp trên thế giới cùng các sản vật địa phương OCOP giá trị cao (như ngọc trai và đồ gỗ mỹ nghệ). Khu phố mua sắm hướng biển sẽ đáp ứng nhu cầu của đối tượng du khách thích mua sắm có thu nhập cao.

+ Nhà hàng ăn uống với khung cảnh đẹp nhìn ra Vịnh: Một đại lộ ẩm thực bên bờ biển sẽ tăng đáng kể sức hấp dẫn của Hạ Long. Đây sẽ là một tổ hợp các nhà hàng

hạng sang nhìn ra vịnh và quán bar, phòng nằm, ngay cạnh khu phố mua sắm. Mục tiêu của những nhà hàng này là phục vụ các món ăn từ khắp năm châu cho du khách có thu nhập cao và người dân địa phương. Đại lộ ẩm thực này cũng có thể kéo dài dọc cung đường ven Vịnh, từ Hạ Long đến Cẩm Phả và Quảng Yên. Vậy nên, Quảng Ninh sẽ tham khảo và chọn lựa những cung đường phù hợp để thực hiện ý tưởng này, trở thành một điểm du lịch mới và kéo dài thời gian lưu trú cũng như mức chi tiêu trung bình của du khách.

+ Trải nghiệm làng chài: thành phố dành một khu đặc biệt để thành lập các làng chài du lịch, giúp đáp ứng nhu cầu đa dạng hóa trải nghiệm của du khách đến Quảng Ninh, không chỉ giới hạn ở việc tham quan thắng cảnh; xây dựng những khu cắm trại để du khách có thể có một trải nghiệm chân thực ở làng chài, giúp giữ gìn và phát huy giá trị của cộng đồng các làng chài nhờ gắn đời sống của người dân địa phương vào trong chương trình du lịch, đồng thời giúp tăng sinh kế cho các làng chài truyền thống.

+ Nâng cấp trải nghiệm du lịch đêm trên vịnh: Triển khai mô hình tour du lịch theo giờ đối với tàu đêm dạo bờ vịnh Hạ Long kết hợp với ẩm thực, ca nhạc, các hoạt động thăm quan, trải nghiệm,... Tổ chức các lễ hội đêm, lắp đặt hệ thống hạ tầng âm thanh, điện chiếu sáng làm nổi bật cảnh quan trên vịnh.

+ Hoạt động du lịch thám hiểm tại phía Tây Hạ Long: Phía Tây Hạ Long có thể lựa chọn một khu vực tại vùng núi để phát triển hạ tầng cho các sản phẩm du lịch mạo hiểm, nổi bật nhất là leo núi, trượt zipline, lượn dù, cũng như bãi cắm trại phục vụ các nhóm dã ngoại tạo thêm sức hấp dẫn du khách. Tất cả những hoạt động này đều phải bảo đảm thân thiện với môi trường, bảo tồn cảnh quan thiên nhiên hoang sơ của vùng núi phía Tây Hạ Long. Mục tiêu là tận dụng thị hiếu du lịch mạo hiểm của du khách, đặc biệt là giới trẻ đến năm 2030, tạo ra những điểm vui chơi mới, những hoạt động trải nghiệm mới lạ cho du khách đam mê mạo hiểm và thích thú với cảm giác mạnh, đồng thời đa dạng hóa danh mục hoạt động du lịch của Hạ Long.

+ Resort chăm sóc sức khỏe trong rừng tại Khu bảo tồn thiên nhiên Đồng Sơn - Kỳ Thượng: Xây dựng một khu resort chăm sóc sức khỏe mang phong cách mộc mạc, gần gũi với thiên nhiên tại Khu bảo tồn thiên nhiên Đồng Sơn - Kỳ Thượng với 4 sản phẩm độc đáo: kiến trúc làng Việt Nam xưa, món ăn chế biến từ nguyên liệu tươi vừa thu hoạch, thiền trên ốc đảo và spa chăm sóc sức khỏe/trị liệu thảo dược. Điều này hướng tới phục vụ du khách có thu nhập cao muốn tìm kiếm nơi nghỉ dưỡng biệt lập, yên bình. Resort nằm sâu trong khu bảo tồn, khuyến khích chăm sóc sức khỏe bằng phương pháp hòa mình vào thiên nhiên. Mục tiêu là giúp đa dạng hóa hệ thống dịch vụ lưu trú của Hạ Long, đồng thời cộng hưởng với dự án đang trong quá trình xây dựng tại Khu bảo tồn thiên nhiên Đồng Sơn - Kỳ Thượng. Giúp củng cố vị thế của Hạ Long là một địa danh đáng sống, một điểm du lịch cao cấp và đáp ứng nhu cầu của phân khúc du khách thu nhập cao; đồng thời, tận dụng sức lan tỏa của quần thể sinh thái này và xem xét mở rộng vùng du lịch sang Ba Chẽ để nhân dân có điều kiện tiếp cận với ngành dịch vụ và phát triển sản xuất.

- Hòa mình trong hành trình chuỗi du lịch văn hóa Yên Tử - Quảng Yên - Đông Triều.

+ Tu bổ, phục hồi di tích lăng mộ nhà Trần: Đông Triều có thể tu bổ, phục hồi một số di tích lăng mộ nhà Trần và cải tạo khu vực xung quanh để tạo không gian thẩm mỹ, tăng sức hấp dẫn tới du khách; đồng thời, việc phát triển khu di tích quốc gia nhà Trần gắn với việc hình thành Khu du lịch Ngọa Vân - Hồ Thiên và các di tích lịch sử - văn hóa khác trên địa bàn từ đó du khách có thể trải nghiệm nền văn hóa và lịch sử địa phương một cách trọn vẹn nhất.

+ Các khóa thiền và chăm sóc sức khỏe tinh thần tại Yên Tử: Tổ chức các khóa thiền và chương trình nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khỏe cả ban ngày và ban đêm với giá phải chăng để khuyến khích kéo dài thời gian lưu trú của du khách. Mục tiêu là giải quyết vấn đề thời gian lưu trú tại di tích Yên Tử còn hạn chế, du khách chỉ đến đây và ra về trong ngày do không có các hoạt động giữ chân hấp dẫn. Ngoài ra, còn hướng tới các du khách có nhu cầu chi tiêu nhưng chưa có sản phẩm, dịch vụ tương xứng đáp ứng nhu cầu, bên cạnh vé tham quan di tích.

+ Mở rộng Lễ hội Bạch Đằng: Uông Bí, Quảng Yên và Đông Triều có thể phối hợp xây dựng một lịch sự kiện văn hóa vào mùa hè để khắc phục vấn đề mùa thấp điểm, trong đó khả thi nhất là việc mở rộng quy mô Lễ hội Bạch Đằng, giúp khắc phục tình trạng thấp điểm tại Uông Bí, Quảng Yên và Đông Triều vào mùa hè, do du khách hầu như chỉ đến những địa điểm văn hóa vào các tháng mùa xuân dịp Tết nguyên đán.

- Thắng cảnh độc nhất vô nhị và kỳ thú của Vịnh Bái Tử Long và Cô Tô

+ Giới hạn lượng du khách tham quan Vịnh Bái Tử Long: Khoanh vùng các khu vực riêng biệt, cũng như thiết lập quy định hạn chế tiếp cận Vườn quốc gia Bái Tử Long. Việc phát triển du lịch Vịnh Bái Tử Long một cách chọn lọc sẽ giúp khai thác hình ảnh huyền bí của Vịnh xứng đáng là lựa chọn thay thế cho Vịnh Hạ Long, đồng thời bảo tồn thiên nhiên và hệ sinh thái đang bị đe dọa của khu vực.

+ Khu resort siêu sang trên mặt nước và dưới nước: Vịnh Bái Tử Long có thể khai thác lợi ích từ việc phát triển các khu resort siêu sang trên và dưới mặt nước. Resort nổi trên mặt nước có thể tiếp cận từ cảng thủy phi cơ ở sông Voi Lớn, là khu nghỉ dưỡng đầu tiên ở Đông Nam Á mỗi phòng là một đơn vị nổi độc lập. Resort dưới nước được tính ở phân khúc giá cao cấp, có các phòng khép kín dưới nước với các lựa chọn ẩm thực cao cấp, spa chăm sóc sức khỏe và thủy cung gồm các loài sinh vật biển đa dạng.

+ Đầu tư và phát triển biệt thự nghỉ dưỡng cao cấp trên đảo Cô Tô: thành phố sẽ phân chia hơn 50 hòn đảo cho hai mục đích: Đảo lớn để phát triển khu resort nghỉ dưỡng cao cấp và đảo nhỏ hơn dành cho việc xây dựng và thương mại hóa các biệt thự tư nhân. Khu resort cao cấp được xây dựng xung quanh một đảo trung tâm để phục vụ ăn uống/dịch vụ/chăm sóc sức khỏe, với các biệt thự nổi xung quanh tương tự như Maldives hoặc Bali - tất cả đều có thể được tiếp cận bằng thủy phi cơ; các biệt thự nghỉ dưỡng sẽ được xây dựng trên các đảo nhỏ hơn và được tiếp thị như một phương án đầu tư hoặc bất động sản nghỉ dưỡng.

## **2.5. Dịch vụ - thương mại**

### **a) Mục tiêu phát triển**

- Mục tiêu tổng quát: Đến năm 2030, thành phố Quảng Ninh hướng tới phát triển ngành thương mại hiện đại, bền vững, đóng vai trò là ngành kinh tế chủ đạo của khu vực dịch vụ, thúc đẩy giao thương hàng hóa giữa Quảng Ninh với các tỉnh, thành phố trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ và với các nước ở khu vực Đông Nam Á và Trung Quốc.

- Mục tiêu cụ thể: Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội tăng bình quân 15-16%/năm; Tốc độ tăng tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tối thiểu ở mức tăng tốc độ tăng trưởng kinh tế chung của toàn thành phố.

#### b) Định hướng phát triển

- Phát triển thương mại nội địa: Phát triển các trung tâm thương mại đa năng, phức hợp/tổng hợp, các đại siêu thị và siêu thị; khuyến khích các hình thức kinh doanh siêu thị mới; xây dựng các trung tâm mua sắm chất lượng cao, tuyến phố thương mại tại các khu du lịch trọng điểm, cửa hàng miễn thuế trong phố; phát triển cửa hàng tiện lợi và chuỗi các cửa hàng tiện lợi; hình thành các chuỗi cửa hàng có thương hiệu theo phương thức nhượng quyền kinh doanh; phát triển hạ tầng thương mại quy mô vừa và nhỏ kinh doanh tổng hợp (cửa hàng tiện lợi, tạp hóa, đại lý thương mại, các điểm bán sản phẩm chủ lực, sản phẩm thương hiệu và sản phẩm OCOP) ở khu vực nông thôn; tiếp tục đầu tư nâng cấp chợ truyền thống; xây dựng một số chợ đầu mối, chợ chuyên doanh; lựa chọn chuyển đổi mô hình quản lý một số chợ.

- Xuất nhập khẩu: Thị trường xuất khẩu chiến lược của thành phố là Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc và các nước ASEAN,... Đẩy mạnh dụng cơ hội từ các hiệp định thương mại tự do đã ký kết, đặc biệt là các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, mở rộng thị trường cho hàng hóa xuất khẩu của thành phố; mở rộng sản xuất các mặt hàng chế biến, chế tạo mới phục vụ xuất khẩu sang các thị trường truyền thống và xúc tiến xuất khẩu sang các thị trường mới như EU, Ấn Độ, Mỹ, Liên minh Á - Âu,...; tiếp tục khai thác có hiệu quả lợi thế đường biên giới với Trung Quốc thông qua các khu kinh tế cửa khẩu; phát triển thương mại, bền vững, phù hợp với thông lệ quốc tế; nâng tầm khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái và đẩy mạnh liên kết, hợp tác biên mậu với tỉnh Quảng Tây; tăng trưởng xuất khẩu bền vững, chú trọng nâng cao giá trị gia tăng xuất khẩu; khai thác tối đa lợi thế xuất khẩu tại chỗ từ các khu công nghiệp, khu kinh tế ven biển, cảng biển, khu du lịch; nghiên cứu, đề xuất thành lập các khu thương mại tự do; phối hợp hiệu quả giữa ngành du lịch, sản xuất và thương mại nhằm tăng chi tiêu của du khách; ưu tiên nhập khẩu các thiết bị công nghệ cao và thân thiện với môi trường hiện chưa được sản xuất trong nước; đa dạng hóa thị trường nhập khẩu, đặc biệt là thị trường cung cấp nguyên, nhiên, vật liệu phục vụ sản xuất các sản phẩm mà thành phố có lợi thế cạnh tranh; tăng cường công tác giám sát và quản lý nhà nước về nhập khẩu.

- Phát triển thương mại điện tử: Phát triển mạnh sàn giao dịch thương mại điện tử của thành phố theo hướng nâng cao sức cạnh tranh, hiệu quả; phát triển các sàn giao dịch thương mại điện tử địa phương; ứng dụng công nghệ số để xây dựng đa dạng các kênh phân phối mới, đẩy mạnh thương mại điện tử trên thiết bị di động hoặc trên các nền tảng mạng xã hội, khuyến khích phát triển thương mại điện tử theo hướng kết hợp với loại hình phân phối bán lẻ truyền thống thành phương thức phân phối đa kênh.

- Xúc tiến thương mại: Tăng cường tính chủ động của các doanh nghiệp trong tìm kiếm thị trường và nguồn hàng; khuyến khích phát triển các dịch vụ hỗ trợ xuất khẩu; phát triển đa dạng các hình thức dịch vụ và kênh phân phối tại các khu công nghiệp, khu chế xuất, tuyến du lịch có nhiều khách nước ngoài; xây dựng trung tâm triển lãm, hội chợ tại Móng Cái; thúc đẩy các hình thức kết nối đa dạng giữa nhà sản xuất, nhà phân phối và người tiêu dùng trong lưu thông hàng hóa; đẩy mạnh xúc tiến thương mại điện tử thông qua sàn giao dịch thương mại điện tử của thành phố, hội chợ/triển lãm trực tiếp kết hợp với trực tuyến.

### c) Giải pháp phát triển

#### - Đối với thương mại nội địa

Phát triển các trung tâm thương mại đa năng, phức hợp/tổng hợp, các đại siêu thị và siêu thị mang tầm khu vực Đông Nam Á ở Hạ Long, Móng Cái, Vân Đồn; tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước về phân phối bán lẻ thông qua rà soát, hoàn thiện các quy định về quản lý hàng hóa lưu thông trên thị trường (quy định về nhãn, mác hàng hóa, nguồn gốc xuất xứ, quảng cáo, thông tin thị trường); xây dựng và hoàn thiện các quy định, hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn về phân phối xanh và tiêu dùng xanh (các sản phẩm được dán nhãn sinh thái, thân thiện với môi trường); xây dựng và hoàn thiện chính sách khuyến khích phát triển hệ thống phân phối xanh và tiêu dùng xanh; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực làm việc trong lĩnh vực phân phối và bán lẻ nhằm thúc đẩy hiệu quả hoạt động của các chủ thể kinh doanh, cụ thể là tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý chợ, nghiệp vụ về an toàn thực phẩm, chống hàng giả, phòng cháy chữa cháy, văn minh thương mại,... phù hợp với trình độ, điều kiện thực tiễn của cán bộ, nhân viên quản lý chợ; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực bán lẻ thông qua tập huấn nghiệp vụ, phổ biến pháp luật thương mại cho đội ngũ quản lý và nhân viên bán hàng tại các cơ sở bán lẻ; rà soát, sửa đổi và bổ sung các chính sách ưu đãi để phát triển hạ tầng thương mại theo hướng tạo ra sự đồng bộ, cụ thể là:

+ Hệ thống chợ: (1)- Xây dựng hạ tầng chợ: Ưu tiên đầu tư xây dựng một số chợ đầu mối như chợ đầu mối thủy sản (tại Vân Đồn), chợ đầu mối nông sản (tại Đông Triều) và chợ đầu mối tập kết hàng hóa (chợ Minh Thành tại Quảng Yên) với quy mô phù hợp; khuyến khích xây dựng mới các chợ theo hình thức chuyên doanh (chuyên doanh hải sản, thực phẩm, chuyên doanh cơ khí, chuyên doanh vải,...) phù hợp với tình hình phát triển kinh tế, xã hội của địa phương; đầu tư nâng cấp, sửa chữa, cải tạo các chợ bị xuống cấp nghiêm trọng; xây dựng các chợ mới ở các xã chưa có chợ (chợ hạng 3); ưu tiên đầu tư xây dựng các chợ hạng 1 hoặc chợ hạng 2 ở các phường trong thành phố; lựa chọn chuyển đổi mô hình quản lý một số chợ hạng 1 và hạng 2 nhằm thúc đẩy hiệu quả hoạt động khai thác chợ; di dời hoặc xóa bỏ một số chợ không phù hợp theo lộ trình hoặc xem xét chuyển đổi công năng các chợ cũ, hoạt động không hiệu quả thành siêu thị. (2)- Đổi mới công tác quản lý chợ: Rà soát, xây dựng phương án chuyển đổi công năng một phần hoặc toàn bộ chợ đối với những chợ hoạt động không hiệu quả; xây dựng, hoàn thiện các công trình phụ trợ (bãi xe, nhà vệ sinh, kho hàng...) và nâng cấp, sửa chữa cơ sở vật chất - hạ tầng chợ đã xuống cấp, đồng thời khai thác hết công suất hoạt động của các chợ hiện hữu; cải tiến chất lượng dịch vụ mua bán ở chợ theo hướng hàng hóa đảm bảo an toàn

thực phẩm, vệ sinh môi trường, có nguồn gốc xuất xứ, giá cả rõ ràng để nâng cao sức cạnh tranh của chợ với các loại hình phân phối khác; xây dựng chính sách kết hợp giữa ngân sách nhà nước và vốn xã hội hóa (được huy động từ doanh nghiệp, hộ kinh doanh trong chợ,...) để hình thành nguồn vốn đáp ứng nhu cầu xây dựng, nâng cấp, sửa chữa chợ.

+ Siêu thị, trung tâm thương mại: Khuyến khích đầu tư từ khu vực tư nhân và khu vực đầu tư nước ngoài đầu tư xây dựng siêu thị và trung tâm thương mại.

+ Thu hút đầu tư, xây dựng các trung tâm mua sắm chất lượng cao, tuyến phố thương mại tại các khu du lịch trọng điểm, cửa hàng miễn thuế trong phố để đa dạng loại hình, thu hút khách du lịch.

+ Các cửa hàng bán lẻ: Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư phát triển các chuỗi cửa hàng bán lẻ hiện đại, kinh doanh tổng hợp (cửa hàng tiện lợi) hoặc chuyên doanh lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng thiết yếu, tăng thời gian hoạt động phục vụ nhu cầu hàng ngày của người dân tại các khu vực vùng ven, ngoại thành, khu công nghiệp, khu chế xuất, các chung cư xây mới để thay thế dần các điểm kinh doanh tự phát; đồng thời khuyến khích sáp nhập hoặc nâng cấp cửa hàng tạp hóa theo mô hình các chuỗi cửa hàng bán lẻ hiện đại..

+ Phát triển hệ thống kho, cửa hàng bán lẻ xăng dầu đảm bảo các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành, đáp ứng nhu cầu dự trữ, cung ứng, tiêu thụ trên địa bàn toàn thành phố. Tiếp tục duy trì và đưa vào quy hoạch thời kỳ 2021-2030 các cửa hàng xăng dầu hiện tại đang hoạt động đảm bảo đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn; các dự án đầu tư cửa hàng kinh doanh xăng dầu đã được UBND thành phố chấp thuận chủ trương địa điểm, phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và các quy hoạch liên quan; các dự án đầu tư xây dựng mới gắn với các tuyến giao thông mới đáp ứng nhu cầu tiêu thụ xăng dầu trong giai đoạn tới.

+ Phát triển hệ thống kho, cơ sở kinh doanh khí tại các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Phát triển các cửa hàng khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) tập trung, có quy mô lớn, có thể kết hợp với cửa hàng xăng dầu để tiết kiệm quỹ đất, đảm bảo phòng chống cháy nổ và vệ sinh môi trường; giảm tối thiểu 20% các cửa hàng quy mô nhỏ ở khu vực đô thị. Chuẩn bị các điều kiện cần thiết về cơ sở vật chất và tổ chức quản lý, đáp ứng các điều kiện kinh tế - kỹ thuật và nhu cầu phát sinh trong sản xuất kinh doanh đối với kho khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG) và khí thiên nhiên nén (CNG).

- Đối với xuất nhập khẩu

+ Tạo dựng môi trường thuận lợi cho các hoạt động xuất nhập khẩu và -thương mại biên giới thông qua dành quỹ đất sạch để phát triển hạ tầng thương mại, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính theo hướng thông thoáng, hiện đại hóa công tác kiểm tra xuất nhập khẩu, kiểm nghiệm chất lượng hàng hóa tại các KKT cửa khẩu.

+ Tăng cường năng lực kinh doanh của đội ngũ thương nhân tại các KKT - cửa khẩu để thực hiện tốt chức năng phân phối hàng hóa, đặc biệt là phân phối bán buôn hàng hóa khối lượng lớn.

+ Nghiên cứu thành lập các khu Thương mại tự do tại Móng Cái, Vân Đồn,

Quảng Yên với chức năng và đề xuất giá trị khác nhau, phù hợp với thế mạnh của từng địa phương. Cụ thể, khu thương mại tự do tại khu vực Móng Cái, kết hợp với Đông Hưng (Trung Quốc) sẽ trở thành trung tâm thương mại và trung chuyển hàng hóa, cửa ngõ sang Trung Quốc của các địa phương khác trong nước và các nước trong khu vực Đông Nam Á. Với lợi thế sẵn có về vị trí chiến lược ở biên giới với Trung Quốc, hệ thống logistics bao gồm cảng biển, đường quốc lộ đang được tăng cường đầu tư phát triển, các chính sách ưu đãi của khu thương mại tự do như miễn thuế và thủ tục hải quan sẽ khiến Móng Cái trở thành trung tâm trung chuyển hấp dẫn với chi phí thấp. Trong khi đó, Vân Đồn sẽ trở thành trung tâm giải trí với hạ tầng vui chơi giải trí độc đáo sẵn có bao gồm casino, cửa hàng miễn thuế, sân bay đón khách du lịch kết hợp với chính sách mở cửa của khu thương mại tự do. Khu thương mại tự do Quảng Yên sẽ trở thành trung tâm sản xuất chế biến chế tạo ứng dụng công nghệ cao định hướng xuất khẩu với. Hiện tại Quảng Yên đã có hệ thống các KCN kết hợp với mạng lưới logistics mạnh (kết nối với sân bay Vân Đồn, Cát Bi và các đường cao tốc). Các chính sách phụ trợ của khu thương mại tự do sẽ bổ sung thêm ưu thế về chi phí sản xuất, giúp thu hút các nhà đầu tư chế biến chế tạo ứng dụng công nghệ cao tới Quảng Yên. Để triển khai thành công các khu thương mại tự do này, thành phố sẽ cần đề xuất nghiên cứu và thực hiện sớm lên Trung Ương, đi đầu trong việc định hình mô hình khu thương mại tự do cho Việt Nam và chủ động thúc đẩy hình thành các quy định pháp luật liên quan.

- Đối với thương mại điện tử

+ Xây dựng và hoàn thiện khung pháp lý về thương mại điện tử của thành phố trên cơ sở khung pháp lý cấp quốc gia để xây dựng hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, điều chỉnh một cách toàn diện và theo kịp thực tiễn phát triển của hoạt động thương mại điện tử.

+ Chú trọng phát triển và hoàn thiện hạ tầng thương mại điện tử trong hệ thống hỗ trợ giao dịch trực tuyến, tích hợp thanh toán, hóa đơn điện tử và các giải pháp xác thực thông tin giao dịch, triển khai trung tâm giải quyết tranh chấp kết hợp với thanh toán đảm bảo, hệ thống quản lý trực tuyến dịch vụ chuyển phát và hoàn tất đơn hàng.

+ Phát triển các sản phẩm và giải pháp công nghệ số để hỗ trợ doanh nghiệp triển khai ứng dụng trong từng công đoạn của chu trình kinh doanh, đồng thời phát triển các dịch vụ tích hợp dựa trên công nghệ tiên tiến như công nghệ thẻ thông minh, công nghệ Blockchain, công nghệ nhận dạng đối tượng và mã vạch.

+ Xây dựng chính sách khuyến khích ứng dụng thương mại điện tử trong các doanh nghiệp phân phối, logistics, đặc biệt trong việc truy xuất nguồn hàng vào hệ thống hạ tầng thương mại.

+ Hỗ trợ các đơn vị là các doanh nghiệp, hợp tác xã, các cơ sở sản xuất xây dựng phần mềm quản lý bán hàng, quản lý doanh nghiệp, marketing, logistics, tích hợp giải pháp thẻ thanh toán thương mại điện tử trên trang website...; xây dựng mô hình chuỗi cung ứng thông minh, vận dụng dữ liệu lớn để dự báo thị trường cho một số hàng nông sản chủ lực.

+ Chú trọng các sản phẩm, giải pháp thương mại điện tử để giúp các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ có thể triển khai, đặc biệt, hỗ trợ nâng cao năng lực cho doanh nghiệp xuất khẩu tham gia các sàn giao dịch thương mại điện tử uy tín trong và ngoài nước.

+ Tăng cường hợp tác quốc tế trong phát triển dịch vụ phân phối và hỗ trợ doanh nghiệp nội địa kết nối với các nền tảng thương mại điện tử quốc tế.

- Đối với xúc tiến thương mại

+ Tăng cường phát huy các sáng kiến kết nối cung cầu hàng hóa; hình thành các chuỗi liên kết dọc (liên kết thành một chuỗi giá trị, chuỗi cung ứng của một hoặc một nhóm sản phẩm, hàng hóa) và liên kết ngang (giữa những doanh nghiệp cùng ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh về một hoặc một nhóm hàng hóa; tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp sản xuất và doanh nghiệp phân phối, đặc biệt là giữa doanh nghiệp bán lẻ với các nhà sản xuất trong việc tạo nguồn hàng sản xuất trong nước với giá cả cạnh tranh và bảo đảm đủ tiêu chuẩn chất lượng để thỏa mãn nhu cầu mua sắm tiêu dùng ngày càng cao và đa dạng cũng như cung ứng cho các cơ sở bán lẻ, qua đó giảm sự phụ thuộc vào hàng hóa cùng loại nhập khẩu.

+ Định kỳ hàng năm tổ chức các hội chợ, triển lãm chuyên ngành đối với các sản phẩm OCOP có lợi thế của thành phố; hỗ trợ quảng bá, giới thiệu, mời gọi doanh nghiệp tham gia các hội chợ, triển lãm thương mại quan trọng, đáp ứng tiêu chí về quy mô gian hàng và tiêu chuẩn sản phẩm (hàng hóa trọng yếu, đặc sản vùng miền, sản phẩm OCOP, ...) hoặc các tuần bán hàng trực tuyến, phiên chợ trực tuyến; tổ chức thực hiện Chương trình Liên kết hàng Việt vào hệ thống phân phối của thành phố.

+ Tăng cường liên kết, hợp tác thương mại giữa thành phố Quảng Ninh với các tỉnh, thành khác ở khu vực phía Bắc và cả nước (Hà Nội, Hải Phòng, Bắc Ninh, Lạng Sơn,...).

## **2.6. Dịch vụ Logistics**

### **a) Mục tiêu phát triển**

- Mục tiêu tổng quát: Đến năm 2030, Quảng Ninh là trung tâm logistics, cửa ngõ trung chuyển vận tải đa phương thức kết nối với Trung Quốc, Đông Bắc Á và ASEAN.

- Mục tiêu cụ thể: Hình thành thêm tối thiểu 3 trung tâm logistics trên địa bàn thành phố; Tỷ lệ lao động trong lĩnh vực logistics đã qua đào tạo nghề cao hơn bình quân chung của thành phố; Thặng dư cán cân thương mại hàng hóa xuất nhập khẩu; Khối lượng hàng hóa vận chuyển bằng đường bộ và thủy nội địa (tại các cảng do địa phương quản lý) đạt trên 164 triệu tấn; Khối lượng hàng hóa luân chuyển bằng đường bộ và thủy nội địa (tại các cảng do địa phương quản lý) đạt trên 12,5 tỷ tấn.

### **b) Định hướng phát triển**

- Thị trường dịch vụ logistics: Hình thành và phát triển thị trường dịch vụ logistics trọn gói 3PL với giá cả cạnh tranh; phát huy lợi thế hệ thống cảng biển, phát triển các dịch vụ cảng, xây dựng mối liên kết phát triển logistics bên trong

và bên ngoài khu vực cảng; tăng cường kết nối cửa khẩu, hàng không và đường sắt, kết nối các tuyến quốc lộ với mạng lưới đường bộ để phát triển đa dạng các loại dịch vụ logistics đáp ứng nhu cầu sản xuất và xuất khẩu từ các KCN, CCN, KKT; tích hợp sâu các dịch vụ logistics với các ngành sản xuất, xuất nhập khẩu và lưu thông hàng hóa.

- Mạng lưới trung tâm logistics: Hình thành mạng lưới trung tâm logistics phục vụ lưu trữ, bảo quản, vận chuyển hàng hóa phục vụ hoạt động sản xuất, tiêu dùng; phát triển các trung tâm logistics phục vụ trung chuyển hàng hóa giữa thành phố Quảng Ninh với các tỉnh/thành khác ở khu vực phía Bắc, trung chuyển hàng hóa xuất - nhập khẩu thông qua địa bàn thành phố Quảng Ninh gắn với quy hoạch phát triển hệ thống cảng sông, cảng biển của thành phố; phát triển sân bay Vân Đồn thành trung tâm logistics kết nối Quảng Ninh với các tỉnh, thành khác trong nước cũng như các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á.

- Doanh nghiệp logistics: Khuyến khích thành lập các doanh nghiệp logistics trên địa bàn thành phố, phát triển các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ logistics theo hướng tăng về số lượng, quy mô, trình độ nhân lực và có năng lực cạnh tranh cao ở thị trường trong nước và quốc tế; hỗ trợ các doanh nghiệp phát triển dịch vụ logistics theo hướng hiện đại, chuyên nghiệp nhằm đảm bảo sức cạnh tranh trên thị trường trong nước, từng bước nâng cao số lượng doanh nghiệp cung cấp dịch vụ logistics trọn gói.

### c) Giải pháp phát triển

Tiếp tục duy trì và củng cố các trung tâm logistics đã được thành lập (Hạ - Long, Móng Cái, Bình Liêu), hình thành các trung tâm logistics mới (Quảng Yên, Vân Đồn và Hải Hà), tiến tới phát triển thêm các trung tâm logistics mới; hình thành và phát triển trung tâm logistics vùng và liên vùng ở KKT ven biển Quảng Yên, KKT ven biển Vân Đồn và KKT cửa khẩu Móng Cái.

Hoàn thiện khung pháp lý và chính sách hỗ trợ phát triển dịch vụ logistics: thành phố cần tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật về dịch vụ logistics trên cơ sở khung pháp lý cấp quốc gia để xây dựng hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, điều chỉnh một cách toàn diện và theo kịp thực tiễn phát triển các dịch vụ logistics trên địa bàn thành phố; thành phố có thể học tập kinh nghiệm phát triển logistics từ Singapore, Nhật Bản và Trung Quốc và áp dụng phù hợp với bối cảnh của thành phố; đẩy mạnh cải cách hành chính, đặc biệt là các thủ tục liên quan đến tổ chức và hoạt động cung ứng dịch vụ logistics; cải cách dịch vụ hải quan theo hướng hiện đại, đồng bộ (hệ thống hải quan tự động, cơ chế Một cửa Quốc gia, một cửa ASEAN,... nhằm nâng cao tính kết nối liên thành phố, liên vùng và liên quốc gia và cắt giảm thời gian và chi phí logistics); khuyến khích đầu tư trong và ngoài nước vào dịch vụ logistics; khuyến khích PPP trong phát triển dịch vụ vận tải và dịch vụ logistics.

Thành lập Ban Chỉ đạo Logistics Quảng Ninh với vai trò là đầu mối xây dựng, chỉ đạo thực hiện chiến lược tổng thể phát triển ngành logistics trên địa bàn thành phố, kế hoạch phát triển các trung tâm logistics, hệ thống cảng,...

Phát triển hạ tầng logistics: nâng cấp và kết nối đồng bộ cơ sở hạ tầng thông

qua quy hoạch hợp lý cảng biển, nâng cấp hạ tầng cảng biển tại Hải Hà, Cẩm Phả, Quảng Yên để hình thành cảng vận tải container, nâng cấp và mở rộng tuyến đường sắt và mạng lưới đường bộ ở Đông Triều, Uông Bí, Quảng Yên nhằm tăng cường kết nối các phương thức vận tải trong chuỗi vận tải đa phương thức; hình thành khu trung chuyển hàng hóa tại khu vực biên giới để xuất khẩu hàng hóa nông sản, thủy sản,...; ưu tiên quỹ đất để xây dựng, mở rộng và nâng cấp kho, bãi; kết hợp logistics với thương mại điện tử; phát triển đa dạng các trung tâm phân phối tại các đô thị lớn nhằm phục vụ thị trường bán lẻ và các trung tâm logistics nhằm phục vụ các KCN và KCX; thiết lập mạng lưới trung tâm phân phối nhiều cấp, gồm cảng cạn, kho và bãi hàng hóa cũng như các tuyến vận tải thu gom hàng hóa trong các đô thị lớn; chú trọng triển khai dịch vụ logistics trên nền tảng công nghệ thông tin; coi trọng việc ứng dụng hệ thống EDI (phương tiện phục vụ cho việc xử lý, lưu trữ dữ liệu và liên lạc) trong logistics; ứng dụng hiệu quả các phần mềm mới như RFID, Barcode,...

Phát triển sân bay Vân Đồn thành trung tâm logistics của Việt Nam và hướng tới là điểm trung chuyển cho khu vực Đông Nam Á. Hiện tại, dịch vụ vận chuyển hành khách tại sân bay Vân Đồn còn tương đối khiêm tốn so với các sân bay lân cận (Cát Bi, Nội Bài). Tuy nhiên, sân bay Vân Đồn có tiềm năng và lợi thế về thời cơ để phát triển vận tải hàng hóa với ga hàng hóa sẵn sàng hoạt động nhưng chưa đạt công suất tối đa (trong khi cảng hàng hóa của sân bay Cát Bi vẫn đang trong quá trình quy hoạch, xây dựng). Do đó, cần nhanh chóng thúc đẩy việc phát triển sân bay Vân Đồn theo hướng tập trung dịch vụ logistics để nắm bắt lợi thế đi đầu. Để nâng tầm sân bay Vân Đồn thành trung tâm logistics hàng không, thực hiện ba bước chiến lược, giải quyết ba vấn đề chính về nhu cầu vận tải, khả năng kết nối và hệ thống xử lý & kho mặt đất như sau:

- Thứ nhất, thành phố cần nâng cao nhu cầu vận tải qua sân bay Vân Đồn qua việc xác định và phát triển nhu cầu vận tải hàng hóa hàng không trong nước & khu vực. Cụ thể, thành phố có thể thu hút nhu cầu địa phương từ các KCN sản xuất sản phẩm may mặc thành phẩm phía Đông Bắc, sản xuất linh kiện điện tử công nghệ cao phía Tây Nam và thành phẩm thủy hải sản giá trị cao tại Tân Lập Vân Đồn. Bước đầu, thành phố cần có những chính sách khuyến khích các nhà sản xuất tiềm năng này vận chuyển hàng hóa qua sân bay Vân Đồn, tạo cơ sở cho hợp tác lâu dài. Ngoài ra, thành phố sẽ chủ động tạo ra nhu cầu mới bằng cách hợp tác với các doanh nghiệp thương mại điện tử lớn để xây dựng các kho trung chuyển ngay tại sân bay.

- Thứ hai, để tăng khả năng kết nối của sân bay Vân Đồn, thành phố sẽ đặt quan hệ hợp tác với các đơn vị vận hành sân bay chuyên nghiệp cùng với các chính sách ưu đãi cho hãng hàng không. Các đơn vị vận hành này sẽ giúp thiết kế các chính sách ưu đãi phù hợp để thu hút các hãng hàng không khai thác nhiều tuyến bay đa dạng tại Vân Đồn như ưu đãi phí sân bay, hoàn phí, trợ giá trực tiếp, hỗ trợ hoạt động tiếp thị, kết nối hoạt động du lịch, bảo đảm doanh thu.

- Cuối cùng, để kiện toàn khả năng xử lý và kho bãi mặt đất, thành phố cần tìm kiếm bên thứ 3 cung cấp dịch vụ mặt đất chuyên nghiệp có khả năng bốc dỡ, xử lý hàng hóa hiệu quả an toàn và có khả năng xử lý các hàng hóa đặc biệt như thực phẩm, dược phẩm

## **2.7. Dịch vụ ngân hàng, tài chính, bảo hiểm**

### **a) Mục tiêu phát triển**

- Mục tiêu tổng quát: Quảng Ninh trở thành một trung tâm tài chính hiện đại, tầm cỡ quốc tế; phấn đấu phát triển dịch vụ ngân hàng - tài chính - bảo hiểm trở thành dịch vụ hỗ trợ đắc lực cho các hoạt động sản xuất và tiêu dùng; có các sản phẩm tài chính đa dạng được tận dụng tối đa và mức độ phủ sóng các dịch vụ tài chính điện tử cùng hạ tầng thanh toán hàng đầu Việt Nam, sánh ngang các thành phố lớn như Hà Nội và Hồ Chí Minh.

- Mục tiêu cụ thể: Quảng Ninh phấn đấu phát triển dịch vụ ngân hàng - tài chính - bảo hiểm chiếm tỷ trọng từ 10 đến 15% trong cơ cấu ngành Dịch vụ của thành phố; Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản thanh toán điện tử đạt 99%.

### **b) Định hướng phát triển**

- Thứ nhất, Quảng Ninh hướng tới hình thành, mở rộng và hiện đại hóa các trung tâm tài chính, ngân hàng, bảo hiểm lớn tại Hạ Long, Móng Cái và Vân Đồn thành các trung tâm tầm cỡ quốc gia, tận dụng các thế mạnh và cơ hội sẵn có ở từng địa phương.

- Thứ hai, Quảng Ninh thúc đẩy tài chính, ngân hàng, bảo hiểm số trong bối cảnh chuyển đổi số của thành phố, theo đó phát triển dịch vụ tài chính - ngân hàng, bảo hiểm cần chuyển đổi từ mô hình kinh doanh truyền thống sang mô hình kinh doanh số, đồng thời cung ứng sản phẩm và dịch vụ trên nền tảng số nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng. Cụ thể, thành phố cần phát triển các dịch vụ tài chính dựa trên nền tảng công nghệ tự động hóa, kết nối đa chiều và thông minh hóa của công nghệ hiện đại, hướng tới triển khai rộng rãi các công nghệ tài chính, bảo hiểm (fintech, insurtech).

- Thứ ba, Quảng Ninh cần chú trọng phát triển thanh toán điện tử để phục vụ thương mại điện tử theo hướng hoàn thiện, tăng cường kết nối giữa hạ tầng thanh toán điện tử của hệ thống ngân hàng với hạ tầng thanh toán của các đơn vị khác trong các ngành dịch vụ (xem thêm tại mục Thông tin truyền thông).

- Thứ tư, Quảng Ninh phát triển các kênh cung cấp vốn cho thị trường, mở rộng hệ thống các nhà đầu tư, đặc biệt với các nhà đầu tư là các tổ chức lớn. Đồng thời, thành phố cần phát triển đầy đủ các định chế tài chính trung gian, cũng như đa dạng hoá các dịch vụ cung cấp và chuyển đổi mô hình kinh doanh của các ngân hàng thương mại theo hướng từ độc canh tín dụng sang đa dạng hóa dịch vụ tài chính phi tín dụng như dịch vụ quản lý tài sản, chứng khoán.

- Thứ năm, thành phố cần đẩy mạnh hoạt động tín dụng xanh, công cụ tài trợ các chương trình thân thiện với môi trường để hỗ trợ nền kinh tế - xã hội thiết thực, thúc đẩy thành phố tiến đến phát triển kinh tế đồng đều với môi trường.

### **c) Giải pháp phát triển**

- Thứ nhất, phát triển, hiện đại hóa các trung tâm tài chính, ngân hàng, bảo hiểm thông qua việc thu hút các ngân hàng và công ty tài chính đặt trụ sở tại thành phố thay vì chỉ đặt các chi nhánh nhỏ. Chính quyền thành phố có vai trò quan trọng trong việc

hỗ trợ về mặt tài chính và điều tiết các quy định liên quan để tạo động lực cho các công ty tài chính, ngân hàng, bảo hiểm. Cụ thể, Quảng Ninh cần hoàn thiện, tăng cường sự minh bạch, rõ ràng trong hệ thống pháp luật, chính sách dựa vào hệ thống luật pháp và chính sách quốc gia về ngân hàng - tài chính. Bên cạnh đó, thành phố có thể đưa ra các gói hỗ trợ tài chính cho các công ty tài chính thành lập trụ sở tại thành phố bao gồm mức phí thành lập, thuế doanh nghiệp ưu đãi.

- Thứ hai, đưa chuyển đổi số vào ngành ngân hàng, tài chính, bảo hiểm qua việc số hóa hệ thống tài chính ngân hàng, đẩy mạnh phát triển các dịch vụ fintech, insurtech. Thành phố có thể đẩy mạnh số hóa bắt đầu từ Quỹ hưu trí Quảng Ninh, phát triển app, thực hiện thanh toán điện tử,... Bên cạnh đó, Quảng Ninh có thể thu hút các công ty fintech và insurtech về hoạt động tại Khu công nghệ cao Tuần Châu. Khu CNC Tuần Châu cần được quảng bá rộng rãi tới các doanh nghiệp fintech và insurtech tiềm năng với ưu thế về hệ sinh thái công nghệ đang dần được hoàn thiện với điều kiện sống hiện đại. Ngoài ra, để thực hiện chuyển đổi số trong ngành tài chính, ngân hàng và bảo hiểm, thành phố cần xây dựng nguồn nhân lực với kiến thức và kỹ năng về công nghệ cao thông qua các chương trình đào tạo cho đội ngũ hiện tại và các chính sách hấp dẫn thu hút nhân tài công nghệ.

- Thứ ba, tăng cường hợp tác với các ngân hàng thương mại, các công ty trong lĩnh vực xử lý thanh toán (ví dụ, Mastercard, Visa), cùng các nền tảng tài chính điện tử (ví dụ, ví điện tử MoMo, GrabPay) để đẩy mạnh độ phủ sóng của hạ tầng thanh toán cũng như tăng cường hành vi thanh toán điện tử với các dịch vụ trên địa bàn thành phố Quảng Ninh.

## **2.8. Nông, lâm nghiệp và thủy sản**

### **a) Mục tiêu phát triển**

- Mục tiêu tổng quát: Đến năm 2030, nền nông nghiệp Quảng Ninh phát triển theo hướng hiện đại, bền vững, sản xuất hàng hóa lớn, áp dụng khoa học công nghệ để nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh của các sản phẩm nông, lâm, thủy sản. Phát triển nền nông nghiệp sinh thái xanh - sạch, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh, lấy người nông dân làm chủ thể, trung tâm. Thủy sản sẽ trở thành ngành mũi nhọn gắn với thế mạnh kinh tế biển. Các khu nông nghiệp và vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, các cơ sở chế biến thực phẩm quy mô lớn sẽ gia tăng giá trị đầu ra cho nông nghiệp, đáp ứng cả tiêu dùng trong nước và các thị trường xuất khẩu. Chuỗi cung cấp thực phẩm an toàn, chuỗi giá trị được hình thành, truy xuất được nguồn gốc, góp phần nâng hiệu quả sản xuất nông nghiệp, bảo đảm an ninh lương thực, giảm thiểu nguy cơ ô nhiễm môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Mục tiêu cụ thể: Tăng trưởng GTSX nông nghiệp 3,0-4,0%/năm; Giá trị sản phẩm (hiện hành)/ha đất nông nghiệp 200 triệu đồng; Tỷ lệ gia súc, gia cầm được giết mổ tập trung đạt 100%; Cơ sở chăn nuôi, giết mổ, chế biến không gây ô nhiễm môi trường đạt 100%; Tỷ lệ nuôi công nghiệp đối với đàn lợn đạt và đàn gia cầm đạt 80%; Tăng trưởng GTSX ngành lâm nghiệp đạt 4-5%/năm.

### **b) Định hướng phát triển**

- Về định hướng phát triển không gian: Trồng trọt và chăn nuôi sẽ phân bố

chủ yếu ở vùng đồng bằng ven biển, kết nối với các trung tâm khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (04 khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao: 01 ở Đông Triều, 02 ở Đầm Hà, 01 ở Tiên Yên), các trung tâm chế biến - logistic nông nghiệp và thị trường tiêu thụ tại các đô thị trong và ngoài thành phố. Tập trung phát triển ngành nuôi trồng thủy sản ở Tiên Yên và Đầm Hà; Xây dựng các trung tâm chế biến thủy sản tại Vân Đồn, Đầm Hà. Tiếp tục định hướng duy trì không gian rừng hiện có; nâng cao chất lượng và phát triển cây gỗ lớn và cây dược liệu dưới tán.

#### - Về động lực phát triển

Ngành trồng trọt phát triển theo hướng bảo đảm an ninh lương thực cho người dân, đồng thời bảo đảm cân bằng dinh dưỡng, an toàn thực phẩm; Sản xuất tập trung gắn với bảo quản, chế biến và tiêu thụ theo chuỗi giá trị trên cơ sở phát huy lợi thế sản phẩm và lợi thế vùng, địa phương; cơ cấu lại hệ thống tổ chức sản xuất, thu mua, chế biến, tiêu thụ sản phẩm; khuyến khích doanh nghiệp liên kết, ký kết hợp đồng sản xuất, tiêu thụ nông sản với nông dân. Phát triển sản xuất theo chuỗi đối với các sản phẩm chủ lực của ngành trồng trọt; đồng thời khuyến khích phát triển nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ; Mở rộng diện tích sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp thông minh.

Ngành chăn nuôi duy trì phát triển đa dạng các sản phẩm chăn nuôi có lợi thế theo vùng, khu vực của thành phố, chú trọng các sản phẩm đặc trưng có lợi thế, gắn chăn nuôi với giết mổ tập trung đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, gắn vùng nguyên liệu với các nhà máy chế biến đã quy hoạch, tạo sản phẩm có giá trị gia tăng cao phục vụ du lịch và xuất khẩu; kết hợp giữa chăn nuôi và bảo vệ môi trường, phòng chống dịch bệnh nguy hiểm từ vật nuôi, thủy sản lây sang người. Chú trọng đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển chăn nuôi, cơ sở sản xuất giống, sản xuất thức ăn, logistics..., tạo chuỗi liên kết chặt chẽ trong chăn nuôi; củng cố kiện toàn tổ chức bộ máy về chăn nuôi và thú y tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả từ thành phố đến cơ sở; rà soát cơ chế chính sách thúc đẩy chăn nuôi, phòng chống dịch bệnh, vật nuôi.

Ngành thủy sản thành phố Quảng Ninh trở phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa lớn, hiện đại và bền vững; nâng cao tỷ trọng giá trị sản lượng nuôi trồng thủy sản, có các hình thức tổ chức sản xuất theo chuỗi hợp lý; Quảng Ninh thành Trung tâm thủy sản Miền Bắc. Có năng suất, chất lượng sản phẩm và giá trị gia tăng cao đáp ứng yêu cầu của thị trường trong nước và xuất khẩu; Bảo vệ môi trường sinh thái và phục hồi nguồn lợi thủy sản, từng bước nâng cao đời sống ngư dân, góp phần bảo vệ quốc phòng, an ninh trên vùng biển, hải đảo.

Ngành lâm nghiệp của thành phố phát triển theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế - xã hội - môi trường của từng loại rừng, tăng giá trị rừng sản xuất trên đơn vị diện tích; đưa Quảng Ninh trở thành trung tâm chế biến, xuất khẩu đồ gỗ của Miền Bắc. Góp phần giảm nhẹ thiên tai, bảo vệ môi trường sinh thái, bảo tồn đa dạng sinh học; ứng phó với BĐKH và nước biển dâng; Phát triển bền vững du lịch sinh thái. Xã hội hóa hoạt động lâm nghiệp, bảo đảm hài hòa giữa lợi ích của Nhà nước với lợi ích của chủ rừng, tổ chức, cá nhân hoạt động lâm nghiệp. Tổ chức liên kết theo chuỗi từ bảo vệ rừng, phát triển rừng, sử dụng rừng đến chế biến và thương mại lâm sản để nâng cao giá trị rừng.

Phát triển công nghiệp chế biến nông lâm thủy sản của thành phố theo hướng gắn giữa sản xuất với chế biến sâu, tiêu thụ theo chuỗi giá trị sản phẩm. Đầu tư phát triển ngành công nghiệp chế tạo máy và thiết bị phụ trợ cho ngành nông nghiệp theo hướng chuyên sâu; hình thành và phát triển hệ thống logistics đồng bộ nhằm nâng cao giá trị và sức cạnh tranh hàng nông sản. Xây dựng các vùng nguyên liệu chuyên canh cung cấp cho các nhà máy chế biến. Tăng cường ứng dụng, chuyển giao tiến bộ, khoa học công nghệ vào chế biến, bảo quản nông sản. Rà soát, hoàn thiện và đảm bảo nguồn lực thực hiện các cơ chế, chính sách về đất đai, tín dụng, thuế, bảo hiểm nông nghiệp và thủ tục hành chính nhằm thu hút mạnh mẽ hơn nữa đầu tư của khu vực kinh tế tư nhân và chế biến nông lâm thủy sản; tiếp tục hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng, đa dạng hóa thị trường xuất khẩu nông sản đồng thời khai thác tốt thị trường tiêu thụ nông sản trong nước và nội thành.

### c) Giải pháp

#### - Đối với ngành trồng trọt

Phát triển các nhóm nông dân hợp tác tự nguyện, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị. Hỗ trợ tập huấn, khuyến nông và các dịch vụ tư vấn nhằm nâng cao kỹ thuật trồng, chăm sóc và thu hoạch cho nông dân. Thúc đẩy phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung có áp dụng thành tựu khoa học công nghệ mới ở Đông Triều.

Tái cơ cấu ngành trồng trọt theo chiều sâu, tăng giá trị gia tăng và bền vững bằng việc tăng năng suất, chất lượng, giảm giá thành, thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP), hữu cơ, phù hợp thị hiếu của người tiêu dùng. Phát triển sản xuất theo chuỗi đối với các sản phẩm chủ lực của ngành trồng trọt; Đồng thời khuyến khích phát triển nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ; mở rộng diện tích sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp thông minh đồng thời tiếp tục xây dựng và chuyển giao đồng bộ các mô hình chuyển đổi đất trồng cây hiệu quả thấp sang trồng cây có hiệu quả cao hơn (rau, hoa).

Duy trì ổn định diện tích cây có hạt đến năm 2030 diện tích gieo trồng từ 43-45 ngàn ha (lúa: 35-37 ngàn ha, ngô: 8 ngàn ha), sản lượng lương thực cây có hạt từ 210-220 ngàn tấn. Đưa các giống mới với năng suất và chất lượng cao vào sản xuất, thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên 3.200 ha đất trồng lúa sang trồng cây hàng năm, cây ăn quả có giá trị kinh tế cao hơn để tăng giá trị sản phẩm lương thực hàng hoá và góp phần tăng giá trị sản xuất trên đơn vị diện tích đất đai.

Tiếp tục duy trì sản xuất rau và đậu các loại (nhất là cây vụ Đông) trên diện tích 115.000 ha theo hướng tăng tỷ suất hàng hoá; Ứng dụng công nghệ tiên tiến theo hướng nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, sản xuất theo chuỗi. Tập trung thâm canh diện tích cây ăn quả và các loại cây dài ngày khác hiện có, trồng mới thay thế những loại cây có giá trị và năng suất thấp, đẩy nhanh tiến độ hình thành các trang trại kết hợp nuôi thủy sản với trồng cây trồng ăn quả có giá trị kinh tế cao đã được kiểm nghiệm như cam, vải, thanh long, na...

Phát triển vùng sản xuất tập trung có lợi thế của thành phố (nếp cái hoa vàng, lợn Móng Cái, gà Tiên Yên, rau củ, quả, hoa, cây cảnh...), vùng sản xuất lúa, gạo chất lượng cao gắn với chế biến, xây dựng thương hiệu sản phẩm tiến tới phát triển

nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp hữu cơ, gắn chế biến sâu, kết hợp với du lịch, dịch vụ nông nghiệp. Phát triển vùng sản xuất cây trồng đặc hữu có giá trị kinh tế cao: vùng trồng hoa, cây cảnh tại Đông Triều, Hạ Long; vùng trồng trà hoa vàng, ba kích, cây dược liệu khác tại Hạ long, Ba chẽ, Đầm Hà.

- Đối với ngành chăn nuôi

Phát triển ngành chăn nuôi, đặc biệt là chăn nuôi an toàn, gia tăng quy mô và chất lượng đàn vật nuôi. Phát triển chăn nuôi theo hướng trang trại tập trung, ứng dụng công nghệ cao theo chuỗi giá trị. Di dời các cơ sở chăn nuôi nhỏ lẻ trong khu dân cư, các khu vực không được phép chăn nuôi theo Luật Chăn nuôi. Áp dụng mô hình sản xuất theo hợp đồng và xây dựng khu chăn nuôi tập trung đảm bảo khoảng cách theo quy định; đảm bảo chuỗi liên kết liên kết chặt chẽ với chế biến thực phẩm ứng dụng công nghệ cao. Nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ theo hướng an toàn, bền vững, tạo ra sản phẩm chăn nuôi có chất lượng, giá trị hàng hóa cao gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

Phát triển đàn lợn tập trung tại các địa phương như: Đầm Hà, Hải Hà, Cẩm Phả, Tiên Yên, Ba Chẽ và Đông Triều. Phát triển các trang trại chăn nuôi tập trung giống lợn Móng Cái tại Móng Cái và các địa phương Hải Hà, Đầm Hà, Tiên Yên, Ba Chẽ, Đông Triều, Cẩm Phả.

Phát triển nguồn thức ăn tại chỗ hỗ trợ hiệu quả cho chăn nuôi trâu, bò. Chuyển đổi diện tích cây trồng kém hiệu quả, các vùng khó khăn về nước tưới, vùng đồi núi sang trồng cỏ, ngô sinh khối để nuôi trâu, bò sinh sản, vỗ béo dưới hình thức tổ hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp. Tập trung phát triển đàn trâu, bò tại các địa phương: Bình Liêu, Ba Chẽ, Móng Cái, Hải Hà, Đầm Hà, Đông Triều, Đông Sơn, Kỳ Thượng, Tân Dân, Quảng La; ổn định đàn trâu và không khuyến khích tăng đàn, phát triển chăn nuôi trâu theo hướng nâng cao tầm vóc, chất lượng nhằm tạo ra khối lượng sản phẩm hàng hóa lớn. Thu hút doanh nghiệp đầu tư vào khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao chăn nuôi bò sữa tập trung và liên kết với người dân tại Đầm Hà với quy mô khoảng 350 ha.

Phát triển đàn dê phù hợp với điều kiện tự nhiên sinh thái của một số địa phương vùng cao với nguồn thức ăn tự nhiên dồi dào như Bình Liêu, Tiên Yên và Ba Chẽ; phát triển đàn ong lấy mật tại một số địa phương ở Hạ Long, Tiên Yên và Bình Liêu. Phát triển mạnh đàn gia cầm cả về quy mô tổng đàn lẫn chất lượng sản phẩm, cả về cơ cấu chủng loại giống và sản phẩm lẫn phương thức chăn nuôi. Xây dựng, phát triển các trang trại chăn nuôi gà siêu thịt, siêu trứng và chăn nuôi gà thả vườn đồi theo quy mô an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh và đạt tiêu chuẩn VietGAP tại một số địa phương Tiên Yên, Đầm Hà, Hải Hà, Móng Cái, Ba Chẽ, Bình Liêu, Cẩm Phả và Đông Triều.

Xây dựng hệ thống mạng lưới cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung với dây chuyền giết mổ hiện đại (tự động, bán tự động) đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, có trách nhiệm với người tiêu dùng và không gây ô nhiễm môi trường. Hướng tới xóa bỏ các cơ sở giết mổ nhỏ lẻ, giết mổ thủ công trong khu dân cư.

### - Đối với ngành lâm nghiệp

Đẩy mạnh trồng rừng gỗ lớn; Hoàn thiện các chính sách hỗ trợ phát triển, bảo tồn các loại cây rừng bản địa đặc hữu, cây dược liệu có giá trị kinh tế cao. Xây dựng và phát triển thương hiệu gỗ và lâm sản ngoài gỗ. Đổi mới công nghệ chế biến sâu, nâng cao chất lượng sản phẩm lâm sản, hạn chế tối đa tiến tới dừng việc sản xuất, chế biến dăm gỗ và gỗ ván ép... Thu hút các doanh nghiệp lớn đầu tư theo chu trình khép kín, bền vững; tạo các sản phẩm theo chuỗi có giá trị kinh tế cao.

Bảo vệ và quản lý chặt chẽ, kết hợp với tăng cường các biện pháp trồng mới, phục hồi, tái sinh các khu rừng tự nhiên ở Hạ Long, Vân Đồn, Tiên Yên, Đàm Hà, Ba Chẽ, Cô Tô; Vĩnh Trung, Vĩnh Thực, Cái Chiên,... Quản lý chặt chẽ các khu bảo tồn thiên nhiên, nhất là Khu bảo tồn thiên nhiên Đồng Sơn - Kỳ Thượng; Bảo tồn diện tích rừng là nguồn sinh thủy của các hồ, đập, đặc biệt là rừng phòng hộ Yên Lập. Kết hợp giữa phát triển kinh tế lâm nghiệp bền vững với dịch vụ, du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, khai thác dịch vụ môi trường rừng và bản sắc văn hoá dân tộc để tạo ra giá trị kinh tế cao nhất.

Quản lý chặt chẽ đất bãi triều, diện tích rừng ngập mặn; lập quy hoạch tổng thể và kế hoạch sử dụng đất và tài nguyên vùng bãi triều hợp lý, bền vững. Không chuyển mục đích sử dụng bãi triều, rừng ngập mặn sang nuôi trồng thủy sản và các mục đích khác gây nguy cơ suy thoái, hủy hoại rừng ngập mặn và ảnh hưởng đến nguồn sinh kế của cộng đồng. Khuyến khích phát triển các mô hình nuôi thủy sản bền vững kết hợp bảo vệ rừng ngập mặn theo quy hoạch. Thu hồi diện tích nuôi trồng thủy sản không hiệu quả tạo quỹ đất phát triển rừng ngập mặn; đẩy mạnh trồng rừng ngập mặn, rừng phòng hộ ven biển, ven sông bằng công nghệ mới, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật đảm bảo chất lượng, hiệu quả rừng trồng mới, nhất là tại các khu vực Tuần Châu, vịnh Cửa Lục,... Triển khai thực hiện các loại hình dịch vụ được cung ứng từ rừng để tái đầu tư phát triển rừng ngập mặn.

### - Đối với ngành thủy sản

Phát triển bền vững theo hướng xã hội hóa nhằm huy động tối đa sự tham gia của các thành phần kinh tế trong và ngoài nước đầu tư vào phát triển các lĩnh vực thủy sản, trong đó chú trọng gắn kết ngư dân, người sản xuất quy mô nhỏ với cộng đồng và chuỗi sản xuất nâng nhằm nâng cao đời sống và sinh kế bền vững cho ngư dân. Phát triển kinh tế thủy sản trên cơ sở khai thác hiệu quả, bền vững những tiềm năng, lợi thế các nguồn tài nguyên của thành phố, gắn việc khai thác và sử dụng hợp lý với việc tái tạo, bảo vệ nguồn lợi thủy sản và cảnh quan sinh thái giảm thiểu tác động của thiên tai và BĐKH. Phát triển kinh tế thủy sản trên những vùng biển, đảo có tiềm năng gắn với nhiệm vụ bảo đảm quốc phòng, giữ vững độc lập, chủ quyền, an ninh quốc gia trên biển.

Tiếp tục phát triển các đối tượng chủ lực và các loài thủy sản có giá trị kinh tế theo chuỗi và gắn với bảo vệ môi trường sinh thái, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu; dịch chuyển phương thức sản xuất để tạo khối lượng sản phẩm lớn phục vụ chế biến xuất khẩu và tiêu thụ nội địa.

Nuôi trồng thủy sản nội địa: Điều chỉnh hoạt động nuôi trồng thủy sản nội địa

cho phù hợp với nhu cầu của thị trường và các hoạt động kinh tế xã hội khác; tận dụng tiềm năng mặt nước, phát triển nuôi trồng thủy sản trên các hồ chứa; phát triển nuôi các loài cá truyền thống, cá bản địa, cá nước lạnh,... ở vùng nông thôn, miền núi có điều kiện sinh thái phù hợp nhằm chủ động nguồn cung thực phẩm, tạo việc làm, tăng thu nhập cho các hộ gia đình nông dân, đồng bào miền núi, góp phần xóa đói giảm nghèo; hình thành vùng nuôi trồng thủy sản tập trung ở các địa phương ven biển nhằm phát triển nuôi trồng các đối tượng chủ lực (tôm, cá rô phi, cá biển, nhuyễn thể) và các loài thủy sản có giá trị kinh tế theo hướng áp dụng công nghệ mới phù hợp nhằm giảm giá thành sản xuất, thân thiện môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu. Phân đầu đến năm 2030, diện tích nuôi trồng thủy sản nội địa đạt trên 19.000 ha.

Nuôi trồng thủy sản biển: Dịch chuyển theo hướng giảm mật độ nuôi vùng nuôi trồng thủy sản biển từ 3 hải lý trở vào và gắn với hoạt động kinh tế xã hội khác như du lịch, bảo vệ nguồn lợi thủy sản,...; tập trung phát triển theo phương thức, quy mô công nghiệp phù hợp với sức tải môi trường trong giới hạn 3 đến 6 hải lý và ngoài 6 hải lý. Thu hút đầu tư phát triển nuôi trồng thủy sản biển công nghiệp, công nghệ cao gắn với bảo vệ an ninh, quốc phòng tại các khu vực biển nằm ngoài 6 hải lý. Phân đầu đến năm 2030 diện tích nuôi biển đạt trên 9.280 ha.

Sản xuất, cung ứng vật tư nông nghiệp đầu vào dùng trong nuôi trồng thủy sản: Chủ động phát triển hệ thống sản xuất giống thủy sản chất lượng cao; ưu tiên phát triển giống các đối tượng nuôi chủ lực (tôm, cá rô phi, cá biển, nhuyễn thể), giá trị kinh tế cao, các loài mới có tiềm năng. Hình thành khu, vùng sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản theo vùng sinh thái tại Đông Triều, Quảng Yên, Vân Đồn, Đàm Hà, Móng Cái, Tiên Yên,...

Khuyến khích phát triển các mô hình nuôi trồng thủy sản áp dụng công nghệ mới, tiên tiến, giảm giá thành sản xuất, thân thiện môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; các mô hình nuôi hữu cơ, nuôi sinh thái, áp dụng các tiêu chuẩn chứng nhận thực hành nuôi trồng thủy sản tốt (GAP) để nâng cao giá trị và phát triển bền vững. Hình thành các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao về sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản; vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao về nuôi trồng thủy sản ở một số địa phương như Đàm Hà, Vân Đồn, Tiên Yên,...

Nâng cao năng lực quản lý và sản xuất nuôi trồng thủy sản theo hướng hiện đại, ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số trong quản lý, sản xuất giống, vật tư thủy sản, phòng trừ dịch bệnh, nuôi trồng thủy sản.

Phát triển hợp lý số lượng tàu cá theo hạn ngạch Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao và có sự hợp lý giữa số tàu thuyền vùng lộng, giảm nhanh số lượng tàu vùng ven bờ; Tổ chức sắp xếp liên kết phát triển các nghiệp đoàn nghề cá, tổ đội sản xuất, hợp tác xã gắn với đầu tư trang thiết bị hiện đại; ứng dụng công nghệ tiên tiến trong khai thác, quản lý tàu cá, nâng cao năng suất, giảm tổn thất sau thu hoạch và bảo vệ nguồn lợi thủy sản. Ưu tiên phát triển các nghề khai thác có hiệu quả, thân thiện với môi trường và nguồn lợi như dịch vụ, nghề câu, lưới vây, chụp mực,... Khuyến khích chuyển đổi sang các nghề nuôi biển, dịch vụ. Đến năm 2025 có 70% tàu vùng khơi tham gia liên kết sản xuất; Đến năm 2030 đạt 100% tàu thuyền vùng khơi tham gia liên

kết sản xuất trên biển và khoảng 100 tàu phục vụ câu giải trí hoặc tàu dịch vụ.

### **3. Định hướng phát triển văn hóa - xã hội**

#### **3.1. An sinh xã hội**

##### **a) Mục tiêu phát triển**

- Mục tiêu tổng quát: Đến năm 2030, về lĩnh vực giảm nghèo, Quảng Ninh phải phấn đấu từng bước cải thiện điều kiện sống của người nghèo, ưu tiên khu vực miền núi và đồng bào dân tộc thiểu số nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ và thu hẹp khoảng cách chênh lệch thu nhập. Về lĩnh vực bảo vệ, chăm sóc trẻ em và bình đẳng giới: Quảng Ninh phấn đấu đảm bảo thực hiện các quyền trẻ em, phát triển toàn diện trẻ em, đảm bảo thực hiện bình đẳng giới trong mọi lĩnh vực, giảm thiểu một cách thấp nhất sự bình đẳng giới. Về lĩnh vực bảo trợ xã hội, người có công, Quảng Ninh cần làm tốt công tác chăm sóc và trợ giúp các nhóm đối tượng yếu thế có hoàn cảnh đặc biệt, người có công và thành phố cần đặc biệt chú trọng đến nhóm trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật, người thất nghiệp, cũng như tăng cường vai trò cộng đồng trong công tác trợ giúp xã hội. Về lĩnh vực phòng chống tệ nạn xã hội, Quảng Ninh hướng tới đổi mới tư duy, nhận thức và phương thức quản lý đối tượng tệ nạn xã hội nhằm nâng cao hiệu quả công tác cai nghiện ma túy, quản lý đối tượng mại dâm và trợ giúp nạn nhân mua bán người.

##### **- Mục tiêu cụ thể:**

- + Tỷ lệ hộ nghèo của toàn thành phố năm 2030 < 1%;
- + Tỷ lệ người nghèo, cận nghèo, người dân tộc thiểu số, các đối tượng chính sách xã hội, người yếu thế và các đối tượng dễ bị tổn thương khác được tiếp cận với các dịch vụ an sinh xã hội cơ bản đạt 100%;
- + Tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được chăm sóc, nuôi dưỡng và trợ giúp đạt 100%;
- + Tỷ lệ xã/phường/đặc khu đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em đạt 75%;
- + Số người có công được hưởng đầy đủ các chế độ của nhà nước quy định cho người có công đạt 100%;
- + Tỷ lệ gia đình và người có công với cách mạng trên địa bàn toàn thành phố có mức sống cao hơn mức sống trung bình của người dân địa phương đạt 100%.

##### **b) Định hướng phát triển**

- Về công tác giảm nghèo, Quảng Ninh tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo và an sinh xã hội bền vững, cũng như thực hiện đồng bộ, toàn diện và hiệu quả các chương trình và dự án giảm nghèo. Thành phố hướng tới: (1) Nâng cao hiệu quả giảm nghèo bền vững, hạn chế tái nghèo và phát sinh hộ nghèo mới, (2) Đa dạng hóa sinh kế, tạo việc làm, khuyến khích và tạo điều kiện phát triển các mô hình khởi nghiệp cho người nghèo, (3) Tạo cơ hội cho người nghèo tiếp cận các chính sách trợ giúp về hạ tầng phục vụ sản xuất cũng như tiếp cận tín dụng và đào tạo nghề và (4) Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các hộ nghèo để họ có động lực vươn lên thoát nghèo.

- Về công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em và bình đẳng giới, thành phố phấn đấu bảo đảm thực hiện tốt các quyền trẻ em, phát triển toàn diện trẻ em, trẻ em được an toàn, khỏe mạnh, được học tập và phát huy tối đa tiềm năng của trẻ. Xây dựng phát triển nguồn lực tương lai có chất lượng, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế. Tạo lập môi trường sống an toàn, lành mạnh và thân thiện, giảm thiểu sự bất bình đẳng về cơ hội tiếp cận thông tin, các dịch vụ xã hội và tham gia các hoạt động xã hội của các trẻ em giữa các vùng miền. Về lĩnh vực bình đẳng giới, thành phố phấn đấu thu hẹp khoảng cách giới, tạo điều kiện và cơ hội để nữ giới tham gia và thụ hưởng bình đẳng với nam giới trong các lĩnh vực của đời sống xã hội; ngăn chặn sự gia tăng bạo lực trên cơ sở giới.

- Về công tác bảo trợ xã hội, thành phố chủ động hỗ trợ người dân trong các hoàn cảnh khó khăn do thiên tai và dịch bệnh để ổn định cuộc sống, đẩy mạnh xã hội hóa trong công tác từ thiện và nhân đạo để tạo điều kiện cho những người yếu thế vươn lên hòa nhập cộng đồng và tăng cường nguồn vốn đầu tư nâng cấp các dịch vụ xã hội cơ bản thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục, nhà ở, nước và vệ sinh môi trường, thông tin truyền thông và hạ tầng giao thông. Đồng thời, thành phố đảm bảo thực hiện đầy đủ các quyền trẻ em, cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được bảo vệ và chăm sóc, giữ môi trường an toàn và lành mạnh để trẻ em phát triển toàn diện, ngăn chặn và đẩy lùi các nguy cơ xâm hại trẻ em và đẩy mạnh cải thiện bình đẳng giới. Các cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, người cao tuổi không nơi nương tựa, người khuyết tật,... được xây dựng và mở rộng.

- Về phòng chống tệ nạn xã hội, Quảng Ninh phấn đấu đẩy mạnh các hoạt động trấn áp tội phạm, đặc biệt là tội phạm buôn bán và tàng trữ chất ma túy trên địa bàn để duy trì an ninh và trật tự xã hội. Cụ thể, thành phố hướng tới: (1) Tăng cường các hoạt động tuyên truyền giáo dục ý thức, phổ biến pháp luật toàn dân nói chung và đặc biệt thanh thiếu niên trong nhà trường nói riêng, (2) Đẩy mạnh công tác phòng chống tệ nạn xã hội, nhất là tệ nạn ma túy và mại dâm, (3) Đảm bảo người nghiện ma túy được cai nghiện hoặc điều trị thay thế; người bán dâm được giáo dục, chữa trị phục hồi sức khỏe và hành vi nhân cách và (4) Chú trọng đào tạo nghề cũng như hỗ trợ tìm kiếm việc làm cho các đối tượng sau cai nghiện ma túy, người bán dâm, nạn nhân bị mua bán nhằm giúp họ nhanh chóng hòa nhập với cộng đồng.

Nâng cao chất lượng sống mọi mặt của nhân dân, bảo đảm hài hòa giữa đời sống vật chất và đời sống văn hóa tinh thần theo các tiêu chí của hạnh phúc; không còn hộ nghèo theo chuẩn quốc gia và giảm nghèo bền vững.

### c) Giải pháp

Tăng cường triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và Chương trình tổng thể phát triển bền vững kinh tế - xã hội, bảo đảm vững chắc quốc phòng an ninh ở các xã, thôn, bản vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2022 - 2025 và Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn năm 2022. Tiếp theo, thành phố cần tăng cường hỗ trợ hộ nghèo về các điều kiện sống tối thiểu (ví dụ nhà ở, giáo dục, y tế), đồng thời khuyến khích tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện. Thêm

vào đó, thành phố cũng cần tăng cường năng lực quản lý các chương trình giảm nghèo thông qua các hoạt động đào tạo cho cán bộ.

Tiếp tục cải thiện an sinh xã hội và điều kiện sống của các gia đình người có công với cách mạng, những cộng đồng và nhóm yếu thế thông qua các biện pháp từ nhỏ đến lớn. Cụ thể, thành phố sẽ có các giải pháp, đặc biệt quan tâm đến người có công với cách mạng, trẻ em và phụ nữ như: (1) Tăng cường chăm sóc trẻ em đầu đời, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt; thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em; đẩy mạnh công tác bảo vệ trẻ em thông qua giáo dục kiến thức, kỹ năng bảo vệ trẻ em, phòng và chống tai nạn thương tích, bạo lực, xâm hại và buôn bán trẻ em; (2) Đẩy mạnh truyền thông nâng cao nhận thức cũng như thay đổi hành vi về bình đẳng giới, trợ giúp kịp thời nạn nhân bị bạo lực trên cơ sở giới, trẻ em bị xâm hại; (3) Hỗ trợ phụ nữ tạo việc làm và khởi nghiệp, tiếp cận tài chính, khoa học kỹ thuật và công nghệ để phát triển kinh tế; (4) Có chính sách đặc thù hỗ trợ phụ nữ, trẻ em và người yếu thế; (5) Nâng cao mức sống cho người có công với cách mạng.

Ưu tiên ban hành chính sách đặc thù cho công tác phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội; đổi mới phương thức quản lý và cải thiện công tác hỗ trợ các đối tượng dễ giải quyết những thách thức về đảm bảo trật tự an toàn và phòng chống tệ nạn xã hội; Nghiên cứu xây dựng khung định mức kinh tế - kỹ thuật theo đơn giá đặt hàng dịch vụ công về cai nghiện ma túy có chất lượng, thu hút người nghiện tham gia cai nghiện ma túy; trú trọng nâng cao năng lực và kỹ năng của các cán bộ công tác phòng chống tệ nạn xã hội. Tiếp theo, về các đối tượng mại dâm, thành phố có thể xem xét chuyển từ phát hiện xử lý đối tượng mại dâm theo hình thức hành chính sang hình thức tự khai báo và đăng ký nhận hỗ trợ điều trị, phục hồi tại các cơ sở y tế và câu lạc bộ hỗ trợ tái hòa nhập cộng đồng; nghiên cứu triển khai mô hình, hoạt động hỗ trợ chuyển đổi sinh kế cho nạn nhân bị mua bán trở về, người sau cai và người mại dâm hoàn lương hoà nhập cộng đồng.

Khuyến khích và đẩy mạnh xã hội hóa trong công tác xây dựng và mở rộng các cơ sở bảo trợ xã hội, trung tâm điều dưỡng cho người có công trên địa bàn. Trong giai đoạn 2021 - 2030, thành phố cần có kế hoạch cụ thể để xây dựng cơ sở 2 về bảo trợ xã hội tại khu vực miền Đông (Đầm Hà) để đáp ứng nhu cầu về chăm sóc và bảo trợ xã hội của người dân tại khu vực này và giảm tải cho các cơ sở hiện nay chủ yếu tập trung ở miền Tây. Bên cạnh đó, thành phố cần xây dựng hệ thống cơ sở chăm sóc trẻ mồ côi, khuyết tật, các trung tâm giáo dục cho trẻ vị thành niên theo định hướng kết hợp giữa đầu tư ngân sách với nguồn lực xã hội; đồng thời thí điểm phát triển các loại hình dịch vụ trong một số lĩnh vực đặc thù như: giáo dục chuyên biệt cho trẻ khuyết tật (mù, câm, điếc, tự kỷ nặng,...), chăm sóc sức khỏe cho người đồng tính, song tính và chuyển giới.

Đẩy mạnh tích hợp phần mềm và cảm biến Internet vạn vật vào thực tiễn quản lý giao thông và theo dõi an ninh, an toàn xã hội nơi công cộng để tăng hiệu quả an toàn giao thông đường bộ, an toàn xã hội nơi công cộng cũng như giảm yêu cầu về nhân sự trong việc thực thi luật giao thông và an ninh trật tự xã hội

Xúc tiến tổng thể các công tác phát triển an sinh xã hội nói chung, Quảng

Ninh tăng cường nguồn lực phát triển giáo dục nghề nghiệp thông qua.

### **3.2. Y tế và chăm sóc sức khỏe**

#### **a) Mục tiêu phát triển**

##### **- Mục tiêu tổng quát**

Đến năm 2030, Quảng Ninh sẽ trở thành trung tâm y tế khám chữa bệnh ban đầu và chuyên sâu của Việt Nam với các dịch vụ y tế chất lượng cao, hướng tới tiêu chuẩn quốc tế, ứng dụng khoa học và công nghệ kỹ thuật tiên tiến, đảm bảo nguồn nhân lực y tế dồi dào với năng lực chuyên môn cao.

##### **- Mục tiêu cụ thể**

+ Phát triển hệ thống y tế theo hướng hiện đại, bền vững, đồng bộ, đồng đều, cân đối giữa y tế dự phòng và y tế điều trị, giữa y tế phổ cập và y tế chuyên sâu. Hệ thống y tế của thành phố hướng tới nền y tế hiện đại với việc ứng dụng khoa học và công nghệ kỹ thuật tiên tiến nhất trong ngành y. Phát triển bền vững là quan điểm phát triển xuyên suốt của Việt Nam nhiều năm qua và trong thời gian tới; do đó ngành y tế cũng cần phát triển bền vững. Ngành y tế cũng cần phát triển đồng bộ theo hướng kiện toàn hệ thống y tế từ cấp thành phố đến xã, phường, đặc khu và phát triển đồng đều để không tạo ra sự chênh lệch giữa hệ thống y tế các cấp và các vùng miền. Bên cạnh đó, trong giai đoạn trước, nền y tế thành phố tập trung nhiều vào phát triển y tế điều trị và y tế phổ cập thì sang giai đoạn mới cần hướng vào phát triển y tế dự phòng và y tế chuyên sâu.

+ Chú trọng phát triển các dịch vụ y tế chất lượng cao, hướng tới tiêu chuẩn quốc tế trong bối cảnh Quảng Ninh đặt mục tiêu là thành phố có GRDP/người cao nhất miền Bắc và phấn đấu trở thành nơi đáng sống nhất khu vực phía Bắc trong giai đoạn tới. Đời sống của người dân không ngừng được cải thiện dẫn đến nhu cầu bảo vệ, chăm sóc sức khỏe của người dân ngày càng cao và đa dạng với các dịch vụ y tế chất lượng tốt, đạt tiêu chuẩn quốc tế.

+ Mọi tầng lớp người dân và du khách trong thành phố sẽ được tiếp cận thuận lợi với các dịch vụ y tế đa dạng và chất lượng cao. Quảng Ninh có địa hình đa dạng từ miền núi đến trung du và đồng bằng duyên hải, vùng ven biển và các hải đảo và việc tiếp cận các dịch vụ y tế ở các vùng miền rất khác nhau. Tại các xã, các trung tâm y tế, nhất là tại các vùng khó khăn như Vân Đồn, Ba Chẽ, Bình Liêu, Đàm Hà, Hải Hà, chưa đáp ứng được nhu cầu khám chữa bệnh của người dân do chuyên môn của nguồn nhân lực y tế còn hạn chế và cơ sở hạ tầng, khả năng cung cấp dịch vụ chậm được cải thiện, chênh lệch nhiều so với các đơn vị y tế tuyến thành phố và điều này cần được cải thiện trong giai đoạn tới. Bên cạnh đó, Quảng Ninh đặt mục tiêu trở thành một trung tâm du lịch quốc tế; do đó nhu cầu chăm sóc sức khỏe của khách du lịch cũng cần được quan tâm.

#### **b) Định hướng phát triển**

- Phát triển đồng bộ, đồng đều, cân đối mạng lưới y tế và cơ sở hạ tầng y tế nhằm bảo đảm tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe chất lượng cao cho mọi người dân, đặc biệt là các cộng đồng tại khu vực biên giới và hải đảo. Phát triển hệ thống

y tế dự phòng nâng cao chỉ số sức khỏe con người, bổ sung các mô hình y tế dự phòng của các nước tiên tiến đang áp dụng (mô hình bác sĩ gia đình,...).

- Tiếp tục phát triển nguồn nhân lực y tế (đặc biệt là bác sĩ) cả về mặt số lượng lẫn trình độ chuyên môn nhằm đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh ngày càng cao của nhân dân và khắc phục khó khăn về nhân lực cho các đơn vị y tế tuyến cơ sở; Tiếp tục ứng dụng công nghệ thông tin trong cả quy trình vận hành và công tác khám chữa bệnh của ngành y tế.

- Liên tục nâng cao chất lượng và hướng tới tiêu chuẩn quốc tế cho các cơ sở khám chữa bệnh để đáp ứng chất lượng đời sống ngày càng tăng, thu hút đầu tư loại hình du lịch y tế, kết hợp giữa du lịch và khám sức khỏe định kỳ, phát triển y tế dự phòng, đồng thời thành lập các mô hình khám chữa bệnh cho người cao tuổi để chuẩn bị cho hiện tượng dân số già hóa trong những thập kỷ tới.

- Đẩy phát triển lĩnh vực điều trị bằng y học cổ truyền, phát triển các nguồn dược liệu là thế mạnh của thành phố, bao gồm: Nghiên cứu bổ sung triển khai mô hình nghỉ dưỡng + du lịch + chữa bệnh (Uông Bí, Đông Triều,...) tại các địa phương gắn với các sản phẩm tín ngưỡng văn hóa; Quan tâm các quy hoạch liên quan đến phát triển đến lĩnh vực điều trị bằng y học cổ truyền, phát triển các nguồn dược liệu là thế mạnh của thành phố.

### c) Giải pháp phát triển

- Đồng bộ hóa, hiện đại hóa mạng lưới và cơ sở hạ tầng y tế, phát triển các trung tâm kỹ thuật cao và chuyên sâu. Đề nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc sức khỏe và khám chữa bệnh cho người dân, hạ tầng y tế của thành phố cần được tiếp tục hoàn thiện theo hướng đồng bộ hóa và hiện đại hóa, phát triển các trung tâm kỹ thuật cao và chuyên sâu thông qua những dự án trọng điểm.

Dành quỹ đất và thu hút các bệnh viện tư nhân tại các khu vực đô thị mới quy mô lớn như tại phía Bắc Hạ Long và phía Nam Quảng Yên. Hoàn thiện các điều kiện cơ sở vật chất cho hệ thống cấp cứu ban đầu toàn thành phố. Nâng cao năng lực hệ thống xét nghiệm y tế dự phòng tuyến thành phố tại Trung tâm Kiểm soát dịch bệnh thành phố và Trung tâm Kiểm dịch Y tế Quốc tế thông qua việc đầu tư phòng xét nghiệm của CDC. Thu hút đầu tư loại hình du lịch y tế, kết hợp giữa du lịch và khám sức khỏe định kỳ, y tế dự phòng với vị trí thuận lợi là tại khu vực Vân Đồn do có hệ thống giao thông liên vùng tốt và cảnh quan đẹp.

Thu hút đầu tư viện dưỡng lão, ví dụ như ở phía Bắc Hạ Long. Triển khai xây dựng và đưa vào sử dụng một số cơ sở bảo trợ xã hội tại các khu vực miền Đông, giảm tải cho các cơ sở y tế hiện nay chủ yếu tập trung tại khu vực miền Tây (Uông Bí và Hạ Long). Mở rộng, nâng cao năng lực hoạt động của cơ sở điều dưỡng: Đến năm 2030, nâng cấp cơ sở vật chất của các cơ sở điều dưỡng lên quy mô 80 phòng với 180 giường với diện tích bình quân 30 m<sup>2</sup>/phòng.

- Phát triển nguồn nhân lực y tế (đặc biệt là bác sĩ) về số lượng lẫn trình độ chuyên môn

Thành phố có thể tận dụng hai đòn bẩy chính để giải quyết vấn đề về nhân lực ngành y tế (đặc biệt là bác sĩ). Đầu tiên, thành phố cần thiết kế những chính sách ưu

đãi trong tuyển sinh và đào tạo nhằm chủ động thu hút và giữ chân nhân lực y tế có trình độ chuyên môn cao. Sở Y tế thành phố có thể kết hợp với các cơ sở đào tạo hàng đầu để kết hợp tuyển sinh (ví dụ, Đại học Y Hà Nội, Đại học Y Hải Phòng), cũng như tăng tốc độ ứng tuyển và chế độ đãi ngộ, hoặc cung cấp học bổng đi du học tu bổ chuyên môn. Thứ hai, thành phố nên tích cực xây dựng cơ chế đặc thù nhằm tranh thủ sự cộng tác của các chuyên gia giỏi ở trong và ngoài nước nhằm phát triển nguồn nhân lực y tế. Một vài ví dụ có thể kể đến như chế độ đãi ngộ đặc biệt, cấp nhà/cơ sở vật chất nghiên cứu miễn phí, hay miễn thuế thu nhập cá nhân, hay visa đặc biệt cho cả gia đình của các nhân tài quốc tế.

Đối với nguồn nhân lực điều dưỡng, thành phố cần củng cố và hoàn thiện các quy trình kỹ thuật chuyên môn về điều dưỡng. Đầu tiên, thành phố cần xây dựng lộ trình tuyển dụng, bố trí và điều động điều dưỡng viên để đảm bảo biên chế điều dưỡng đủ về số lượng và chất lượng tốt. Thứ hai, tăng cường công tác đào tạo cho ngành điều dưỡng thông qua định kỳ tổ chức các chương trình tập huấn, hội thi quy chế chuyên môn và tay nghề, kỹ năng giao tiếp và nguyên tắc ứng xử cho đội ngũ điều dưỡng. Ngoài ra, thành phố cần thường xuyên tổ chức khảo sát ý kiến của người bệnh về tinh thần, thái độ phục vụ của đội ngũ điều dưỡng để có biện pháp khen thưởng, xử phạt kịp thời nhằm nâng cao chất lượng phục vụ người bệnh. Để hỗ trợ cho quy trình kỹ thuật chuyên môn, thành phố nên tích cực hoàn thiện chính sách hỗ trợ điều dưỡng viên như phụ cấp, chế độ làm tăng ca, tuổi hưu,... và ứng dụng công nghệ thông tin để quản lý hiệu quả dữ liệu quản lý bệnh nhân và công tác điều dưỡng.

- Hoàn thiện tổ chức và nâng cao hiệu quả quản lý trong toàn hệ thống y tế: Quảng Ninh cần kiện toàn mô hình tổ chức bộ máy của hệ thống y tế ở các tuyến xã theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả và hội nhập nhằm đảm bảo sự chỉ đạo thống nhất, xuyên suốt về chuyên môn, nghiệp vụ theo ngành dọc từ tỉnh đến xã, phường, đặc khu. Đồng thời, thành phố có thể xem xét việc tiếp tục trao quyền tự chủ gắn với trách nhiệm giải trình, đảm bảo công khai, minh bạch, có sự kiểm soát của các cấp có thẩm quyền đối với các đơn vị y tế công lập.

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển y tế

Để hoàn thiện cơ chế, chính sách nhằm phát triển y tế, thành phố Quảng Ninh có thể xem xét. Đẩy mạnh xã hội hóa trong các hoạt động và dịch vụ y tế để xây dựng và phát triển các cơ sở y tế chất lượng cao, trong đó y tế Nhà nước đóng vai trò chủ đạo song song với việc thúc đẩy phát triển y tế tư nhân.

Hoàn thiện chế độ chính sách cho người lao động ngành y về thu nhập và phân phối thu nhập để tạo động lực làm việc cho người lao động. Đổi mới cơ chế tài chính y tế: tự chủ tài chính, tiết kiệm chi phí, phân phối chênh lệch thu chi, định giá dịch vụ y tế. Đầu tư cho lĩnh vực y tế dự phòng: ưu tiên vùng có mật độ dân số cao, có nhiều nguy cơ lây nhiễm bệnh dịch và hệ thống y tế dự phòng kém phát triển.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quy trình vận hành và công tác khám chữa bệnh của ngành y tế thành phố Quảng Ninh nên tiếp tục đẩy mạnh việc nghiên cứu và áp dụng các công nghệ mới nhất trong ngành y tế, nổi bật là: hồ sơ sức khỏe điện tử toàn dân, y tế từ xa (telemedicine) và các phần mềm quản lý vận hành bệnh viện điện tử.

Để có thể triển khai thành công các ý tưởng ở trên, thành phố cần kết nối với các doanh nghiệp công nghệ thông tin hàng đầu tại Việt Nam, đồng thời triển khai hợp tác với các nước phát triển hay tổ chức y tế quốc tế về việc áp dụng công nghệ số trong ngành y tế.

Tiếp theo, việc đào tạo cán bộ ngành y tế về công nghệ và chuyển đổi số cũng sẽ là một phần quan trọng trong việc áp dụng công nghệ vào lĩnh vực y tế thành phố Quảng Ninh.

### **3.4. Giáo dục và đào tạo**

#### **a) Mục tiêu phát triển**

- Mục tiêu tổng quát: Giáo dục của thành phố tương xứng với tiềm năng kinh tế và xã hội, phấn đấu đến 2030 Quảng Ninh là một trung tâm giáo dục và đào tạo có uy tín ở khu vực đồng bằng sông Hồng, trong nhóm 15 thành phố thành phố trực thuộc Trung ương đứng đầu của cả nước và trở thành thành phố học tập; đảm bảo thực hiện đúng tinh thần Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.

- Mục tiêu cụ thể: Tỷ lệ huy động trẻ em trong độ tuổi nhà trẻ đạt > 35%; Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi mẫu giáo được chăm sóc giáo dục tại các cơ sở mầm non đạt 97%; Tỷ lệ huy động trẻ em trong các cơ sở giáo dục mầm non tư thục từ 35% trở lên; Tỷ lệ trường lớp mầm non học 2 buổi/ngày đạt 100%; Tỷ lệ trẻ ra lớp được chăm sóc, theo dõi sức khỏe trên biểu đồ tăng trưởng đạt 100%.

#### **b) Định hướng phát triển**

Giáo dục Quảng Ninh hướng đến phát triển toàn diện năng lực người học, yêu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với tăng quy mô và chất lượng dân số, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của thành phố, phù hợp với yêu cầu của Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và chuyển đổi số, hướng tới một nền giáo dục mở, hiện đại, tiên tiến.

Xây dựng hệ thống giáo dục của thành phố đảm bảo tính mở và liên thông, phục vụ học tập suốt đời, theo hướng cung ứng dịch vụ có chất lượng cao, tiệm cận với trình độ quốc tế, phát huy tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cơ sở giáo dục, đảm bảo phát triển hài hòa giữa giáo dục công lập và ngoài công lập, giữa các vùng miền. Phát triển hệ thống giáo dục theo hướng tăng cường tự chủ và trách nhiệm xã hội của các cơ sở giáo dục. Phát triển giáo dục chất lượng cao và giáo dục ngoài công lập chất lượng cao theo nguyên tắc bảo đảm tất cả học sinh được đến trường, tiếp cận công bằng, bình đẳng về chất lượng giáo dục đào tạo, dịch vụ giáo dục đào tạo gắn với với phát triển giáo dục thông minh.

Phấn đấu Quảng Ninh là một trung tâm giáo dục và đào tạo có uy tín ở khu vực đồng bằng sông Hồng, trở thành thành phố học tập tham gia mạng lưới thành phố/thành phố học tập toàn cầu UNESCO. Duy trì chỉ số HDI của thành phố ở nhóm 5 thành phố - thành phố trực thuộc Trung ương đứng đầu cả nước, trong đó nâng cao tỷ trọng đóng góp của chỉ số phát triển giáo dục.

#### **c) Giải pháp phát triển**

- Phát triển quy mô mạng lưới cơ sở giáo dục

Giai đoạn 2022 - 2030, thành lập mới 78 trường tư thục, trong đó có 44 trường Mầm non, 12 trường Tiểu học, 09 trường Trung học cơ sở, 13 trường trung học phổ thông. Phát triển mạng lưới trường, lớp đáp ứng nhu cầu dân cư thực tế và gắn với đảm bảo chất lượng, nhằm nâng cao chất lượng và phổ cập giáo dục. Tiếp tục đầu tư xây dựng trường chuẩn quốc gia gắn với các Chương trình mục tiêu quốc gia về Xây dựng nông thôn mới, Giảm nghèo bền vững và Phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Thu hút và đầu tư phát triển hệ thống giáo dục tư thục. Thí điểm chuyển đổi một số cơ sở giáo dục phổ thông công lập tự chủ theo hướng chất lượng cao nhằm giảm đầu tư ngân sách nhà nước, khắc phục tình trạng thiếu giáo viên, nâng cao chất lượng giáo dục của thành phố.

Thành lập mới một số cơ sở giáo dục phổ thông công lập nhưng theo nguyên tắc (1) Các địa phương chưa có trường học thuộc cấp học phổ cập giáo dục (tiểu học và trung học cơ sở) số học sinh tăng, các cơ sở giáo dục hiện có không đáp ứng được nhu cầu; (2) Không tăng thêm số lượng trường công lập trên địa bàn sau khi giảm, sáp nhập và cơ cấu lại các trường, đảm bảo biên chế đội ngũ; (3) Các địa phương khó khăn trong thu hút đầu tư/xã hội hóa để thành lập các trường ngoài công lập.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú nhằm đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh dân tộc thiểu số. Chuyển đổi các trường tiểu học và trung học cơ sở ở các xã khó khăn thành trường phổ thông dân tộc bán trú nhằm đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh ở các xã khó khăn. Xây dựng các cơ chế, chính sách nhằm thu hút học sinh các trường dân tộc nội trú về học chung tại các trường trung tâm của các địa phương nhằm tạo điều kiện tốt nhất, đáp ứng được nhu cầu học tập, hòa nhập, rèn luyện kỹ năng sống của học sinh khu vực miền núi, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, góp phần nâng cao chất lượng dạy và học, hướng tới mục tiêu giảm nghèo bền vững.

Rà soát, sắp xếp lại mạng lưới các cơ sở giáo dục thường xuyên đảm bảo chất lượng, đáp ứng nhu cầu học tập và nâng cao trình độ kỹ năng sống theo thị trường lao động. Khuyến khích thành lập cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật ở các địa phương. Ưu tiên ngân sách Nhà nước và huy động các nguồn lực để đáp ứng yêu cầu chăm sóc, can thiệp sớm và giáo dục hòa nhập. Xúc tiến kêu gọi đầu tư thành lập trường cao đẳng. Thành lập trung tâm thông tin thị trường, trung tâm nghiên cứu đào tạo nguồn nhân lực nhằm kết nối thông tin về đào tạo và sử dụng nhân lực của thành phố.

Phát triển Trường Đại học Hạ Long trở thành trường đại học trọng điểm, theo mô hình đô thị đại học tại Uông Bí có vị thế hàng đầu trong cả nước trong đào tạo nguồn nhân lực trong lĩnh vực du lịch, nghệ thuật và ngôn ngữ, chế biến chế tạo; mở rộng liên kết hợp tác, trở thành trung tâm thu hút đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ở khu vực Đồng bằng Sông Hồng.

Đối với việc đề xuất phát triển mạng lưới trường lớp của các địa phương giai đoạn tới đảm bảo tính khả thi cao, cần nghiên cứu triển khai đồng bộ, tổng thể tất cả

các giải pháp: (1) Bám sát định hướng chỉ đạo của Trung ương và của lãnh đạo thành phố; (2) Thời gian đề xuất phù hợp, khả thi; (3) Bám sát các nghị quyết, quy hoạch, kế hoạch của địa phương đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; (4) Phù hợp với quy mô dân số; (5) Có quy hoạch quỹ đất, đảm bảo đủ diện tích phù hợp với quy mô.

- Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện

Tiếp tục đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo và khả năng tự học của học sinh; chuyển từ học chủ yếu trên lớp sang tổ chức học tập đa dạng, chú ý các hoạt động xã hội, ngoại khóa, nghiên cứu khoa học và nâng cao kỹ năng hoạt động, hợp tác nhóm cho học sinh; coi trọng thực hành thí nghiệm, vận dụng kiến thức giải quyết các vấn đề trong thực tế; chủ động tiếp cận và vận dụng phù hợp chuẩn mực giáo dục tiên tiến, công nghệ dạy học hiện đại của khu vực và thế giới.

Coi trọng giáo dục hướng nghiệp, các môn học STEM đối với giáo dục THPT để giúp học sinh chuẩn bị tốt hơn cho việc theo học đại học và định hướng trong việc lựa chọn nghề nghiệp. Đẩy mạnh việc liên kết với các cơ sở đào tạo trong nước và quốc tế, thiết lập các chương trình liên kết với các trường đại học danh tiếng cả trong nước và ngoài nước về các lĩnh vực đang phát triển phù hợp với định hướng kinh tế xã hội năm 2030 của địa phương. Trường Đại học Hạ Long hợp tác với các trường đại học có uy tín trong các lĩnh vực trọng điểm của thành phố như quản lý khách sạn, CNTT-TT, sản xuất, kỹ thuật và nghiên cứu đăng ký quyền đồng công nhận bằng cấp toàn cầu. Xây dựng và phát triển các chương trình trao đổi ngắn hạn cho cả sinh viên và đặc biệt là đội ngũ giảng viên của các trường đại học trong khu vực để đào tạo và chuyển giao kiến thức cho cán bộ nhân viên địa phương.

Phát triển các cơ sở từ xa để thu hút thêm các trường đại học thành lập thông qua thiết lập địa điểm ký túc xá thứ cấp hoặc các khuôn viên cho các trường đại học đang giảng dạy hoàn toàn bằng hình thức trực tuyến. Thành phố có thể cân nhắc phương án giảm thuế hoặc trợ cấp hoạt động để gỡ bỏ rào cản tài chính và tạo động lực mạnh mẽ hơn cho các trường đại học. Thành phố cần tiếp tục hoàn thiện dự án trường Cao đẳng nghề Việt – Hàn (giai đoạn 2) làm tiền đề thu hút thêm nhiều đối tác nước ngoài đến hợp tác, thành lập cơ sở ở Quảng Ninh.

Đẩy mạnh chương trình hợp tác đào tạo theo đơn đặt hàng với các doanh nghiệp, các nhà đầu tư nhằm đảm bảo ổn định việc làm cho người lao động sau đào tạo. Thường xuyên thay đổi cập nhật chương trình đào tạo, phù hợp với nhu cầu thực tiễn và nắm bắt với kiến thức mới trong khu vực và quốc tế. Đổi mới phương thức đào tạo theo hướng tiếp cận thực tế tại các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, tiếp cận với công nghệ và thị trường.

- Đầu tư cơ sở vật chất và hạ tầng giáo dục

Đảm bảo đủ các điều kiện tối thiểu về trang thiết bị cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu giáo dục của các cấp học. Đầu tư các trang thiết bị hiện đại, áp dụng hệ thống quản trị nhà trường dựa trên dữ liệu và công nghệ số. Hình thành các kho học liệu chia sẻ, trực tuyến đáp ứng nhu cầu về tài liệu học tập trên môi trường số ở tất cả các cấp học.

Đảm bảo quỹ đất cho trường học trong quá trình lập quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch/kế hoạch sử dụng đất. Các khu đô thị, khu tái định cư, khu đông dân cư khi phê duyệt quy hoạch phải đảm bảo quỹ đất và khu công nghiệp khi phê duyệt quy hoạch được hỗ trợ quỹ đất khu vực lân cận để phát triển các cơ sở giáo dục, đáp ứng nhu cầu gia tăng dân số.

Rà soát sắp xếp lại các cơ sở giáo dục, phát triển hài hòa giữa giáo dục công lập và ngoài công lập, giữa các vùng; miền; ưu tiên phát triển giáo dục vùng dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa và các đối tượng chính sách. Tiếp tục hoàn thiện cơ sở vật chất theo tiêu chuẩn quy định phù hợp với tình hình thực tế ở từng nơi, giữ vững kết quả và nâng cao chất lượng trường đạt chuẩn quốc gia gắn với trách nhiệm cụ thể của các cấp, các ngành và các địa phương trong thành phố.

Thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục thông qua ứng dụng công nghệ trong lớp học (số hóa tài liệu học tập, bài giảng, bài thi, xây dựng phòng thí nghiệm ảo,...), phương pháp dạy học (áp dụng các xu hướng giáo dục công nghệ như Lớp học thông minh, Game hóa (Gamification), lập trình vào giảng dạy) và quản lý vận hành thông qua việc số hóa cơ sở dữ liệu và ứng dụng công nghệ 4.0 như blockchain, AI,... vào việc phân tích, quản lý. Số hóa chương trình định hướng nghề nghiệp với việc phát triển công nghệ thông tin nghề nghiệp cho sinh viên đặt mục tiêu phát triển trải nghiệm hướng nghiệp cho học sinh, cũng như thắt chặt mối quan hệ giữa học sinh, phụ huynh và giáo viên trong việc giáo dục hướng nghiệp.

- Phát triển chất lượng đội ngũ nhà giáo và quản lý giáo dục

Khuyến khích và thu hút nhân lực chất lượng cao cho ngành giáo dục thông qua hình thức ưu tiên tuyển dụng, chính sách hỗ trợ học sinh đạt giải trong các kỳ thi quốc gia, quốc tế theo học các trường sư phạm, cam kết tình nguyện về công tác tại thành phố, nhất là sinh viên học các trường sư phạm chuyên ngành về khoa học máy tính, công nghệ thông tin,...

Sắp xếp, tinh giản biên chế, tuyển dụng giáo viên, nhân viên bảo đảm số lượng và chất lượng, cân đối về cơ cấu, đảm bảo yêu cầu về vị trí việc làm và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp. Ưu tiên tuyển dụng giáo viên người dân tộc và giáo viên biết tiếng dân tộc ít người cho các trường ở vùng dân tộc. Chú trọng phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhất là ở vùng có khó khăn, các cơ sở giáo dục tư thục, các trường chuyên biệt. Đảm bảo đủ giáo viên, nhân viên tư vấn hỗ trợ được đào tạo, tập huấn về can thiệp sớm, giáo dục hòa nhập trong các cơ sở giáo dục hòa nhập và giáo dục đặc biệt theo quy định. Thường xuyên đào tạo bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục để nâng cao trình độ, kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp và năng lực thực hành đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành giáo dục.

- Phát triển cơ chế chính sách cho phát triển giáo dục đào tạo

Xây dựng cơ chế, chính sách thu hút, đào tạo phát triển nguồn nhân lực ngành giáo dục chất lượng và chất lượng cao gắn với tăng quy mô và chất lượng dân số. Có chính sách hỗ trợ giáo viên, cán bộ quản lý tại các cơ sở giáo dục ở các địa bàn miền núi, dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo; tiếp tục duy trì hệ thống các trường

bán trú, nội trú ở khu vực khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số để tăng cường cơ hội tiếp cận giáo dục và giảm tỷ lệ bỏ học.

Ban hành cơ chế chính sách hỗ trợ về xây dựng xã hội học tập, về học tập suốt đời, đặc biệt là hỗ trợ các trung tâm học tập cộng đồng. Vận động toàn dân tham gia xây dựng quỹ khuyến học, cấp hội khuyến học, có chế độ khen thưởng và hỗ trợ kịp thời. Công nhận các mô hình xã hội học tập đúng thực chất, có tác dụng thiết thực trong xây dựng xã hội học tập trên địa bàn thành phố.

Xây dựng cơ chế chính sách ưu đãi khuyến khích kêu gọi đầu tư vào các cơ sở giáo dục tư thục chất lượng cao trên địa bàn thành phố. Có cơ chế chính sách khuyến khích thu hút các doanh nghiệp, đặc biệt các tập đoàn lớn, các đối tác đầu tư nước ngoài có kinh nghiệm trong giáo dục và đào tạo quốc tế tham gia vào đầu tư phát triển giáo dục đào tạo, nghiên cứu khoa học tại địa phương. Đẩy mạnh giao quyền tự chủ cho các cơ sở giáo dục công lập, tăng cường dịch vụ giáo dục chất lượng cao nhằm chia sẻ trách nhiệm cung cấp dịch vụ công của Nhà nước trong lĩnh vực giáo dục, tạo nguồn lực bổ sung để đầu tư, đổi mới cơ sở vật chất, trang thiết bị, công nghệ dạy học, nâng cao chất lượng giáo dục tiệm cận trình độ những nền giáo dục tiên tiến của khu vực và quốc tế.

Xây dựng chính sách khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đào tạo đại học chủ động nghiên cứu và áp dụng các chương trình đào tạo tiên tiến của khu vực và thế giới; có chính sách khuyến khích liên kết giữa đào tạo nghiên cứu khoa học - sản xuất - dịch vụ nhằm tăng điều kiện thực hành, thực tập và nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo của các cơ sở đào tạo nhân lực. Phối hợp với trường đại học có uy tín để xây dựng các khoa, ngành của Trường Đại học Hạ Long. Xây dựng các trung tâm nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ gắn với các trường đại học, khu kinh tế, khu công nghiệp.

### **3.5. Văn hóa và thể thao**

#### **a) Mục tiêu phát triển**

- Mục tiêu tổng quát: Đến năm 2030, thành phố Quảng Ninh trở thành trung tâm văn hóa - thể thao của vùng Đông Bắc với mạng lưới cơ sở văn hóa và thể dục thể thao đồng bộ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu tổ chức các sự kiện văn hóa, nghệ thuật và một số giải thi đấu thể thao quốc gia và quốc tế. Các giá trị di sản và giá trị văn hóa mới của thành phố sẽ mang lại sự đổi mới cho nền kinh tế, trở thành tài nguyên vững chắc cho phát triển dịch vụ văn hóa nghệ thuật và thúc đẩy du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn; từng bước phát triển các ngành công nghiệp văn hóa gắn với bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa các dân tộc trên địa bàn thành phố. Cùng với đó, xây dựng văn hóa và con người Quảng Ninh năng động, sáng tạo, có kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp và có khát vọng khởi nghiệp; quảng bá hình ảnh địa phương, góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội thành phố Quảng Ninh trong tình hình mới. Các môn thể thao thành tích cao sẽ là thế mạnh của thành phố, từng bước nâng xếp hạng đoàn thể thao thành phố Quảng Ninh tại các Đại hội thể dục thể thao Toàn quốc, khu vực và Thế giới.

- Mục tiêu cụ thể: Chỉ số phát triển con người giữ vững vị trí trong nhóm 5

địa phương đứng đầu cả nước; Tỷ lệ thôn, khu đạt chuẩn văn hóa đạt 96%; Tỷ lệ cơ quan địa phương, cơ quan đơn vị đạt danh hiệu văn hóa đạt 85%; Tỷ lệ gia đình đạt chuẩn văn hóa đạt 96%; Tỷ lệ thôn, khu được văn hóa đạt 95%; Tỷ lệ cơ quan, đơn vị doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa đạt 90%.

#### b) Định hướng phát triển

- Về xây dựng con người Quảng Ninh: Thu hẹp khoảng cách chênh lệch hưởng thụ văn hóa của nhân dân giữa các vùng miền trong thành phố, tiến đến mục tiêu công bằng xã hội. Tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả trong xây dựng môi trường văn hóa, văn hóa ứng xử của con người toàn diện, giàu bản sắc văn hóa Quảng Ninh với các đặc trưng năng động - sáng tạo - hào sảng - lành mạnh - văn minh - thân thiện, có ý thức tuân thủ pháp luật; tôn trọng đạo lý “uống nước nhớ nguồn”, “trương thân tương ái”.

#### - Về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa các dân tộc

Tập trung bảo tồn và phát huy giá trị kho tàng di sản văn hóa của thành phố; trong đó ưu tiên nguồn lực bảo tồn và phát huy giá trị các di sản được UNESCO ghi danh (Vịnh Hạ Long), các di tích quốc gia đặc biệt (Khu di tích Yên tử, Bạch Đằng, Đền Cửa Ông, Khu lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh trên Đảo Cô Tô, khu di tích lịch sử nhà Trần tại Đông Triều) và các bảo vật quốc gia và di sản văn hóa phi vật thể thuộc Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia. Giai đoạn 2021 - 2030, phối hợp với các thành phố Hải Phòng, Bắc Ninh lập hồ sơ đề nghị công nhận quần thể di tích và thắng cảnh Yên Tử trở thành di sản thế giới, tập trung nguồn lực để phát triển Di tích thương cảng Vân đồn và Đình Trà cổ trở thành di tích lịch sử quốc gia đặc biệt, khu di tích lưu niệm Bác Hồ trên đảo Ngọc Vũng, di tích khảo cổ Ba Vũng ở Vân Đồn, di tích lịch sử và danh thắng Vũng Đục ở Cẩm Phả trở thành di tích cấp quốc gia và một số các di tích cấp thành phố ở một số địa bàn của thành phố cũng như di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia ở một số địa bàn dân tộc thiểu số nhằm phát huy giá trị văn hóa vùng miền và đặc trưng của Quảng Ninh.

Huy động các nguồn lực xã hội hóa hỗ trợ cộng đồng các dân tộc thiểu số, người dân sinh sống ở khu vực đặc biệt khó khăn, vùng biên giới, hải đảo bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa kết hợp với bảo đảm sinh kế bền vững. Bảo tồn và phát triển không gian văn hóa của thành phố Quảng Ninh theo các đặc trưng tiêu vùng văn hóa biển đảo, văn hóa cộng đồng dân tộc thiểu số, văn hóa công nghiệp vùng mỏ và văn hóa đô thị - du lịch.

#### - Về phát triển các ngành dịch vụ văn hóa và công nghiệp văn hóa

Xây dựng Quảng Ninh trở thành điểm đến hấp dẫn hàng đầu về du lịch di sản văn hóa theo bình chọn hàng năm của các tổ chức, hiệp hội du lịch Châu Á và thế giới. Đầu tư hạ tầng công nghệ đồng bộ, hiện đại đáp ứng yêu cầu của Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và xu hướng phát triển sản phẩm, dịch vụ văn hóa trên không gian mạng và toàn cầu. Đưa thành phố Hạ Long trở thành thành viên tích cực của Mạng lưới các thành phố sáng tạo trên thế giới (của UNESCO) nhằm tạo điều kiện để Quảng Ninh thúc đẩy kinh tế sáng tạo và công nghiệp văn hóa; tạo cơ hội để tham gia các hoạt động do các thành phố thành viên khác tổ chức cũng như huy động

được nguồn lực, tri thức, học hỏi kinh nghiệm từ các thành phố sáng tạo trên thế giới,...

Vận dụng cơ chế thị trường để chuyển hóa các tài nguyên văn hóa thành nguồn lực văn hóa, vốn hóa các giá trị văn hóa địa phương để hình thành nên các sản phẩm văn hóa đa dạng, độc đáo phục vụ du lịch - dịch vụ.

- Về phát triển văn học nghệ thuật

Tiếp tục hỗ trợ các hoạt động sáng tác văn hóa nghệ thuật của các văn nghệ sĩ. Chú trọng đầu tư chiều sâu để có các tác phẩm, công trình văn hóa nghệ thuật chất lượng tốt, có giá trị về nội dung, tư tưởng và nghệ thuật, góp phần phổ biến những giá trị tiên bộ, khơi dậy truyền thống yêu nước, niềm tự hào dân tộc, tinh thần đoàn kết, sáng tạo, khát vọng xây dựng thành phố Quảng Ninh phát triển.

- Về phát triển thể dục, thể thao

Đẩy mạnh xã hội hóa các môn thể thao nhằm động viên toàn dân tham gia phong trào rèn luyện thân thể, nâng cao nhận thức về vai trò và tác dụng của luyện tập thể dục thể thao trong việc bảo vệ nâng cao sức khỏe và chất lượng cuộc sống người dân. Tập trung phát triển các môn thể thao theo hướng đào tạo, huấn luyện chuyên sâu các bộ môn trong hệ thống Olympic và những bộ môn thể mạnh của thành phố. Phát triển các nhóm môn thể thao theo các cấp độ ưu tiên, tương ứng với nhiệm vụ chuẩn bị lực lượng vận động viên tham dự các kỳ Đại hội thể dục thể thao toàn quốc, Đại hội Thể thao Đông Nam Á (SEA Games), Đại hội Thể thao Châu Á (ASIAD) và Thế vận hội Olympic. Đặc biệt đầu tư vào các vận động viên có khả năng giành huy chương vàng nhằm nâng cao thành tích, vị trí xếp hạng.

Tập trung phát triển 11 môn thể thao trọng điểm: Điền kinh; Đua thuyền; Bắn cung; Bắn súng; Bơi- Lặn; Wushu; Nhảy cầu; Taekwondo; Pencak Silat; Boxing; Đấu kiếm và 7 môn mũi nhọn, truyền thống: Bóng chuyền, Cờ vua; Cờ tướng; Muay Thái; Vovinam; Khiêu vũ; Cử tạ. Tiếp tục phát huy có hiệu quả các môn thể thao xã hội hóa như Bóng đá nữ, Quần vợt; Chèo thuyền, Golf.

- Về phát triển mạng lưới cơ sở văn hóa, thể dục thể thao

Đầu tư xây dựng mới và nâng cấp mạng lưới cơ sở văn hóa và thể dục thể thao từ cấp thành phố đến cấp cơ sở đồng bộ, hiện đại (Cung Thiếu nhi thành phố, Bảo tàng, thư viện thành phố, Sân vận động, Cung văn hóa Lao động Việt Nam ở Hạ Long, Trung tâm thể thao vùng Đông Bắc, trung tâm văn hóa điện ảnh tại Hạ Long, Trung tâm thể thao các dân tộc vùng Đông Bắc tại Tiên Yên).

Hoàn thiện các công trình thiết chế văn hóa - thể dục thể thao cấp thành phố đạt chuẩn theo quy định, trong đó có một số công trình đáp ứng yêu cầu tổ chức đăng cai các sự kiện văn hóa nghệ thuật, giải thi đấu thể thao cấp vùng, quốc gia và quốc tế.

c) Giải pháp phát triển

- Về xây dựng con người Quảng Ninh

Hoàn thành và triển khai Bộ quy tắc ứng xử và Bộ tiêu chí con người Quảng

Ninh trong thực tiễn xây dựng môi trường văn hóa. Xây dựng văn hóa, đạo đức công vụ; văn hóa cơ quan, đơn vị; văn hóa gia đình; văn hóa tại địa bàn khu dân cư làng bản, tổ dân phố; văn hóa doanh nghiệp, văn hóa doanh nhân; gắn với phong trào xây dựng nông thôn mới và xây dựng đô thị văn minh.

Tăng cường văn hóa công sở, kỷ luật, kỷ cương tại các cơ quan, đơn vị trong ngành. Thực hiện tốt hương ước, quy ước nếp sống văn minh phù hợp với truyền thống tốt đẹp của dân tộc và tuân thủ quy định của pháp luật. Xây dựng và ban hành cơ chế chính sách ưu tiên đối với cán bộ văn hóa thể thao kiêm nhiệm hoặc làm việc ở các vùng sâu, vùng xa, miền núi, dân tộc ít người. Xây dựng các chương trình giáo dục trong nhà trường, các hoạt động xã hội và trên các phương tiện truyền thông đại chúng để đẩy mạnh giáo dục về giá trị lịch sử - văn hóa truyền thống Quảng Ninh, nghệ thuật, kỹ năng sống, giao tiếp, ứng xử cho đối tượng thanh thiếu nhi, học sinh, sinh viên thông qua các.

Xây dựng và phát triển thói quen, nhu cầu, kỹ năng và phong trào đọc (xuất bản phẩm in và điện tử) trong mọi tầng lớp nhân dân, nhất là trong thanh niên, thiếu niên, học sinh, sinh viên; chú trọng tới người dân vùng nông thôn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; cải thiện môi trường đọc; góp phần nâng cao dân trí, phát triển tư duy, khả năng sáng tạo, bồi dưỡng nhân cách, tâm hồn, hình thành lối sống lành mạnh trong con người, xã hội Việt Nam. Tổ chức các lớp bồi dưỡng về văn hóa ứng xử, ngoại ngữ, kỹ năng sử dụng máy tính và áp dụng kỹ năng tin học vào xử lý công việc của cán bộ công chức, viên chức, người lao động.

Rà soát, bổ sung cơ chế, chính sách để thu hút, sử dụng nguồn nhân lực chất lượng cao cho các lĩnh vực văn hóa và thể thao. Đổi mới chương trình đào tạo văn hóa nghệ thuật và thể dục thể thao theo hướng nâng cao chất lượng đào tạo của các cơ sở giáo dục, gắn đào tạo kiến thức với thực tập, thực hành nghề tại các cơ sở doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động. Chú trọng mở rộng các hình thức thu hút, sử dụng chuyên gia nước ngoài, các tổ chức quốc tế trong phát triển các lĩnh vực văn hóa, thể dục thể thao. Tích cực hợp tác với đội ngũ trí thức, chuyên gia là Việt kiều để tranh thủ kiến thức, kinh nghiệm về phát triển văn hóa.

#### - Về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa các dân tộc

Triển khai truyền dạy kiến thức và nâng cao kỹ năng thực hành, quản lý di sản văn hóa cho cộng đồng nhằm tăng cường sức sống cho các di sản văn hoá phi vật thể trong danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia giai đoạn 2021-2030. Xây dựng và triển khai đề án, chương trình hành động bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa đưa vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia. Ưu tiên đầu tư, tôn tạo và phát huy giá trị của các di sản thế giới, di tích quốc gia đặc biệt trở thành điểm đến tham quan, học tập, nghiên cứu có tính hấp dẫn đối với nhân dân, du khách trong nước và quốc tế. Bảo tồn và phát huy giá trị các lễ hội truyền thống tiêu biểu, duy trì lễ hội Tiên Công (Quảng Yên), Đình Quan Lạn, Đình Trà Cổ (Móng Cái),... Tiếp tục huy động nguồn lực xã hội hóa đầu tư xây dựng lễ hội quốc tế Carnival Hạ Long trở thành thương hiệu Lễ hội mang dấu ấn nghệ thuật trình diễn dân gian và nghệ thuật tạo hình dân gian đặc sắc của các dân tộc vùng Đông Bắc nói riêng, các dân tộc Việt Nam nói chung.

Xây dựng các làng văn hóa - du lịch của đồng bào các dân tộc thiểu số dân tộc Dao; Tày; Sán Chay; Sán Dìu trở thành bảo tàng sống có bản sắc văn hóa truyền thống thúc đẩy phát triển du lịch; chú trọng bảo tồn, phát huy giá trị nghề thủ công truyền thống, các loại hình nghệ thuật dân gian (dân ca, dân vũ, dân nhạc), trang phục, tri thức dân gian về lâm nghiệp, nông nghiệp, ngư nghiệp và văn hóa ẩm thực truyền thống của đồng bào; tạo điều kiện cho du khách trải nghiệm văn hóa dân gian của các cộng đồng. Thực hiện hỗ trợ các nghệ nhân, các đội văn nghệ, câu lạc bộ trang phục, đạo cụ, phương tiện sáng tạo và thực hành văn hóa dân gian.

Xây dựng và triển khai chương trình ngoại khóa giáo dục về lịch sử, di sản văn hóa tại các trường phổ thông địa phương có di sản; hỗ trợ tài liệu hướng dẫn giáo dục, kỹ năng thực hành một số di sản văn hóa phi vật thể (dân ca, dân vũ, dân nhạc). Tổ chức định kỳ các liên hoan, hội diễn, cuộc thi tìm hiểu và trình diễn di sản văn hóa phi vật thể từ cấp xã đến cấp thành phố. Định kỳ 5 năm/lần, nhân dịp Ngày di sản văn hóa Việt Nam 23/11, tổ chức sự kiện tôn vinh, khen thưởng những nghệ nhân, người dân, doanh nghiệp có công bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa.

Triển khai ứng dụng công nghệ hiện đại trong trưng bày, giới thiệu về di sản văn hóa (sử dụng công nghệ kết hợp với trình diễn thực cảnh) tại di sản thế giới và một số di tích quốc gia đặc biệt trên địa bàn thành phố. Tiếp tục thực hiện dự án số hóa tài liệu, hiện vật, bảo vật quốc gia tại Bảo tàng Quảng Ninh. Triển khai Đề án hỗ trợ bảo tồn, phát huy di sản văn hóa kết hợp với bảo đảm sinh kế bền vững cho cộng đồng các dân tộc thiểu số và người dân ở khu vực đặc biệt khó khăn, vùng biên giới, hải đảo thành phố Quảng Ninh giai đoạn 2021-2030 (đối tượng hỗ trợ: một số cộng đồng làng chài; cộng đồng dân tộc thiểu số, một số cộng đồng sinh sống ở khu vực biên giới).

Thực hiện chương trình nghiên cứu bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa thương cảng Vân Đồn trở thành di tích quốc gia đặc biệt gắn với phát triển du lịch và giao lưu văn hóa quốc tế. Tiếp tục nghiên cứu, phối hợp với các thành phố Bắc Ninh, Hải Phòng hoàn thiện hồ sơ Quần thể di tích danh thắng Yên Tử đề nghị UNESCO xem xét công nhận là di sản thế giới.

Hoàn thành tổng kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn toàn thành phố, đảm bảo 100% loại hình được kiểm kê. Tiếp tục nghiên cứu, sưu tầm, bổ sung tư liệu cho các di sản văn hóa phi vật thể trong danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia. Đầu tư xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu di sản văn hóa thành phố Quảng Ninh thực hiện theo Quyết định số 2026/QĐ-TTg ngày 02/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chương trình số hóa di sản văn hóa Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030. Đảm bảo 100% di tích quốc gia đặc biệt, di sản văn hóa phi vật thể được UNESCO vinh danh, 50% di tích quốc gia, 100% bảo vật quốc gia, 100% di sản trong danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia được số hóa và ứng dụng trên nền tảng kỹ thuật số.

- Về phát triển các ngành dịch vụ văn hóa và công nghiệp văn hóa

Dành một nguồn lực ưu tiên (thông qua cơ chế, chính sách) hỗ trợ các doanh

ngành đầu tư cho hoạt động sáng tạo, sản xuất, phân phối, tiêu thụ các sản phẩm, dịch vụ văn hóa và đầu tư kinh doanh thể thao.

Thực hiện đầu tư xây dựng hạ tầng cơ sở văn hóa hiện đại tại khu vực đô thị; hỗ trợ phát triển mạng lưới không gian sáng tạo văn hóa, trung tâm sáng tạo nghệ thuật tại các đô thị nhằm thúc đẩy sự sáng tạo sản phẩm, dịch vụ văn hóa; thúc đẩy phát triển các loại hình nghệ thuật đương đại. Xây dựng cơ sở mới hoặc chuyển đổi mục đích sử dụng Cung quy hoạch, hội chợ, triển lãm Quảng Ninh thành sân vận động eSports lớn nhất Việt Nam. Thành lập Quỹ tài trợ Nghệ sĩ xuất sắc cho các nghệ sĩ có sự nghiệp phát triển và ảnh hưởng sâu rộng trong thành phố và Việt Nam, tương tự như Chương trình Học bổng MacArthur ở Mỹ. Quỹ sẽ tạo ra sức sống cho cộng đồng nghệ thuật và định hình thành phố trở thành điểm đến hàng đầu cho giới sáng tạo tại Việt Nam.

Rà soát, sắp xếp các đơn vị sự nghiệp văn hóa, thể dục thể thao công lập theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực hiệu quả; thực hiện cơ chế tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công theo lộ trình và chủ trương đổi mới đơn vị sự nghiệp công. Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu trong lĩnh vực văn hóa, thể thao theo Bộ tiêu chí phục vụ công tác quản lý nhà nước, chuyên môn.

- Về phát triển văn học nghệ thuật: Đăng cai tổ chức các sự kiện văn hoá, nghệ thuật mang tầm quốc gia và quốc tế. Tổ chức các hoạt động giao lưu văn hóa, nghệ thuật định kỳ cấp vùng, quốc gia và quốc tế như liên hoan, hội thi, hội diễn, triển lãm, festival đương đại,... với các thành phố, thành phố trong cả nước. Hỗ trợ chiều sâu thông qua đặt hàng Hội Văn học nghệ thuật, tập thể, cá nhân các văn nghệ sĩ sáng tác để có các công trình, tác phẩm văn học nghệ thuật đạt chất lượng tốt.

- Về phát triển thể dục, thể thao

Tập trung đầu tư chiều sâu về con người và cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật nhằm nâng cao thành tích 11 môn thể thao trọng điểm: Điền kinh; Dưa thuyền; Bắn cung; Bắn súng; Bơi - Lặn; Wushu; Nhảy cầu; Taekwondo; Pencak Silat; Boxing; Đấu kiếm. Duy trì thành tích các môn mũi nhọn, truyền thống (7 môn): Bóng chuyền, Cờ vua; Cờ tướng; Muay Thái; Vovinam; Khiêu vũ; Cử tạ. Phát huy có hiệu quả các môn thể thao có khả năng xã hội hóa cao như Bóng đá nữ, Quần vợt; Chèo thuyền, Golf,...

Ban hành quy chế hỗ trợ bổ sung thêm cho vận động viên, huấn luyện viên trong thời gian luyện tập và thi đấu các giải quốc tế lớn Olympic, ASIAD, SEA Games... về chế độ đảm bảo dinh dưỡng, trang phục, tiền thưởng (thường xuyên theo định kỳ), hỗ trợ kinh phí mua bảo hiểm y tế, bảo hiểm thân thể, kinh phí chữa trị chấn thương ở nước ngoài cho vận động viên, huấn luyện viên (ngoài bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế bắt buộc theo những quy định hiện hành của Nhà nước). Cùng với quy chế chung về khen thưởng của Nhà nước cho các vận động viên và huấn luyện viên đạt thành tích xuất sắc trên các đấu trường quốc tế, các thành phố có quy chế khen thưởng bổ sung về tiền, về hiện vật, có cơ chế ưu đãi trong tuyển dụng viên chức.

Tổ chức đăng cai các giải thể thao quốc tế nhằm phát triển thể thao thành tích cao, thể thao chuyên nghiệp, kinh tế thể thao và ngành du lịch thể thao. Đăng cai tổ chức giải thi đấu thể thao cấp quốc gia Đại hội Thể dục thể thao toàn quốc lần thứ IX - 2022; tổ chức giải thi đấu một số bộ môn thể thao quốc tế 6 môn thi đấu ở SEA Games 31 (năm 2022); giải thi đấu thể thao quốc tế bóng chuyền bãi biển nữ thế giới, Giải quần vợt ATP Tour 2025, Giải cờ vua trẻ châu Á,...

- Về phát triển mạng lưới cơ sở văn hóa, thể dục thể thao

Đầu tư xây dựng mới, nâng cấp mạng lưới cơ sở văn hóa đồng bộ, hiện đại bao gồm: các bảo tàng; thư viện; trung tâm chiếu phim; nhà hát; khu triển lãm, trưng bày tác phẩm văn hóa nghệ thuật; trung tâm văn hóa; cơ sở đào tạo chuyên ngành văn hóa nghệ thuật; làng văn hóa - du lịch các dân tộc; cơ sở số hóa dữ liệu văn hóa. Ưu tiên đầu tư cơ sở hạ tầng văn hóa và bố trí không gian phát triển văn hóa nghệ thuật cho các địa bàn trọng điểm kinh tế, du lịch của thành phố; địa bàn có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống nhằm thu hẹp sự chênh lệch về hưởng thụ văn hóa; địa bàn có đông công nhân, người lao động làm việc tại các khu công nghiệp; và địa bàn dân cư ở khu vực biên giới nhằm phục vụ công tác đối ngoại, ngoại giao nhân dân.

Nâng cấp thư viện thành phố đồng bộ theo hướng hiện đại, thực hiện chuyển đổi số trong lĩnh vực thư viện (thư viện điện tử, thư viện số), phát triển thư viện cấp thành phố trở thành thư viện trung tâm về hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ trong mạng lưới thư viện công cộng. Nâng cấp Cung Quy hoạch, Hội chợ và Triển lãm Thành phố đáp ứng yêu cầu tổ chức các sự kiện triển lãm văn học nghệ thuật, nghệ thuật biểu diễn cấp vùng. Nâng cấp Trung tâm Thể dục Thể thao thành phố trở thành Khu liên hợp thể thao cấp vùng, có Trung tâm huấn luyện vận động viên chất lượng cao, có các công trình thi đấu đồng bộ, hiện đại (Sân vận động có mái che, Nhà thi đấu đa năng, Khu thi đấu các môn thể thao dưới nước; khu chăm sóc vận động viên,...) đáp ứng yêu cầu tổ chức một số giải thi đấu cấp vùng, quốc gia và quốc tế.

Nghiên cứu ban hành chính sách tạo kiện thuận lợi cho tập thể, tư nhân liên doanh, liên kết xây dựng các bảo tàng, rạp hát, rạp chiếu phim, nhà triển lãm, thư viện, công trình mỹ thuật, trung tâm nghệ thuật, tổ chức hoạt động kinh doanh trang thiết bị văn hóa nghệ thuật; công trình thể dục thể thao như sân vận động, nhà tập luyện thi đấu, bể bơi, cơ sở chăm sóc sức khỏe, chữa trị chấn thương cho vận động viên, cung cấp trang thiết bị dụng cụ luyện tập, thi đấu thể dục thể thao,...

- Về giáo dục, tuyên truyền

Xây dựng cơ chế trao đổi thông tin hiệu quả, cập nhật và thường xuyên giữa đơn vị quản lý văn hóa, thể thao với các đơn vị sự nghiệp, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư phát triển văn hóa, thể dục thể thao.

Thực hiện đa dạng hóa hình thức tuyên truyền, quảng bá các sản phẩm văn hóa, thể thao trên các phương tiện thông tin đại chúng, không gian số, thông qua các sự kiện chính trị, kinh tế, văn hóa nghệ thuật, thể thao và du lịch trong nước và quốc tế. Xuất bản và phổ biến các ấn phẩm giới thiệu danh lam thắng cảnh, di sản văn

hóa, các tác phẩm nghệ thuật có giá trị trên các lĩnh vực điện ảnh, nghệ thuật biểu diễn, âm nhạc, mỹ thuật, nhiếp ảnh,... Sử dụng các phương tiện và công nghệ thông tin, truyền thông hiện đại, xây dựng các website, e-marketing,... để giới thiệu về đất nước, văn hóa và con người Quảng Ninh bằng nhiều ngôn ngữ nước ngoài, giúp bạn bè quốc tế có cơ hội tiếp cận và hiểu hơn về Quảng Ninh. Tập trung xây dựng bộ định hướng các sản phẩm văn hóa, du lịch chủ lực của thành phố để tuyên truyền, quảng bá cho các thương hiệu văn hóa, nghệ thuật, thể thao và du lịch của thành phố.

#### - Về liên kết, hợp tác phát triển

Thực hiện lồng ghép nội dung phát triển văn hóa, thể dục thể thao dưới các hình thức đa dạng, trong các hoạt động xây dựng Phong trào toàn dân xây dựng đời sống văn hóa, Phong trào toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại, phong trào xây dựng gia đình văn hóa; xây dựng gia đình thể thao, gia đình khỏe; xây dựng làng văn hóa; xây dựng làng thể thao; xây dựng thiết chế trung tâm văn hóa - thể thao, khu thể thao, điểm vui chơi giải trí.

Tăng cường quan hệ hợp tác giữa các ban ngành có liên quan, giữa địa phương với các cơ quan thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các trường đại học, cơ quan nghiên cứu, cơ quan báo chí Trung ương, các tổ chức chính trị, xã hội nghề nghiệp đóng trên địa bàn thực hiện các nhiệm vụ phát triển văn hóa và thể dục thể thao. Tăng cường liên kết giữa Quảng Ninh với các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong vùng, đẩy mạnh liên kết giữa các thành phố trong Vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, Vùng Đông Bắc. Xây dựng cơ chế liên kết, hợp tác giữa các địa phương trong thành phố và các thành phố bạn để bảo tồn di sản văn hóa vật thể và phi vật thể; liên kết phát triển sản phẩm văn hóa, nghệ thuật. Tăng cường liên kết chia sẻ thông tin, kinh nghiệm quản lý văn hóa, thể dục thể thao.

Hỗ trợ các địa phương có chung đường biên giới với Trung Quốc tổ chức các chương trình giao lưu quảng bá, giới thiệu văn hóa với nước bạn. Tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức quốc tế, các cơ quan văn hóa, du lịch nước ngoài giới thiệu về văn hóa, con người Quảng Ninh. Trên cơ sở mối quan hệ truyền thống, đẩy mạnh giao lưu, hợp tác giữa thành phố Quảng Ninh với các nước, đặc biệt là với các nước Đông Bắc Á, Cộng đồng ASEAN, các thành phố quốc tế kết nghĩa, mạng lưới các tổ chức hợp tác quốc tế mà Quảng Ninh là thành viên.

#### - Giải pháp về huy động và phân bổ vốn đầu tư

Ngân sách nhà nước chi thường xuyên cho các lĩnh vực văn hóa, thể dục, thể thao được bố trí tăng dần hàng năm tương ứng với tốc độ phát triển kinh tế địa phương. Ngân sách chi thường xuyên được cân đối hàng năm từ ngân sách từng địa phương theo các quy định hiện hành căn cứ nhu cầu phát triển của ngành và khả năng cân đối của nền kinh tế của thành phố. Tăng mức đầu tư cho văn hóa và thể dục thể thao.

Các địa phương chủ động bố trí nguồn ngân sách địa phương kết hợp với kinh phí hỗ trợ từ ngân sách Trung ương, doanh nghiệp, nhà tài trợ và các nguồn vốn hợp

pháp khác để xây dựng, nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ hoạt động văn hóa và thể dục thể thao; ưu tiên kinh phí cho các địa phương thuộc địa bàn khó khăn vùng sâu, vùng xa, biên giới trong đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao. Khuyến khích các nguồn thu từ các doanh nghiệp du lịch đóng góp một phần từ thu nhập du lịch cho hoạt động bảo tồn, tôn tạo các giá trị về sinh thái, văn hoá vật thể và phi vật thể và cải thiện điều kiện dân sinh.

Khuyến khích các doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư phát triển hạ tầng cơ sở vật chất văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao và du lịch bằng cơ chế sau: Ưu đãi mức thuế theo quy định; Hỗ trợ giải phóng mặt bằng; xây dựng cơ sở hạ tầng ban đầu (giao thông, điện nước; thông tin liên lạc,...) để các doanh nghiệp có thể sớm đi vào hoạt động; Hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực; Hỗ trợ công tác tuyên truyền, quảng bá sản phẩm; xúc tiến thương mại; ưu tiên dành quỹ đất thuận lợi kết nối hạ tầng giao thông để xây dựng công trình văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao. Thực hiện cải cách, tạo sự thông thoáng về thủ tục hành chính trong đầu tư nhằm khuyến khích các thành phần kinh tế, doanh nghiệp nhà nước, tư nhân và nước ngoài đầu tư liên kết phát triển văn hóa, nghệ thuật.

Khuyến khích xây dựng và phát triển cơ sở thể dục, thể thao ngoài công lập; vận động các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, cộng đồng người dân địa phương đầu tư trang bị thêm các dụng cụ tập luyện đơn giản, hiệu quả ngoài trời tại các công viên, câu lạc bộ, khu thể thao, tụ điểm vui chơi giải trí,... nhằm tạo thêm phương tiện tập luyện cho nhân dân.

#### **4. Định hướng phát triển đô thị thông minh**

##### ***4.1. Hoàn thiện các nhiệm vụ theo Đề án, chương trình***

Rà soát hoàn thiện các nhiệm vụ Đề án chuyển đổi số toàn diện tỉnh Quảng Ninh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1488/QĐ-UBND ngày 08/6/2022; triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo Chiến lược Chuyển đổi số của tỉnh giai đoạn 2026 - 2030, Chiến lược dữ liệu của tỉnh.

##### ***4.2. Phát triển hạ tầng số và nền tảng số***

- Triển khai xây dựng Kho dữ liệu/Hồ dữ liệu cấp tỉnh, tập trung tích hợp dữ liệu từ các sở, ngành, địa phương; ưu tiên các lĩnh vực trọng điểm như đất đai, xây dựng, y tế, giáo dục, doanh nghiệp.

- Kết nối, liên thông đồng bộ với cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu quốc gia khác qua thông qua nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu (LGSP/LDOP) kết nối tới nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu của Trung tâm dữ liệu Quốc gia (NDOP).

- Phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông triển khai phủ sóng 5G tại các khu công nghiệp, khu kinh tế, khu đô thị, trung tâm hành chính và các khu du lịch trọng điểm; từng bước triển khai hạ tầng IoT phục vụ đô thị thông minh, giao thông,

môi trường và các lĩnh vực kinh tế - xã hội.

- Nâng cấp, duy trì Trung tâm dữ liệu tỉnh Quảng Ninh theo tiêu chuẩn quốc tế (Tier III), bảo đảm dự phòng, an toàn thông tin, khả năng mở rộng và kết nối với Trung tâm dữ liệu Quốc gia. Hình thành Không gian dữ liệu tỉnh, tích hợp dữ liệu của các sở, ngành, địa phương; đảm bảo tuân thủ Luật Dữ liệu số 2024 và các tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia.

- Triển khai các nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP), nền tảng phân tích dữ liệu và kho dữ liệu dùng chung của tỉnh. Tiếp tục mở rộng hệ thống cảm biến, thiết bị IoT phục vụ các lĩnh vực giao thông, môi trường, du lịch, y tế, đô thị thông minh.

- Thực hiện định hướng “Cloud First”, rà soát, phân loại các hệ thống thông tin để chuyển dịch từng bước lên nền tảng điện toán đám mây của doanh nghiệp trong nước đạt tiêu chuẩn, hạn chế đầu tư phân tán, manh mún.

- Nghiên cứu, thí điểm triển khai nền tảng Bản sao số tại một số địa phương, lĩnh vực để phục vụ quy hoạch và quản lý đô thị, phát triển nền tảng trợ lý ảo hỗ trợ cán bộ, công chức và người dân.

### ***4.3. Hoàn thiện các tiêu chí đô thị thông minh***

#### **a) Quy hoạch đô thị thông minh**

- Tích hợp nội dung đô thị thông minh vào cấp độ quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết đô thị.

- Chuẩn hóa cơ sở dữ liệu quy hoạch đô thị và nông thôn qua và xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung của ngành xây dựng để tích hợp lên hệ thống liên thông dữ liệu quốc gia khi hệ thống quốc gia hoàn thành.

- Quy hoạch đô thị và nông thôn được xây dựng cơ sở dữ liệu GIS tích hợp lên hệ thống liên thông dữ liệu quốc gia khi hệ thống quốc gia hoàn thành.

- Quy hoạch chung đô thị, quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia về quy hoạch đô thị và nông thôn, đô thị thông minh, đô thị xanh, sinh thái “làng trong phố - phố trong làng”; xác định khung định hướng đô thị thông minh, mục tiêu, chỉ tiêu, giải pháp quy hoạch, phát triển đô thị thông minh; bảo đảm môi trường sống an toàn, tiện nghi cho người dân, nâng cao năng lực cạnh tranh, hiệu quả quản lý của đô thị, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, hướng tới mục tiêu phát triển đô thị bền vững; Áp dụng các công nghệ tiên tiến như IoT, AI, dữ liệu lớn, mô hình thông tin công trình BIM, thông tin đô thị CIM, thông tin địa lý GIS, GeoAI,... để quản lý và triển khai quy hoạch thông minh.

#### **b) Quản lý phát triển đô thị thông minh**

- Xây dựng, cập nhật, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu phát triển đô thị dưới dạng số liên thông, tích hợp với các cơ sở dữ liệu quy hoạch, đất đai, dân cư, hoạt động xây dựng, nhà ở và thị trường bất động sản, hạ tầng kỹ thuật đô thị; lưu

trữ các hồ sơ quy hoạch, dự án đầu tư xây dựng đô thị, hiện trạng hạ tầng đô thị và các tài liệu liên quan trên nền tảng số và hệ thống thông tin địa lý (GIS);

- Tiếp tục hoàn thiện các kịch bản điều hành dựa trên dữ liệu tại Trung tâm giám sát, điều hành thông minh của tỉnh; triển khai AI Platform, IoT Platform, Digital Map Platform và SOC của thành phố; RMS được triển khai như một hợp phần trong Nền tảng vận hành đô thị (Urban Operations Platform), tập trung vào các tài nguyên ưu tiên: điện, nước, thoát nước, rác thải, giao thông, an ninh.

- Phát triển, nâng cấp ứng dụng dành cho người dân Smart Quảng Ninh theo định hướng là ứng dụng đầu vào, “là cửa ngõ số”, là nền tảng tích hợp các ứng dụng tiện ích của tỉnh theo mô hình đô thị thông minh với mục tiêu là ứng dụng thu thập dữ liệu, sử dụng dữ liệu, cung cấp thông tin kết nối người dân với chính quyền để giải quyết các nhu cầu, nguyện vọng chính đáng của người dân trên môi trường số (như các dịch vụ công toàn trình, tiếp nhận các phản ánh kiến nghị tại hiện trường nhất là các “điểm nghẽn” để giải quyết ngay, hướng dẫn người dân các thủ tục hành chính...), là công cụ đo lường đánh giá sự hài lòng của người dân và tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trực tiếp tham gia vào vận hành, quản lý đô thị thông minh.

- Nghiên cứu ứng dụng mô hình thông tin công trình (BIM), mô hình thông tin đô thị (CIM), hệ thống thông tin địa lý (GIS) trong các giai đoạn phát triển đô thị; triển khai ứng dụng bản sao số đô thị (Urban Digital Twin) trong quản lý phát triển đô thị, bao gồm việc tích hợp với Trung tâm giám sát, điều hành đô thị thông minh và hệ thống thông tin quản lý phát triển đô thị.

#### c) Các lĩnh vực ưu tiên thực hiện

- Giao thông:

- + Đầu tư hoàn thiện hệ thống quản lý giao thông thông minh (ITS), hệ thống kiểm soát thông tin, nhận dạng tự động (AIS) cho các tàu du lịch, ứng dụng IoT trong giao thông thông minh.

- + Xây dựng và phát triển nền tảng nhận diện, kiểm soát phương tiện tự động (bao gồm quản lý phương tiện; Hệ thống kiểm tra tải trọng xe tự động; Hệ thống kiểm soát phương tiện vào ra; Hệ thống theo dõi đo đếm lưu lượng, phân loại phương tiện tự động...).

- + Đầu tư hệ thống bãi đỗ xe thông minh, sử dụng cảm biến quản lý đỗ xe thông minh tại các điểm, bãi đỗ xe.

- + Xây dựng hạ tầng cho phương tiện giao thông xanh như hệ thống trạm sạc điện, trạm cấp năng lượng, hạ tầng cho xe tự lái; hạ tầng vận tải đa phương thức và kết nối liên thông; các điểm trung chuyển thông minh; nền tảng tích hợp các loại hình giao thông công cộng để hỗ trợ người dùng lập kế hoạch, đặt chỗ và thanh toán điện tử toàn trình; các hạ tầng kỹ thuật khác phục vụ giao thông trong đô thị thông minh.

- Năng lượng:

+ Tiếp tục rà soát, thay thế hệ thống đèn chiếu sáng tiết kiệm năng lượng, được trang bị cảm biến và quản lý bằng hệ thống chiếu sáng thông minh.

+ Lưới điện thông minh có khả năng giám sát và quản lý phụ tải, tích hợp các nguồn năng lượng tái tạo và hệ thống đo lường, giám sát sử dụng năng lượng theo thời gian thực.

- Cấp nước:

+ Triển khai hệ thống quan trắc tự động liên tục kiểm soát nước mặt, nước ngầm, cảnh báo chất lượng nguồn nước. Hệ thống cảm biến giám sát chất lượng nước, áp suất, lưu lượng; hệ thống cảnh báo rò rỉ, thất thoát nước.

+ Phát triển các ứng dụng công nghệ số, ứng dụng AI để giám sát mạng lưới phân phối nước sạch đô thị và mạng lưới đường ống nước thải. Triển khai diện rộng đồng hồ nước thông minh (Smart Meters) và cảm biến áp lực trong đường ống phân phối để phát hiện điểm rò rỉ nước tức thời, giảm tỷ lệ thất thoát nước sạch.

- Thoát nước:

+ Xây dựng hệ thống cảnh báo ngập lụt và điều phối vận hành hệ thống thoát nước và điều phối vận hành hệ thống thoát nước.

+ Hoàn thiện hệ thống quan trắc tự động, kết nối liên thông với sở chuyên ngành, trung tâm điều hành thông minh để giám sát, quản lý.

- Quản lý chất thải rắn:

+ Xây dựng, hoàn thiện hệ thống thu gom, phân loại chất thải rắn tại nguồn.

+ Xây dựng hệ thống GPS giám sát thu gom, vận chuyển, hệ thống tối ưu hóa lộ trình thu gom rác thải và các công nghệ xử lý rác thải tiên tiến thu hồi năng lượng.

+ Hoàn thiện hệ thống quan trắc tự động, kết nối liên thông với Sở chuyên ngành, trung tâm điều hành thông minh để giám sát, quản lý.

- Phát triển y tế thông minh:

+ Phát triển hệ thống y tế thông minh theo lộ trình phù hợp, từng bước mở rộng phạm vi và mức độ số hóa, ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và tích hợp, liên thông dữ liệu nhằm nâng cao hiệu quả, tính kịp thời và chất lượng dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho người dân.

+ Triển khai ứng dụng hồ sơ sức khỏe điện tử hợp nhất, khám chữa bệnh từ xa (Telemedicine/Telehealth) và các ứng dụng chuyên ngành.

+ Hoàn thiện cơ sở dữ liệu chuyên ngành y tế.

- Giáo dục thông minh:

+ Xây dựng kho học liệu mở, đa phương tiện, thúc đẩy việc ứng dụng, sử dụng

các nền tảng học tập trực tuyến, trí tuệ nhân tạo nhằm hỗ trợ đổi mới phương thức dạy và học; triển khai các hoạt động học từ làm việc thực tế.

+ Hoàn thiện, phòng học thông minh, ứng dụng mềm quản lý giáo dục, xây dựng bài giảng, học liệu phục vụ chuyển đổi số trong giáo dục; hoàn thiện hệ thống thư viện điện tử;

+ Hoàn thiện cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

- Du lịch thông minh:

+ Triển khai, tích hợp, hoàn thiện ứng dụng du lịch thông minh trong quảng bá du lịch, giới thiệu điểm đến, sản phẩm du lịch, dịch vụ, tích hợp, liên kết với các công du lịch các địa phương.

+ Cập nhật, chuẩn hóa dữ liệu về du lịch phục vụ quảng bá, giới thiệu và báo cáo, thống kê chuyên sâu cho Sở chuyên ngành và các đơn vị liên quan.

#### **4.4. Phát triển kinh tế số**

- Du lịch - Dịch vụ: Phát triển hệ sinh thái du lịch thông minh, ứng dụng thực tế ảo (VR/AR), vé điện tử, quản lý tàu thuyền thông minh, bảo tàng số (Bảo tàng Quảng Ninh)... để nâng cao trải nghiệm du khách.

- Nông nghiệp công nghệ cao: Triển khai các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (tại Đầm Hà), ứng dụng IoT giám sát quy trình sản xuất, truy xuất nguồn gốc.

- Thúc đẩy doanh nghiệp nhỏ và vừa (SME) chuyển đổi số, sử dụng hóa đơn điện tử, hợp đồng điện tử.

- Phát triển khu công nghệ số tập trung, bán dẫn, AI,... tại Tuần Châu với các lĩnh vực ưu tiên: phát triển chip - bán dẫn, AI, điện toán đám mây, trung tâm dữ liệu, tự động hóa - robot,... Áp dụng cơ chế Sandbox của Trung ương để thử nghiệm mô hình kinh doanh mới, công nghệ mới.

- Phát triển kinh tế dữ liệu gắn với khai thác Kho dữ liệu dùng chung và Cổng dữ liệu mở. Thúc đẩy các nền tảng số trong du lịch, logistics, thương mại điện tử, dịch vụ công, cảng biển; khuyến khích mô hình kinh tế chia sẻ trong vận tải, lưu trú, tiêu dùng và dịch vụ công cộng.

#### **4.5. Phát triển xã hội số văn minh, an toàn**

- Phổ cập danh tính số (VNeID) và chữ ký số cá nhân cho người dân trưởng thành. Thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt trong mọi lĩnh vực đời sống (y tế, giáo dục, chợ dân sinh,...).

- Triển khai Hồ sơ sức khỏe điện tử toàn dân; Học bạ số và các nền tảng giáo dục trực tuyến, xã hội học tập.

- Nâng cao vai trò của Tổ công nghệ số cộng đồng để "đi từng ngõ, gõ từng

nhà" hướng dẫn kỹ năng số.

- Hoàn thành chuyển đổi số toàn diện cấp xã theo mô hình “xã thông minh, phường thông minh”: dịch vụ công trực tuyến, truyền thanh số, camera an ninh, giám sát môi trường, quản lý đô thị, nền tảng tương tác với người dân... Bảo đảm đồng bộ với Chính quyền số cấp tỉnh.

- Phối hợp Bộ Công an phổ cập VNeID mức độ 2 cho 100% người dân trưởng thành; chuẩn hóa định danh số phục vụ dịch vụ công, giao dịch tài chính, y tế, giáo dục và các tiện ích dân sinh.

## **5. Giải pháp huy động vốn đầu tư**

### **5.1. Nhu cầu vốn đầu tư**

Trên cơ sở mục tiêu tăng trưởng GRDP là 10% bình quân hằng năm trong thời kỳ quy hoạch 2021 - 2030, thành phố Quảng Ninh dự kiến cần huy động tổng số vốn đầu tư toàn xã hội xấp xỉ 1.953 ngàn tỷ VNĐ trong toàn giai đoạn, cụ thể:

- Nguồn vốn ngân sách nhà nước 225 ngàn tỷ đồng, chiếm 12%;
- Nguồn vốn khu vực ngoài nhà nước 1.184 ngàn tỷ đồng, chiếm 60%;
- Nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài 544 ngàn tỷ đồng, chiếm 28%.

### **5.2. Định hướng quản lý, thu hút và sử dụng vốn đầu tư**

- Đối với nguồn vốn từ ngân sách nhà nước

+ Điều hành ngân sách của thành phố một cách chặt chẽ, tiết kiệm, ban hành các quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi theo nguyên tắc ngân sách tỉnh giữ vai trò chủ đạo trong hệ thống ngân sách địa phương để phát triển kinh tế - xã hội, kết hợp đồng bộ với các quy định giám sát, kiểm tra sau phân cấp. Dành tối đa mọi nguồn lực để ưu tiên bố trí vốn cho đầu tư phát triển, theo hướng tăng dần tỉ trọng chi đầu tư, giảm dần tỉ trọng chi thường xuyên.

+ Nâng cao chất lượng quản lý đầu tư công, thực hiện nghiêm túc phân cấp đầu tư theo quy định. Thực hiện mục tiêu tái cơ cấu đầu tư công, làm cơ sở để thu hút các nguồn lực đầu tư ngoài ngân sách theo phương châm lấy đầu tư công dẫn dắt đầu tư tư. Xây dựng cơ chế khắc phục triệt để tình trạng đầu tư manh mún, dàn trải, kéo dài; tập trung nguồn lực đầu tư phát triển và hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại. Không bố trí vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước vào các lĩnh vực, dự án mà các thành phần kinh tế khác có thể tham gia.

+ Tăng tỷ trọng các nguồn thu ngân sách bền vững; tăng cường giải pháp tăng thu ngân sách, chống thất thu thuế; triển khai rộng rãi hóa đơn điện tử; tăng cường quản lý nguồn thu ngân sách, đảm bảo công bằng và minh bạch đối với các thành phần kinh tế,...

+ Đẩy mạnh việc sắp xếp lại, xử lý các cơ sở nhà, đất của các cơ quan, tổ -

chức, đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn để bố trí, sử dụng đúng mục đích, đúng pháp luật, có hiệu quả, đồng thời khai thác nguồn lực tài chính từ quỹ đất dôi dư, không còn nhu cầu sử dụng để phát triển kinh tế xã hội của địa phương và huy động nguồn lực từ tài chính đất đai (thu từ việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, sắp xếp lại, xử lý nhà, đất).

- Đối với nguồn vốn ngoài Ngân sách Nhà nước

+ Thành phố sẽ không sử dụng các nguồn vốn vay, vốn hợp tác phát triển chính thức (ODA) để triển khai khởi công mới các chương trình, dự án. Tập trung thu hút nhiều nhà đầu tư tư nhân lớn ở trong và ngoài nước vào các dự án phát triển trọng điểm với tốc độ nhanh hơn và hiệu quả cao hơn nữa so với giai đoạn trước. Ưu tiên kêu gọi các tập đoàn kinh tế lớn có tiềm lực tài chính, các doanh nghiệp thuộc Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR 500) đầu tư vào các lĩnh vực mà tỉnh ưu tiên, khuyến khích.

+ Phát triển cơ sở hạ tầng quan trọng đối với các nhà đầu tư theo tiêu chuẩn quốc tế như hạ tầng các KCN, hệ thống giao thông, hạ tầng đô thị, đặc biệt là những cơ sở hạ tầng có thể phát huy thế mạnh và lợi thế riêng có của Quảng Ninh như cảng biển, sân bay, đô thị ven biển,...

+ Đưa ra các cơ chế, chính sách ưu đãi để hỗ trợ nhà đầu tư thông qua việc tận dụng các ưu đãi và chính sách của quốc gia đối với các KKT và KCN; đồng thời, cung cấp những hỗ trợ bổ sung từ phía thành phố như ưu đãi giá thuê đất, giải phóng mặt bằng, đào tạo nghề, kết nối lao động, quy trình đầu tư nhanh chóng, thuận lợi.

+ Đổi mới, tăng cường công tác xúc tiến đầu tư; tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, thường xuyên cải thiện môi trường đầu tư. Ban Xúc tiến Đầu tư của Quảng Ninh (IPA) sẽ đổi mới, cải thiện hoạt động thu hút đầu tư theo ba nội dung chính: (1) phấn đấu trở thành trung tâm một cửa của các nhà đầu tư với năng lực xuyên suốt và chuyên sâu; (2) xây dựng hệ thống chỉ tiêu đánh giá hiệu suất (KPI) công tác thu hút đầu tư; và (3) mở rộng phạm vi xúc tiến đầu tư cả về chiều rộng và chiều sâu và để thu hút các dự án đầu tư lớn, phục vụ các ngành công nghiệp định hướng của thành phố.

- Đối với vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)

+ Tiếp tục tập trung thu hút đầu tư từ một số nước tiềm năng đến từ khu vực Đông Á như Nhật Bản, Hàn Quốc, sau đó dần mở rộng ra các nước phát triển Phương Tây. Thu hút đầu tư nước ngoài có chọn lọc, ưu tiên các dự án đầu tư có công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ cao, công nghệ sạch, quản trị hiện đại, có giá trị gia tăng cao, có tác động lan tỏa, kết nối chuỗi giá trị sản xuất và cung ứng liên quốc gia, trong khu vực và toàn cầu.

+ Chú trọng thu hút đầu tư và tạo điều kiện cho các tập đoàn kinh tế tư nhân lớn, có tiềm lực mạnh, có thương hiệu, có khả năng cạnh tranh đầu tư, sản xuất kinh doanh phát triển bền vững, tạo động lực lan tỏa thúc đẩy phát triển các doanh nghiệp

khác; Các nhà đầu tư có thương hiệu toàn cầu (trong nhóm Forbes 500), có năng lực tài chính lớn, có khả năng đầu tư ổn định, lâu dài;

+ Không khuyến khích các dự án đầu tư nước ngoài không có cam kết đầu tư lâu dài (các dự án nhỏ thuê lại nhà xưởng), phụ thuộc nhiều vào nguồn vốn vay.

+ Đổi mới, tăng cường công tác xúc tiến đầu tư; tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, thường xuyên cải thiện môi trường đầu tư. Ban Xúc tiến Đầu tư của Quảng Ninh cần cải thiện hoạt động thu hút đầu tư theo ba nội dung chính sau đây, (1) phân đầu trở thành trung tâm một cửa với năng lực xuyên suốt và chuyên sâu, (2) xây dựng hệ thống chỉ tiêu đánh giá hiệu suất (KPI) công tác thu hút đầu tư và (3) mở rộng phạm vi xúc tiến đầu tư và tận dụng nguồn lực của IPA phối hợp với QEZA để thu hút các dự án đầu tư lớn, phục vụ các ngành công nghiệp định hướng của thành phố.

#### **D. NỘI DUNG XIN Ý KIẾN**

Việc thành lập thành phố Quảng Ninh trên cơ sở địa giới hành chính tỉnh Quảng Ninh nhằm thực hiện các quan điểm, định hướng, mục tiêu của Trung ương về phát triển hệ thống đô thị nước ta và các quy định có liên quan. Với thực trạng phát triển kinh tế - xã hội và quá trình đô thị hóa của tỉnh Quảng Ninh diễn ra một cách mạnh mẽ, liên tục, có sự chuyển đổi mang tính đột phá, đặc biệt tăng tốc trong những năm gần đây. Đối chiếu với quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương và Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15, tỉnh Quảng Ninh đã cơ bản đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn của Thành phố.

Thêm vào đó, tại khoản 6 Điều 12 Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính, có quy định: *“Trường hợp để đáp ứng yêu cầu đặc biệt về quản lý lãnh thổ, bảo vệ chủ quyền quốc gia hoặc phát triển kinh tế - xã hội, tạo động lực liên kết phát triển với các trung tâm kinh tế lớn của quốc gia theo định hướng của cấp có thẩm quyền thì đơn vị hành chính có thể được thành lập, nhập, chia hoặc điều chỉnh địa giới mà không áp dụng các tiêu chuẩn quy định tại Chương I của Nghị quyết này”*; do đó, để kịp thời trình Quốc hội xem xét, quyết định thành lập thành phố Quảng Ninh trực thuộc Trung ương trong năm 2026, kính đề nghị Bộ Chính trị cho phép áp dụng các quy định để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, tạo động lực liên kết phát triển với các trung tâm kinh tế lớn của quốc gia theo định hướng của cấp có thẩm quyền.

Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh kính trình Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ,
- Bộ Nội vụ,
- Sở Nội vụ,
- UBND xã, phường, đặc khu;
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Bùi Văn Kháng**

